



Báo cáo

Đánh giá rủi ro thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu dựa vào cộng đồng Xã Hưng Lộc, huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hóa

Tháng 11 năm 2018

MỤC LỤC

A. Giới thiệu chung

Error! Bookmark not defined.

1. Vị trí địa lý.....**Error! Bookmark not defined.**
2. Đặc điểm địa hình.....**Error! Bookmark not defined.**
3. Đặc điểm thời tiết khí hậu**Error! Bookmark not defined.**
4. Xu hướng thiên tai, khí hậu**Error! Bookmark not defined.**
5. Phân bố dân cư, dân số**Error! Bookmark not defined.**
6. Hiện trạng sử dụng đất đai.....**Error! Bookmark not defined.**
7. Đặc điểm và cơ cấu kinh tế.....**Error! Bookmark not defined.**

B. Thực trạng kinh tế - xã hội, môi trường của xã

Error! Bookmark not defined.

1. Lịch sử thiên tai**Error! Bookmark not defined.**
2. Lịch sử thiên tai và kịch bản BĐKH**Error! Bookmark not defined.**
3. Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH**Error! Bookmark not defined.**
4. Đối tượng dễ bị tổn thương**Error! Bookmark not defined.**
5. Hạ tầng công cộng**Error! Bookmark not defined.**
 - a) Điện **Error!**
Bookmark not defined.
 - b) Đường và cầu cống **Error!**
Bookmark not defined.
 - c) Trường **Error!**
Bookmark not defined.
 - d) Cơ sở Y tế **Error!**
Bookmark not defined.
 - e) Trụ Sở UBND và Nhà Văn Hóa **Error!**
Bookmark not defined.
 - f) Chợ **Error!**
Bookmark not defined.
6. Công trình thủy lợi (kênh, đập, cống, hồ, đê kè)**Error! Bookmark not defined.**
7. Nhà ở**Error! Bookmark not defined.**
8. Nước sạch, vệ sinh và môi trường**Error! Bookmark not defined.**
9. Hiện trạng dịch bệnh phổ biến.....**Error! Bookmark not defined.**
10. Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý**Error! Bookmark not defined.**
11. Hoạt động sản xuất kinh doanh**Error! Bookmark not defined.**
12. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm**Error! Bookmark not defined.**
13. Phòng chống thiên tai/TU'BĐKH**Error! Bookmark not defined.**
14. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác.....**Error! Bookmark not defined.**
15. Tổng hợp hiện trạng Năng lực về PCTT và TU'BĐKH (Kiến thức, kỹ thuật, công nghệ)**Error! Bookmark not defined.**

C. Kết quả đánh giá rủi ro thiên tai và khí hậu của xã

Error! Bookmark not defined.

1. Rủi ro với dân cư và cộng đồng.....**Error! Bookmark not defined.**

2. Hạ tầng công cộng**Error! Bookmark not defined.**
 3. Công trình thủy lợi.....**Error! Bookmark not defined.**
 4. Nhà ở**Error! Bookmark not defined.**
 5. Nước sạch, vệ sinh và môi trường**Error! Bookmark not defined.**
 6. Y tế và quản lý dịch bệnh**Error! Bookmark not defined.**
 7. Giáo dục.....**Error! Bookmark not defined.**
 8. Rừng**Error! Bookmark not defined.**
 9. Trồng trọt.....**Error! Bookmark not defined.**
 10. Chăn nuôi.....**Error! Bookmark not defined.**
 11. Thủy Sản.....**Error! Bookmark not defined.**
 12. Du lịch**Error! Bookmark not defined.**
 13. Buôn bán và dịch vụ khác.....**Error! Bookmark not defined.**
 14. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm**Error! Bookmark not defined.**
 15. Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH**Error! Bookmark not defined.**
 16. Giới trong PCTT và BDKH.....**Error! Bookmark not defined.**
 17. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác.....**Error! Bookmark not defined.**
- D. Tổng hợp kết quả đánh giá và đề xuất giải pháp
Error! Bookmark not defined.
1. Tổng hợp Kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BĐKH...**Error! Bookmark not defined.**
 2. Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BĐKH ..**Error! Bookmark not defined.**
 3. Một số ý kiến tham vấn của các cơ quan ban ngành trong xã**Error! Bookmark not defined.**
 4. Một số ý kiến kết luận của đại diện UBND xã**Error! Bookmark not defined.**
- E. Phụ lục
Error! Bookmark not defined.
1. Phụ lục 1: Danh sách người tham gia đánh giá**Error! Bookmark not defined.**
 2. Phụ lục 2: Các bảng biểu, bản đồ lập ra trong quá trình đánh giá theo hướng dẫn**Error! Bookmark not defined.**
 3. Phụ lục 3: Ảnh chụp một số hoạt động đánh giá**Error! Bookmark not defined.**
- Một số kiến thức tham khảo chung về Đánh giá rủi ro thiên tai**Error! Bookmark not defined.**

A. Giới thiệu chung

Báo cáo được xây dựng dựa trên cơ sở pháp lý của Luật Phòng chống thiên tai (Luật PCTT) và yêu cầu thực tiễn của Đề án 1002 về Quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng trong bối cảnh các tác động của biến đổi khí hậu đang ngày càng gia tăng tại Việt Nam, đòi hỏi cộng đồng dân cư cần củng cố kịp thời các giải pháp giảm rủi ro thiên tai và thích ứng theo hướng bền vững và lâu dài hơn.

Báo cáo này là kết quả tiến trình đánh giá rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu do cộng đồng thực hiện, chú trọng đến nhóm dễ bị tổn thương là trẻ em, phụ nữ, người cao tuổi, người khuyết tật và người nghèo trong khu vực rủi ro cao, ở các lĩnh vực đời sống và xã hội của xã.

Các thông tin đánh giá rủi ro thiên tai được thu thập dựa trên các thông tin cơ bản của một số bản đồ thiên tai hiện có của Tỉnh do Tổng cục PCTT và các sở ban ngành tỉnh cung cấp, cũng như kết quả dự báo kịch bản biến đổi khí hậu của Bộ TNMT, là một trong các cơ sở quan trọng để hỗ trợ xã Xác định, đánh giá, phân vùng rủi ro thiên tai; theo dõi, giám sát thiên tai (Theo điều 17 Luật PCTT).

Các phân tích rủi ro trong báo cáo và các ưu tiên khuyến nghị của nhóm dễ bị tổn thương là những cơ sở quan trọng cho việc xây dựng kế hoạch địa phương như kế hoạch phòng chống thiên tai (Điều 15, Luật PCTT) và Lồng ghép nội dung Phòng chống thiên tai vào kế hoạch phát triển ngành và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội (Điều 16, Luật PCTT)

1. Vị trí địa lý:

Hung Lộc là xã đồng bằng ven biển nằm phía đông kênh de của huyện Hậu Lộc, cách trung tâm huyện 7 km về phía tây, với diện tích tự nhiên là 540,25 ha. Vị trí tiếp giáp với các xã trong huyện như sau: Phía bắc giáp Sông Lèn (2,4km đê sông). Phía Đông giáp xã Đa Lộc, biển Đông (0,6 km đê biển) Phía Nam giáp xã Minh Lộc và xã Ngư Lộc. Phía tây giáp Sông Kênh De (1,1,km đê sông), xã Hoa Lộc, Liên Lộc.

2. Đặc điểm địa hình:

Xã Hưng Lộc là xã đồng bằng ven biển, địa hình có độ phân cấp, thuận tiện cho việc canh tác lúa nước, trồng cây hoa màu và nuôi trồng thủy sản.

Xã Hưng Lộc nằm trong vùng khí hậu ven biển của tỉnh Thanh hoá và được chia làm bốn mùa rõ rệt. Nhiệt độ trung bình 1 tháng khoảng 17-18⁰ C, nhiệt độ thấp nhất tuyệt đối không dưới 5⁰ C, nhiệt độ cao nhất tuyệt đối chưa quá 40⁰ C. Tổng lượng mưa trung bình hàng năm từ 1600 mm đến 1900 mm, nhưng phân bố không đều giữa các tháng trong năm. Mưa tập trung chủ yếu từ tháng 6 đến tháng 10 với 75% tổng lượng mưa, những tháng còn lại ít mưa, chỉ chiếm khoảng 25% tổng lượng mưa, đặc biệt là tháng 11, 12 lượng mưa rất thấp. Độ ẩm trung bình 84-85%, tháng 2, 3 có độ ẩm không khí cao nhất 95%, thích hợp cho các loại dịch bệnh phát triển ở người, gia súc và các loại cây trồng, tháng 5, 6 độ ẩm không khí thấp, ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng phơi màu, thụ phấn cho cây trồng, nhất là lúa, ngô làm cho năng suất thấp, kém chất lượng.

Hàng năm ở xã Hưng Lộc chịu ảnh hưởng của 2 hướng gió chính: gió mùa Đông bắc và gió Đông nam, tốc độ gió trung bình 1,8-2,2 m/s. Ngoài ra còn chịu ảnh hưởng của gió Tây Nam khô nóng rải rác vào các tháng 3- tháng 5. Bão thường xuất hiện từ tháng 7- tháng 10 kèm theo mưa lớn.

3. Đặc điểm thời tiết khí hậu

STT	Chỉ số về thời tiết khí hậu	ĐVT	Giá trị	Tháng xảy ra	Dự báo BĐKH của tỉnh Thanh Hóa năm 2050 theo kịch bản RCP 8,5 (*)
1	Nhiệt độ trung bình	Độ C			Tăng 2,1 ⁰ C
2	Nhiệt độ cao nhất	Độ C		5- 9	Tăng thêm khoảng 2,0-2,4 ⁰ C
3	Nhiệt độ thấp nhất	Độ C		11 – 12 và tháng 1 năm sau	Tăng thêm/Giảm khoảng 2,0-2,4 ⁰ C
4	Lượng mưa Trung bình	mm		Phân bố không đồng đều trong năm (bắt đầu từ tháng 5 kéo dài đến tháng	Tăng thêm khoảng 15-20 mm

				10, nhưng chủ yếu tập trung vào tháng 8 và tháng 9).	
--	--	--	--	--	--

(*) Dữ liệu được nhập vào theo Gói thông tin rủi ro thiên tai và khí hậu cơ bản của từng Tỉnh do Tổng cục PCTT/UNDP tổng hợp trước đánh giá và gửi cho các Nhóm kỹ thuật

4. Xu hướng thiên tai, khí hậu

TT	Nguy cơ thiên tai, khí hậu phổ biến tại địa phương	Giảm	Giữ nguyên	Tăng lên	Dự báo BĐKH của Thanh Hóa năm 2050 theo kịch bản RCP 8.5 (*)
1	Xu hướng hạn hán			X	
2	Xu hướng bão			X	
3	Xu hướng lũ			X	
4	Số ngày rét đậm		X		
5	Mức nước biển tại các trạm hải văn			X	Tăng 25cm
6	Nguy cơ ngập lụt/nước dâng do bão			X	1,43% diện tích – 1,111,000ha
7	Một số nguy cơ thiên tai khí hậu khác xảy ra tại địa phương (giông, lốc, sụt lún đất, động đất, sóng thần)				

(*) Dữ liệu được nhập vào theo Gói thông tin rủi ro thiên tai và khí hậu cơ bản của từng Tỉnh do Tổng cục PCTT/UNDP tổng hợp trước đánh giá và gửi cho các Nhóm kỹ thuật

5. Phân bố dân cư, dân số

TT	Thôn	Số hộ	Số hộ phụ nữ làm chủ hộ	Số khẩu			Hộ nghèo	Hộ cận nghèo
				Tổng	Nữ	Nam		
1	Kiến Long	605	65	2866	1435	1431	44	34
2	Mỹ Thịnh	217	37	996	492	504	13	13
3	Phú Nhi	446	49	2099	1061	1038	26	24
4	Yên Hòa	246	46	1053	541	512	13	7
5	Phú Lương	649	94	2797	1422	1375	46	43
6	Hưng Phú	911	136	3912	1698	2214	79	52
Tổng số		3.074	427	13.723	6649	7079	221	173

Ghi chú: Nguồn số liệu thống kê đến ngày 30/6/2018.

6. Hiện trạng sử dụng đất đai

TT	Loại đất (ha)	Số lượng (ha)
I	Tổng diện tích đất tự nhiên	540,25
1	Nhóm đất Nông nghiệp	
1.1	Diện tích Đất sản xuất Nông nghiệp	314,59
1.1.1	Đất lúa nước	186,97
1.1.2	Đất trồng cây hàng năm (ngô, khoai, mì, mía)	
1.1.3	Đất trồng cây hàng năm khác	59,22
1.1.4	Đất trồng cây lâu năm	22,31

1.2	Diện tích Đất lâm nghiệp	
1.2.1	Đất rừng sản xuất	1,14
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	0
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	0
1.3	Diện tích Đất nuôi trồng thủy/hải sản	
1.3.1	Diện tích thủy sản nước ngọt	35,69
1.3.2	Diện tích thủy sản nước mặn/lợ	9,26
1.4	Đất làm muối	0
1.5	Diện tích Đất nông nghiệp khác (Xây nhà kính phục vụ trồng trọt; xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm; đất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản cho mục đích học tập, nghiên cứu thí nghiệm; đất ương tạo cây giống, con giống và đất trồng hoa, cây cảnh)	0
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	201,66
3	Diện tích Đất chưa Sử dụng	24
	Số % nữ cùng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với chồng	
	- Đất nông nghiệp	0
	- Đất ở	80%
<p><i>Ghi chú: Đất nông nghiệp chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên cả nam và nữ không đứng tên trong giấy chứng nhận. Đất ở đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có cả nam và nữ đứng tên chiếm 80%.</i></p>		

7. Đặc điểm và cơ cấu kinh tế

T	Loại hình sản xuất	Tỷ trọng kinh tế ngành/tổng GDP địa phương (%)	Số hộ tham gia hoạt động Sản xuất kinh doanh (hộ)	Năng suất lao động bình quân/hộ	Tỉ lệ phụ nữ tham gia chính (%)
I.	Nông nghiệp	39,55			
1	Trồng trọt	8,56	1.496	50tr/năm	80%
2	Chăn nuôi	4,03	497	100-160tr/năm	80%
3	Nuôi trồng thủy sản	1,42	346	150-200tr/năm	12%
4	Đánh bắt thủy sản	30,29	73	1.450 tr/năm	0%
II.	Sản xuất Công nghiệp - TTCN	18,2	169	1.500 tr/năm	20%
III	Thương mại – dịch vụ	37,5			
1	Buôn bán	16,3	219	360 tr/năm	80%
2	Dịch vụ	21,2	303	384 tr/năm	45%

Ghi chú : Số hộ tham gia sản xuất nông nghiệp cao hơn so với các ngành nghề khác nhưng giá trị thu nhập chiếm tỷ trọng trong tổng thu nhập thấp.

B. Thực trạng kinh tế - xã hội, môi trường của xã

1. Lịch sử thiên tai

Tháng/năm xảy ra	Loại thiên tai	Số thôn bị ảnh hưởng	Tên thôn	Thiệt hại chính	Số lượng
9/2005	Bão	6/6	Kiến Long Mỹ Thịnh Phú Nhi Yên Hòa Phú Lương Hưng Phú	1. Số nhà bị thiệt hại:	521 nhà
				2. Số km đường bị thiệt hại:	2 Km
				3.Số m đê biển thiệt hại	450 m
				4. Số ha ruộng lúa bị thiệt hại, Hoa màu bị thiệt hại	285 ha
				5. Số ha Nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại	45 ha
				7. Số km kênh mương thiệt hại	12 km
				8. Ô nhiễm môi trường	Toàn xã
				9. Gia súc gia cầm (con)	2500
				10. Tàu thuyền thiệt hại	50 chiếc
				Ước tính thiệt hại kinh tế :	22.5 tỷ VNĐ
				Tháng 2/2008	Rét đậm rét hại
2. Số ha hoa màu bị thiệt hại:	87 ha				
3.. Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại:	45 ha				
4..Gia cầm, gia súc	2300 con				
. Ước tính thiệt hại kinh tế:	1,4 tỷ VNĐ				
Tháng 1/2015	Rét đậm rét hại	6/6	Kiến Long Mỹ Thịnh Phú Nhi Yên Hòa Phú Lương Hưng Phú	1.Số ha ruộng mạ bị thiệt hại, Hoa màu bị thiệt hại	252 ha
				2. Gia súc, gia cầm	2500 con
				. Ước tính thiệt hại kinh tế:	1,1 tỷ VNĐ
Tháng 9/2007	Ngập Lụt	6/6	Kiến Long Mỹ Thịnh Phú Nhi Yên Hòa Phú Lương Hưng Phú	1.. Nhà ở bị ngập lụt	340
				2 Số Ha nuôi trồng thủy sản	25
				3. Số Ha lúa bị thiệt hại	150
				4. Số Ha hoa màu bị thiệt hại	57
				5. Số Km đường nội đồng bị thiệt hại	16
				6. Số Km kênh mương bị thiệt hại	4,7
				7. Số hộ SXKD bị thiệt hại	92
				8. Số giếng đào bị hư hỏng	2500
				9. Nguồn nước	Ô nhiễm

				10. Môi trường	Ô nhiễm
				Ước tính thiệt hại	13 tỷ VNĐ
<p><i>Ghi chú: Là xã nằm trong khu vực thuộc vùng biển của huyện Hậu Lộc thường xuyên chịu nhiều ảnh hưởng của các loại thiên tai. Những thiệt hại trên chỉ thống kê của những đợt thiên tai lớn. Ngoài ra hàng năm vẫn có những thiên tai khác xảy ra nhưng thiệt hại ít hơn.</i></p>					

2. Lịch sử thiên tai và kịch bản BĐKH

ST T	Loại Thiên tai/BĐKH phổ biến ¹	Liệt kê các thôn thường xuyên bị ảnh hưởng của thiên tai	Mức độ thiên tai hiện tại (Cao/Trung Bình/Thấp)	Xu hướng thiên tai theo kịch bản BĐKH 8.5 vào năm 2050 (Tăng, Giảm, Giữ nguyên)	Mức độ thiên tai theo kịch bản (Cao/Trung Bình/Thấp)
1	Bão	Hưng phú	Cao	Tăng	Cao
		Phú Nhi Mỹ Thịnh Kiên Long	Cao	Tăng	Cao
		Yên Hòa Phú Lương	Trung bình	Tăng	Trung bình
2	Lũ lụt	Hưng phú	Cao	Tăng	Cao
		Phú Nhi Mỹ Thịnh Kiên Long	Cao	Tăng	Cao
		Yên Hòa Phú Lương	Trung bình	Tăng	Trung bình
3	Rét đậm rét hại	6/6 thôn	Trung bình	Tăng	Trung bình

***Ghi chú:** Địa hình của xã phân thành 3 vùng. Vùng 1: thôn Hưng Phú nằm ở khu vực giáp đê biển có nhiều điểm nguy cơ cao về bão, lụt, sóng thần, nước biển dâng; Vùng 2: thôn Kiến Long, Mỹ Thịnh, Phú Nhi nằm giáp đê sông Lèn và sông kênh De có nhiều điểm nguy cơ cao của bão và ngập lụt; Vùng 3: thôn Yên hòa, Phú Lương nằm ở khu trung tâm của xã nên có nhiều khu vực an toàn, có thể làm nơi sơ tán cho người dân ở khu vực có nguy cơ cao.*

¹ Theo Quy định của các loại hình thiên tai được quy định trong luật PCTT

3. Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH xã Hưng Lộc



4. Đối tượng dễ bị tổn thương

T	T	Đối tượng dễ bị tổn thương													
		Trẻ em dưới 5 tuổi		Trẻ em từ 5-18 tuổi		Phụ nữ có thai *	Người cao tuổi		Người khuyết tật		Người bị bệnh hiểm nghèo		Người nghèo (hộ)		Người dân tộc
		Nữ	Tổng	Nữ	Tổng		Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	
1	Kiến Long	117	334	216	516	36	255	496	60	115	3	7	13	44	0
2	Mỹ Thịnh	63	131	92	208	15	72	141	17	35	1	2	4	13	0
3	Phú Nhi	98	245	103	216	35	237	462	25	57	2	5	8	26	0
4	Yên Hòa	93	174	46	104	17	109	188	17	28	0	3	3	13	0
5	Phú Lương	168	488	215	363	46	211	311	51	86	2	11	15	46	0
6	Hưng Phú	214	521	242	529	43	324	538	72	125	6	12	18	79	0
	Tổng cộng	753	1.893	914	1.768	192	1.208	2.136	242	446	14	41	61	22	0
													1		

Ghi chú: Do đặc thù, một số nam giới làm nghề khai thác đánh bắt hải sản trên biển, thường bị xảy ra rủi ro tai nạn trên biển. Vì vậy, phụ nữ đơn thân làm chủ hộ nhiều, người cao tuổi là nữ giới nhiều hơn nam giới.

5. Hạ tầng công cộng

a) Điện

T T	Thôn	Số lượng	Năm xây dựng	Đvt	Hiện trạng	
					Kiên cố	Chưa kiên cố
1	Kiến Long	Cột điện:	2010	Cột	227	
		Dây điện (km)	2010	Km	21,86	
		Trạm điện:	1990,2007	Trạm	2	
2	Mỹ Thịnh	Cột điện:	2010	Cột	65	
		Dây điện (km)	2010	Km	4,25	
3	Phú Nhi	Cột điện:	2010	Cột	121	
		Dây điện:	2010	Km	12,08	
		Trạm điện:	1985,2018	Trạm	2	
4	Yên Hòa	Cột điện:	2010	Cột	70	
		Dây điện:	2010	Km	9.48	
		Trạm điện:	2018	Trạm	1	
5	Phú Lương	Cột điện:	2010	Cột	131	
		Dây điện:	2010	Km	10.58	
		Trạm điện:	1991,2017	Trạm	2	
6	Hưng Phú	Cột điện:	2010	Cột	111	
		Dây điện:	2010	km	8,10	
		Trạm điện:	2010,2018	Trạm	2	

Ghi chú: Hệ thống điện lưới do Công ty quản lý kinh doanh điện Thanh Hóa trực tiếp vận hành và quản lý. Nên khi có sự cố được khắc phục kịp thời. Còn hệ thống dây điện sau công tơ do người dân tự đầu tư chưa đồng bộ, vẫn còn 30% số hộ có dây dẫn sau công tơ chưa đảm bảo an toàn.

b) Đường và cầu cống

TT	Thôn	Số lượng	ĐVT	Hiện trạng		
I	Đường			Nhựa	Bê Tông	Đất
1	Kiến Long	Đường xã:(km)	Km	0,59		
		Đường thôn	Km		2,96	
		Đường nội đồng	Km		3,4	
2	Mỹ Thịnh	Đường xã:	Km	0,54		
		Đường thôn	Km		1,03	
		Đường nội đồng	Km		2,1	
3	Phú Nhi	Đường xã:	Km	2,43		

		Đường thôn	Km		3,8	
		Đường nội đồng	Km		2,5	
4	Yên Hòa	Đường xã:(km)	Km	3,61		
		Đường thôn	Km		1,15	
		Đường nội đồng	Km		2,2	
5	Phú Lương	Đường xã:	Km	0,82		
		Đường thôn	Km		1,8	
		Đường nội đồng	Km		2,49	
6	Hung Phú	Đường xã:	Km	0,53		
		Đường thôn	Km		1,52	
II	Cầu, Cống		ĐVT	Kiên cố	Yếu	Tạm
1	6/6 thôn	Cầu giao thông:	0			
		Cống:	0			

Ghi chú: Hệ thống giao thông của xã tuy đã được cứng hóa cơ bản, nhưng do nằm ở vùng thường xuyên bị ảnh hưởng của thiên tai, nên nguy cơ có sạt lở và hư hỏng.

c) Trường

T T	Thôn	Số lượng trường	Đvt	Năm xây dựng	Hiện trạng		
					Kiên cố	Bán kiên cố	Thiếu kiên cố
1	Thôn Mỹ Thịnh, Thôn Phú Lương	Tiểu học 1, 2	Phòng	1997	30	0	8
		THCS	Phòng	2011	26	0	
2	Thôn Yên Hòa	Mầm non	Phòng	2010	25	0	
3	Thôn Yên Hòa	Trường THPT Hậu Lộc 4	Phòng	2004	32	0	

Ghi chú: Cả 4 trường đã đạt chuẩn Quốc gia giai đoạn I nhưng trường Tiểu học Hưng Lộc 2 còn 8 phòng thiếu kiên cố, không đảm bảo an toàn cho học sinh khi có thiên tai.

d) Cơ sở Y tế

T T	Thôn	Số lượng Cơ sở Y tế	Năm xây dựng	Số Giường	Số phòng	Hiện trạng		
						Kiên cố	Bán Kiên cố	Tạm
1		Trạm y tế xã	2014	11	13	13		
		Phòng khám		0				
		Cơ sở bán thuốc tư nhân:	35 hộ					

Ghi chú: Trạm Y tế đã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế, có 1 bác sỹ, 3 y sỹ (1 hộ sinh) và 1 điều dưỡng. Tuy nhiên trang thiết bị chuẩn đoán khám và chữa bệnh chưa có nên số bệnh nhân đến khám và điều trị còn thấp.

e) Trụ Sở UBND và nhà văn hóa

TT	Thôn	Số lượng Trụ sở	Đơn vị tính	Năm xây dựng	Hiện trạng		
					Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
1	Kiến Long	Nhà văn hóa thôn	Cái	2011	1		

2	Mỹ Thịnh	Nhà văn hóa thôn	Cái	2015	1		
3	Phú Nhi	Nhà văn hóa thôn	Cái	2001	1		
4	Yên Hòa	Nhà văn hóa thôn	Cái	2004	1		
5	Phú Lương	Nhà văn hóa thôn	Cái	2010	1		
6	Hưng Phú	Nhà văn hóa thôn	Cái	2018	1		
7	Yên Hòa	Công sở UBND xã	Cái	2004	1		

Ghi chú : Trước năm 2018 xã có 12 thôn. Sau khi sáp nhập thôn xã còn 6 thôn. Nhà văn hóa các thôn cơ bản đã được kiên cố tuy nhiên diện tích Nhà văn hóa chưa đủ cho cộng đồng dân cư sinh hoạt vì sau sáp nhập thôn dân số của các thôn đông hơn.

f) Chợ

TT	Chợ	Thôn	Năm xây dựng	Đơn vị tính	Hiện trạng		
					Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
1	Chợ huyện/xã	Yên Hòa	2011	Cái		1	
2	Chợ tạm/chợ cóc						

Ghi chú: Chợ của xã được đầu tư xây dựng từ năm 2011, kết cấu các gian hàng trong chợ là cột bê tông kèo sắt mái tôn. Hiện nay, mái tôn đang xuống cấp và hư hỏng, không đảm bảo an toàn khi có thiên tai.

6. Công trình thủy lợi (kênh, đập, cống, hồ, đê, kè)

TT	Hạng mục	Đơn vị	Năm xây dựng	Số lượng		
				Kiên cố	Bán kiên cố	Chưa kiên cố
1	Thôn Kiến Long					
	Đê Sông (Km)	0,5	1978	0	0	0,5
	Kênh mương	7,2	2007	1,86	3,95	1,39
	Cống thủy lợi	3	2015,1988,1985			3
	Trạm bơm	1	2007	1		
2	Thôn Mỹ Thịnh					
	Đê Sông (Km)	0,7	1978	0	0	0,7
	Kênh mương	3,99	2010	1,96	1,6	0,43
	Cống thủy lợi	2	2006,1978	2		
	Trạm bơm	1	2004	1		
3	Thôn Phú Nhi					
	Đê Sông (Km)	0,8	1978	0	0	0,8
	Kênh mương	4,16	2010	1,08		3,08
	Cống thủy lợi	1	2004	1		
	Trạm bơm	1	2010	1		
4	Thôn Yên Hòa					

	Kênh mương	3,15	1999,2017	2,32	0,29	0,54
5	Thôn Phú Lương					
	Kênh mương	3,23	1999,2017	0,33	0,44	2,46
6	Thôn Hưng Phú					
	Đê Biển (km)	0,5	1988	0,5	0	0
	Kênh mương	1,14	2010		0,83	0,31
	Cống thủy lợi	1	2002		1	
<i>Ghi chú: Hệ thống đê biển đã được kiên cố nhưng chưa đủ cao trình, chỉ chịu được bão cấp 11 trở xuống, hơn nữa do biến đổi khí hậu, nước biển dâng, cường độ bão mạnh, sóng lớn nên không đảm bảo an toàn. Hệ thống đê sông còn thiếu cao trình, chưa được kiên cố, có nhiều đoạn bị sạt lở sạt chân đê. Nên nguy cơ vỡ đê khi có bão lũ xảy ra.</i>						

7. Nhà ở

TT	Tên thôn	Số hộ	Nhà kiên cố	Nhà bán kiên cố	Nhà thiếu kiên cố	Nhà đơn sơ
1	Kiến Long	605	435	155	15	0
2	Mỹ Thịnh	217	147	106	36	0
3	Phú Nhi	446	347	101	2	0
4	Yên Hòa	246	196	55	5	0
5	Phú Lương	649	464	176	7	2
6	Hưng Phú	911	410	319	182	0
	Tổng	3.074	1.999	912	247	2
<i>Ghi chú: Nhà thiếu kiên cố và đơn sơ chủ yếu là các hộ nghèo, hộ cận nghèo, có hoàn cảnh khó khăn và phụ nữ đơn thân</i>						

8. Nước sạch, vệ sinh và môi trường

TT	Tên thôn	Số nhà/Số hộ	Số hộ tiếp cận nguồn nước sinh hoạt					Số hộ sử dụng nhà vệ sinh		
			Giếng (đào/Khoan)	Nước máy	Trạm cấp nước công cộng	Tự chảy	Bể chứa nước công cộng	Hợp vệ sinh (tự hoại, bán tự hoại)	Tạm	Không có
1	Kiến Long	605	3	602	0	0	0	453	152	0
2	Mỹ Thịnh	217	2	215	0	0	0	163	54	0
3	Phú Nhi	446	2	444	0	0	0	335	111	0
4	Yên Hòa	246	0	246	0	0	0	209	37	0
5	Phú Lương	649	22	627	0	0	0	486	119	44
6	Hưng Phú	911	25	886	0	0	0	878	8	25
	Tổng	3.074	54	3.020	0	0	0	2.524	481	69
<i>Ghi chú: Các hộ chưa có nhà vệ sinh và nhà vệ sinh tạm là những hộ có hoàn cảnh khó khăn, phụ nữ đơn thân, thu nhập thấp. Và do đặc thù mật độ dân số đông, số diện tích đất ở trên đầu người thấp, đặc biệt ở khu vực thôn Hưng Phú và Phú</i>										

9. Hiện trạng dịch bệnh phổ biến

TT	Loại dịch bệnh phổ biến	Trẻ em	Phụ nữ	Nam giới	Người cao tuổi	Người khuyết tật
1	Sốt rét	0	0	0	0	0
2	Sốt xuất huyết	0	0	1	0	0
3	Viêm đường hô hấp	60	0	0	0	0
5	Số ca bệnh phụ khoa	0	292	0	0	0

Ghi chú: Phụ nữ bị bệnh phụ khoa nhiều nhưng chủ yếu là tự chữa bệnh ở nhà nên số phụ nữ bị bệnh phụ khoa đến khám tại trạm y tế thấp.

2. Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý: 1.14 ha

T	Loại rừng	Năm trồng rừng	Thôn	Tổng diện tích (ha)	Tỷ lệ thành rừng	Các loại cây được trồng bản địa	Các loại hình sinh kế liên quan đến rừng	Diện tích do dân làm chủ rừng
1	Rừng ngập mặn							
2	Rừng trên cát	0	0	0	0	0	0	0
3	Rừng tự nhiên	0	0	0	0	0	0	0
4	Diện tích quy hoạch trồng rừng ngập mặn nhưng chưa trồng	0	Hung Phú	65 ha	0	Sứ , vẹt, bần		
5	Rừng trồng sản xuất	Hàng năm	Phú Nhi	1,14	0	Phi lao	Lấy củi bán	0

Ghi chú: Xã có 1,14 ha rừng sản xuất nằm ở bãi bồi ven sông do UBND xã quản lý. Hiện nay có 65 ha đất ven biển được quy hoạch nuôi trồng thủy sản nhưng không có hiệu quả, nay đề nghị chuyển sang mục đích trồng rừng ngập mặn.

11. Hoạt động sản xuất kinh doanh

T	Hoạt động sản xuất kinh doanh	Thôn	Số lượng	Số hộ tham gia	Tỷ lệ nữ (%)	Đặc điểm sản xuất kinh doanh	
						Tiềm năng phát triển	Tỷ lệ thiệt hại (%)
1	Trồng trọt (ha) lúa Hoa màu	Kiến Long	77,7	381	70%	Trồng hoa màu hàng hóa	70%
		Mỹ Thịnh	28,69	137	70%	Trồng hoa màu hàng hóa	70%
		Phú Nhi	66,1	284	70%	Trồng hoa màu hàng hóa	70%
		Yên Hòa	25,69	156	70%	Trồng hoa màu hàng hóa	70%
		Phú Lương	48,7	403	70%	Trồng hoa màu hàng hóa	70%
		Hung Phú	5,8	135	70%	Trồng hoa màu hàng hóa	70%
2	Chăn nuôi (Con) Gia súc (GS) Gia cầm (GC)	Kiến Long	GS: 907	91	60%	Chăn nuôi trang trại	30%
			GC: 197.467	87	60%	Chăn nuôi trang trại	10%
		Mỹ Thịnh	GS: 256	27	60%	Chăn nuôi trang trại	30%

			GC: 77.366	36	60%	Chăn nuôi trang trại	10%
		Phú Nhi	GS: 922	56	60%	Chăn nuôi trang trại	30%
			GC: 148.680	33	60%	Chăn nuôi trang trại	10%
		Yên Hòa	GS: 236	33	60%	Chăn nuôi trang trại	30%
			GC: 1424	17	60%	Chăn nuôi trang trại	10%
		Phú Lương	GS: 897	66	60%	Chăn nuôi trang trại	30%
			GC: 1597	17	60%	Chăn nuôi trang trại	10%
		Hung Phú	GS: 245	23	60%	Chăn nuôi trang trại	30%
			GC: 216	11	60%	Chăn nuôi trang trại	10%
3	Đánh bắt thủy sản Tàu thuyền gắn bờ Tàu thuyền gắn bờ	Phú Lương	Tàu xa bờ	10	0%	Đánh bắt xa bờ	30%
			Tàu gần bờ	9	0%	Đánh bắt xa bờ	30%
		Hung Phú	Tàu xa bờ	28	0%	Đánh bắt xa bờ	30%
			Tàu gần bờ	26	0%	Đánh bắt xa bờ	30%
4	Nuôi trồng thủy sản, chế biến thủy sản	Phú Nhi	6,5 ha	8	20%	Nuôi tôm sú, tôm thẻ chân trắng	60%
		Phú Lương	4,2 ha	84	20%	Nuôi tôm sú, tôm thẻ chân trắng	92,795 tỷ
		Kiến Long	26 ha	252	20%	Nuôi tôm sú, tôm thẻ chân trắng	322 tỷ
		Mỹ Thịnh	1,8 ha	2	20%	Nuôi tôm sú, tôm thẻ chân trắng	3 tỷ
5	Buôn bán dịch vụ khác:	Kiến Long	Hộ	103	65%	Kinh doanh tạp hóa, ăn uống	20%
		Mỹ Thịnh	Hộ	41	65%	Kinh doanh tạp hóa, ăn uống	20%
		Phú Nhi	Hộ	113	65%	Kinh doanh tạp hóa, ăn uống	20%
		Yên Hòa	Hộ	71	65%	Kinh doanh tạp hóa, ăn uống	20%
		Phú Lương	Hộ	93	65%	Kinh doanh tạp hóa, ăn uống	20%
		Hung Phú	Hộ	101	65%	Kinh doanh tạp hóa, ăn uống	20%
6	Công nghiệp - TTCN	Kiến Long	Hộ	37	30%	Chế biến gỗ, may túi siêu thị, gò hàn, cơ khí	20%
		Mỹ Thịnh	Hộ	13	30%	Chế biến gỗ, may túi siêu thị, gò hàn, cơ khí	20%
		Phú Nhi	Hộ	11	30%	Chế biến gỗ, may túi siêu thị, gò hàn, cơ khí	20%
		Yên Hòa	Hộ	35	30%	Chế biến gỗ, may túi siêu thị, gò hàn, cơ khí	20%
		Phú Lương	Hộ	39	30%	Chế biến gỗ, may túi siêu thị, gò hàn, cơ khí	20%
		Hung Phú	Hộ	34	30%	Chế biến gỗ, may túi	20%

Ghi chú: Hiện tại ngành Thương mại – dịch vụ của xã chiếm tỷ trọng cao trong tổng thu nhập của địa phương. Tuy nhiên xã đang chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng hàng hóa để giữ ổn định tỷ trọng ngành nông nghiệp.

12. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm

TT	Loại hình	ĐVT	Số lượng	Địa bàn Thôn
1	Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh	%	97	6/6
2	Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh	%	96	6/6
3	Số loa phát thanh (không dây, mạng lưới)	loa	80	6/6
4	Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh báo sớm/khẩn cấp khác (còi ù, công, chiêng, v.v.) tại thôn	%	100	6/6
5	Số trạm khí tượng, thủy văn	Trạm	0	
6	Số hộ được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu)	Hộ	921	Thôn Hưng Phú, Thôn Kiến Long
7	Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin	Hộ	1907	

Ghi chú: Hệ thống loa truyền thanh của xã đến thôn đã xuống cấp và hư hỏng nặng, không đảm bảo cho công tác tuyên truyền thông tin cảnh báo sớm cho nhân dân về phòng chống thiên tai và biến đổi khí hậu.

13. Phòng chống thiên tai/TU'BDKH

T T	Loại hình	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Số lượng thôn có kế hoạch/phương án Phòng chống thiên tai và/hoặc kế hoạch thích ứng BĐKH hàng năm	Thôn	06	
2	Số lượng trường học có kế hoạch PCTT hàng năm	Trường	05	
3	Số lần diễn tập PCTT trong 10 năm qua tại xã	Lần	10	
4	Số thành viên Ban chỉ huy PCTT và TKCN của xã	Người	38	
	- Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì	Người	8	
	- Số lượng đã qua đào tạo QLRRTT-DVCD hoặc đào tạo tương tự về PCTT, trong đó số nữ là bao nhiêu	Người	0	
5	Số lượng lực lượng thanh niên xung kích, chữ thập đỏ, cứu hộ-cứu nạn tại xã	Người	332	
	- Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì	Người		
6	Số lượng Tuyên truyền viên PCTT/TU'BDKH dựa vào cộng đồng	Người	38	
	- Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì	Người	8	
7	Số lượng Phương tiện PCTT tại xã:			

	- Ghe, thuyền:	Chiếc	2	
	- Áo phao	Chiếc	70	
	- Loa	Chiếc	8	
	- Đèn pin	Chiếc	332	
	- Máy phát điện dự phòng	Chiếc	4	
	- Lều bạt	Chiếc	4	
	- Xe vận tải (hợp đồng trước)	Chiếc	25	(9 xe khách và 16 xe tải)
8	Số lượng vật tư thiết bị dự phòng:			
	- Bạt dứa	cái	1230	
	- Bao bì	Cái	8150	
	- Cọc tre:	Cọc	645	
	- Đá dăm	m ³	5	
	- Đất dự trữ	m ³	530	
	- Rọ sắt	Rọ	430	
	- Lưới B40	m ²	455	
9	Số lượng thuốc y tế dự phòng tại chỗ	Đơn vị	1 cơ số	

Ghi chú: Ban chỉ huy PCTT và lực lượng xung kích từ xã xuống thôn còn thiếu trang thiết bị không đảm bảo an toàn khi làm nhiệm vụ.

14. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác: Không có

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

15. Tổng hợp hiện trạng Năng lực về PCTT và TUBĐKH (Kiến thức, kỹ thuật, công nghệ)

T	Liệt kê các loại Kiến thức, Kinh nghiệm & Công nghệ	Kiến Long	Mỹ Thịnh	Phú Nhi	Phú Lương	Yên Hòa	Hưng Phú	Khả năng của xã (Cao, Trung Bình, Thấp)
1	Kiến thức chung về PCTT của cộng đồng để bảo vệ người và tài sản trước thiên tai (ứng phó, phòng ngừa và khắc phục)	65%	75%	65%	60%	80%	50%	Trung bình
2	Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng							
	- Điện sau công tơ	85%	85%	85%	85%	90%	80%	Cao

	- Đường và cầu cống	70%	70%	70%	70%	70%	70%	Trung bình
	- Trường	95%	95%	95%	90%	95%	95%	Cao
	- Trạm					95%		Cao
	- Trụ sở UBND, Nhà Văn hóa					95%		Cao
	- Chợ					65%		Trung bình
3	Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình thủy lợi	70%	70%	70%	70%	70%	70%	Trung bình
4	Kỹ năng và kiến thức chằng chống nhà cửa	70%	70%	70%	70%	70%	70%	Trung bình
5	Kiến thức giữ gìn vệ sinh và môi trường	70%	70%	70%	70%	70%	70%	Trung bình
6	Khả năng kiểm soát dịch bệnh của đơn vị y tế; Ý thức vệ sinh phòng ngừa dịch bệnh của hộ dân	70%	70%	70%	70%	70%	70%	Trung bình
7	Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý			60%				Thấp
8	Hoạt động sản xuất kinh doanh	70%	70%	70%	70%	70%	70%	Trung bình
9	Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	60%	70%	60%	60%	70%	60%	Trung bình
	Khả năng của thôn (Cao, Trung Bình, Thấp)	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Cao	Trung bình	Trung bình

C. Kết quả đánh giá rủi ro thiên tai và khí hậu của xã Hưng Lộc

1. Rủi ro với dân cư và cộng đồng

Loại hình Thiên tai/ BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/ BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão và ngập lụt	Cụm thôn 1 (Thôn Hưng Phú)	911	<p>*Vật Chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong khu dân cư có 911 hộ nằm ở trong vùng thấp trũng gần đê biển thường xuyên bị ngập lụt. - Có 0,45 km đê biển không đảm bảo cao trình - Hệ thống đường liên thôn thường xuyên bị ngập, nước chảy xiết. - Nhà văn hóa thôn thường bị ngập lụt có khi nước sâu 0,5m đến 0,7m. - Đường dây điện sau công tơ xuống cấp 38% <p>*Tổ chức, Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đội xung kích thường xuyên thay đổi do người có sức khỏe thường đi làm ăn xa, thiếu trang 	<p>*Vật Chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có nhà văn hóa thôn có khuôn viên rộng để sinh hoạt cộng đồng - 94 cột điện được đổ bê tông và 02 trạm biến thế có tường rào bảo vệ và 5,8 km đường dây điện đảm bảo an toàn - Có 40% nhà dân có gác lửng để tránh lụt. - Trong thôn có 5% nhà cao tầng có thể làm nơi sơ tán <p>*Tổ chức, Xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có hệ thống truyền thanh để dự báo cảnh báo khi có thiên tai/BĐKH. - Hàng năm tiêu ban PCTT và 	- Nguy cơ người chết và bị thương khi có thiên tai/ BĐKH.	Cao

		<p>thiết bị, chưa được tập huấn kỹ năng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống truyền thanh xuống cấp chưa được khắc phục.. - Công tác truyền truyền về PCTT/BĐKH còn hạn chế. - Ở thôn có nhiều đối tượng dễ bị tổn thương cần hỗ trợ khi có thiên tai: Người cao tuổi: 538, Trẻ em dưới 5 tuổi: 521; khuyết tật 125, người bị bệnh hiểm nghèo: 12, người nghèo: 79 , phụ nữ có thai 43, phụ nữ đơn thân: 136 - Phụ nữ và trẻ em chưa biết bơi: 90% <p>*Nhận thức, Kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức về PCTT/BĐKH chưa cao - Một số hộ dân ở vùng thấp trũng còn chủ quan không đi sơ tán, sợ mất tài sản - Người dân lo làm ăn ít quan tâm đến PCTT.BĐKH, đa số chưa hiểu biết về BĐKH 	<p>TKCN của thôn được kiện toàn gồm 20 đồng chí, tổ xung kích 32 đồng chí, tổ canh đê biển 15 đồng chí do chủ tịch UBND xã quyết định thành lập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các thôn đã tổ chức tuyên truyền cho người dân về PCTT. - Một số cuộc họp thôn có lồng ghép nội dung PCTT/BĐKH <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số hộ dân sống trong vùng thường xuyên bị bão lụt nên cũng có kinh nghiệm trong PCTT, hiểu biết về phương châm 4 tại chỗ. - Sống gần biển, chịu nguy cơ cao khi nước biển dâng nên nhiều hộ khi có điều kiện làm nhà đều thiết kế gác lửng để cất giữ đồ đạc và chuẩn bị lương thực thực phẩm dự trữ khi có thông báo của các cơ quan chức năng về thiên tai. 		
<p>Cụm thôn 2 (Thôn Phú Nhi, Mỹ Thịnh, Kiên Long)</p>	<p>1268 (Kiến Long 605 hộ, Mỹ Thịnh 217 hộ, Phú Nhi 446 hộ)</p>	<p>*Vật Chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong khu dân cư có 1268 hộ nằm ở trong vùng thấp trũng gần sông thường xuyên bị ngập lụt. (Kiến Long 605 hộ, Mỹ Thịnh 217 hộ, Phú Nhi 446 hộ) - Đê Sông Lèn bằng đất dài trên 4,9 km: Kiến Long 2,3 km; Mỹ Thịnh 0,95 km; Phú Nhi 1,65 km. - Đường liên thôn có 3 km nhỏ hẹp, gần hệ thống kênh mương và ruộng. <p>*Tổ chức, Xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đội xung kích thường xuyên thay đổi, đội canh đê, đội thủy nông, đội bảo vệ thiếu trang thiết bị, chưa được tập huấn kỹ năng. - Hệ thống truyền thanh sử dụng lâu năm, do ảnh hưởng của khí hậu biển nên đường dây và loa bị ô xi hóa, thiếu kinh phí để duy tu, sửa chữa. - Công tác truyền truyền về PCTT/BĐKH chưa thường xuyên. - Ở 3 thôn có nhiều đối tượng dễ bị tổn thương cần hỗ trợ khi có thiên tai: Người cao tuổi: 1099 (Kiến Long 496, Mỹ Thịnh 141, Phú Nhi 462), Trẻ em dưới 5 tuổi: 710 trẻ em (Kiến Long 334, Mỹ Thịnh 131, Phú Nhi 245) ; khuyết tật 207 (Kiến Long 115, Mỹ Thịnh 35, Phú Nhi 57); người bị bệnh hiểm 	<p>*Vật Chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà văn hóa 3 thôn đã được xây dựng kiên cố có khuôn viên rộng đảm bảo sinh hoạt cộng đồng. - Có 413 cột điện kiên cố (Kiến Long 227 cột, Mỹ Thịnh 65, Phú Nhi 121 cột) và 04 trạm điện (Phú Nhi 2 trạm, Kiến Long 2 trạm) ; 38,19 km dây điện kiên cố (Kiến Long 21,86 km, Mỹ Thịnh 4,25 km, Phú Nhi 12,08 km) - Trong 3 thôn có 35% nhà cao tầng có thể làm nơi trú ẩn khi có tình huống xảy ra. <p>*Tổ chức, Xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có tiểu ban phòng chống thiên tai của thôn 45 người (mỗi thôn 15 người) - Các thôn thành lập các tổ canh đê, tổ bảo nông, tổ cứu vớt tài sản khi có tình huống xấu xảy ra. - Đã tổ chức họp tuyên truyền cho người dân về PCTT, nâng cao hiểu biết về BĐKH. - Một số cuộc họp thôn đã lồng ghép nội dung về PCTT <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hầu hết các hộ dân sống trong vùng ven đê sông nên cũng có kinh nghiệm trong 	<p>- Nguy cơ người chết và bị thương , khi có thiên tai/ BĐKH.</p>	<p>Cao</p>

		<p>nghèo: 14 (Kiến Long 7, Mỹ thịnh 2, Phú nhi 5); hộ nghèo: 83 (Kiến long 44, Mỹ thịnh 13, Phú nhi 26) , phụ nữ có thai 86 (Kiến long 36, Mỹ thịnh 15, , Phú nhi 35). phụ nữ đơn thân: 151 (Kiến long 65, Mỹ thịnh 37, phú nhi 49).</p> <p>- Phụ nữ và trẻ em chưa biết bơi 75%</p> <p>*Nhận thức, Kinh nghiệm</p> <p>- Kiến thức về PCTT/BĐKH còn hạn chế</p> <p>- Một số hộ dân ở vùng thấp trũng không đi sơ tán do chủ quan và sợ mất tài sản.</p>	<p>PCTT và hiểu biết về phương châm 4 tại chỗ (chỉ huy tại chỗ, vật tư tại chỗ, nhân lực tại chỗ và hậu cần tại chỗ).</p> <p>- Khu vực dân cư thường xuyên bị ảnh hưởng của thiên tai do đó các hộ dân làm nhà đều có gác lửng và chuẩn bị lương thực phẩm dự trữ trước thiên tai.</p> <p>- Tinh thần đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau trong việc khắc phục hậu quả rủi ro thiên tai được nhân dân quan tâm, chú trọng.</p>		
Cụm 3 (Thôn Yên Hòa, Phú Lương)	895 (Yên Hòa 246, Phú Lương 649)	<p>*Vật Chất.</p> <p>- Trong 2 thôn có 12 nhà ở thiếu kiên cố và 2 nhà ở đơn sơ.</p> <p>- Hai thôn có 2 km đường giao thông nhỏ hẹp gần sát kênh mương đi lại khó khăn mất an toàn</p> <p>*Tổ chức, Xã hội</p> <p>- Thiếu trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn như: áo phao, mũ, ủng, máy cưa,... và đội xung kích thường xuyên đi làm ăn xa.</p> <p>- Hệ thống loa truyền thanh từ xã xuống thôn bị hư hỏng.</p> <p>- Truyền truyền về PCTT/BĐKH chưa thường xuyên.</p> <p>- Ở thôn có nhiều đối tượng dễ bị tổn thương cần hỗ trợ khi có thiên tai: Người cao tuổi: 499 (Yên Hòa 188, Phú Lương 311); Trẻ em dưới 5 tuổi: 662 (Yên Hòa 174, Phú Lương 488); khuyết tật 114 (Yên Hòa 28, Phú Lương 86), người bị bệnh hiểm nghèo: 14 (Yên Hòa 3, Phú Lương 11), người nghèo: 59 hộ (Yên Hòa 13, Phú Lương 46) , phụ nữ có thai 63 (Yên Hòa 17, Phú Lương 46), phụ nữ đơn thân: 140 (Yên Hòa 46, Phú Lương 94).</p> <p>- Phụ nữ và trẻ em chưa biết bơi: 97%</p> <p>*Nhận thức, Kinh nghiệm</p> <p>- 50% thiếu kiến thức về PCTT/ BĐKH .</p> <p>- Một số hộ dân còn chủ quan</p>	<p>*Vật Chất</p> <p>- Có nhà văn hóa thôn có khuôn viên rộng để sinh hoạt cộng đồng</p> <p>- 201 cột điện (Yên Hòa 70, Phú Lương 131) và 03 trạm điện (Yên Hòa 1, Phú Lương 2), 15,06 km dây điện kiên cố (Yên Hòa 9,48, Phú Lương 10,58)</p> <p>- Có 20% nhà dân có gác lửng để tránh lụt .</p> <p>- Trong thôn có 30% nhà cao tầng có thể làm nơi sơ tán.</p> <p>*Tổ chức, Xã hội</p> <p>- Các thôn có thành lập tiểu ban phòng chống thiên tai và tổ xung kích của thôn, mỗi thôn 15 người, tổng 2 thôn là 30 người, trong đó có 8 nữ)</p> <p>- Thường xuyên tuyên truyền qua hệ thống thông tin đại chúng về PCTT.</p> <p>- Đã lồng ghép nội dung PCTT/ BĐKH vào các cuộc họp dân và các ngành đoàn thể.</p> <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <p>- Sống trong vùng chịu nhiều thiên tai nên nhiều hộ dân cũng có kinh nghiệm phòng chống thiên tai.</p> <p>- Các hộ nhân dân có tinh thần hỗ trợ giúp người có hoàn cảnh khó khăn và tương thân tương ái đối với các khu vực lân cận.</p>	- Nguy cơ người chết và bị thương khi có thiên tai/ BĐKH.	Trung bình
Rét hại	6/6 thôn	<p>- Nhiệt độ xuống thấp dưới 10 độ C</p> <p>- Tỷ lệ người già và trẻ em cao</p> <p>- Một bộ phận nhân dân còn thiếu kiến thức về phòng chống rét và còn chủ quan.</p>	<p>- Đa số người dân hiểu biết về cách phòng chống rét.</p> <p>- Trang bị chống rét cho cá nhân tương đối đầy đủ.</p> <p>- Tuyên truyền phổ biến kiến thức cho nhân dân phòng</p>	Nguy cơ bị bệnh về đường hô hấp	Thấp

				chống rét.	và tim mạch người già và trẻ em	
<p>Ghi chú: Địa hình của xã hai mặt tiếp giáp với đê sông và một mặt tiếp giáp với đê biển, ngành nghề đánh bắt khai thác biển còn thô sơ nên không đảm bảo an toàn cho tính mạng của người dân trong cộng đồng khi có thiên tai xảy ra.</p>						

2. Hạ tầng công cộng

Loại hình Thiên tai/ BDKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/ BDKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão và ngập lụt	Cụm thôn 1 (Thôn Hưng Phú)	911	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - 2,3 km đường dây điện sau công tơ (chiếm 30%) bị xuống cấp do đầu tư từ lâu nhưng chưa được nâng cấp, không đảm bảo an toàn - 25% Hệ thống đường giao thông trong thôn bê tông nhưng có bề rộng mặt đường nhỏ chỉ từ 1,5 - 2 m và đã bị xuống cấp lại nằm ở vùng trũng nên thường xuyên bị ngập dài ngày rất khó khăn cho việc sơ tán người và tài sản khi có thiên tai xảy ra. <p>*Tổ chức, Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguồn thu của thôn không có, chủ yếu dựa vào đóng góp của cộng đồng dân cư và một phần hỗ trợ rất nhỏ của cấp trên nên không chủ động trong sửa chữa nâng cấp đường giao thông sau thiên tai. - Việc đầu tư kinh phí, tu bổ, duy tu đường giao thông nội thôn hàng năm chủ yếu do nhân dân đóng góp, không có hỗ trợ cấp trên. <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ dân kinh tế khó khăn, chủ yếu dựa vào nghề khai thác trên biển và buôn bán nhỏ thu nhập không ổn định nên việc đóng góp cho các công trình còn hạn chế. 	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 85% cột điện được bê tông, kiên cố, 72% km đường dây điện đảm bảo an toàn kỹ thuật cung cấp điện đầy đủ cho sinh hoạt của người dân - 100% hệ thống đường giao thông nội thôn đã được bê tông hóa - Có nhà văn hóa thôn được xây dựng mới đảm bảo cho sinh hoạt hội họp của cộng đồng <p>*Tổ chức, Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thôn có 0,53 km đường tỉnh lộ chạy qua nên thường xuyên được nâng cấp đảm bảo giao thông đi lại thuận tiện. <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân có ý thức trong việc tham gia đóng góp xây dựng các công trình công cộng trên tinh thần "nhà nước và nhân dân cùng làm". Đóng góp 50% kinh phí để xây dựng hệ thống rãnh thoát nước cho một số tuyến đường nội thôn, giúp cho khu dân cư không bị ngập úng trong mùa mưa. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống đường dây điện bị xuống cấp hư hỏng mất an toàn khi có thiên tai/ BDKH. - Đường giao thông xuống cấp hư hỏng không đảm bảo cho việc sơ tán khi có thiên tai /BDKH 	Cao
	Cụm thôn 2 (Thôn Phú Nhi, Mỹ Thịnh)	1268 (Kiến long 605 hộ, Mỹ thịnh 217 hộ,	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - 70% hệ thống truyền thanh xuống cấp, chưa được khắc phục. - Có 8 km đường hẹp và đường chính nội đồng thấp, dễ bị sạt lở gây khó khăn cho việc đi lại trong công tác phòng chống thiên tai và sơ tán dân khi có tình huống xảy 	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 90 % trụ điện được bê tông, kiên cố, 38,19 km dây điện đảm bảo để cung cấp điện cho sinh hoạt - Có 3,33 km đường liên xã kiên cố (Kiến long 0,5 km, Mỹ thịnh 0,4 km; Phú nhi 	<ul style="list-style-type: none"> - Đường giao thông sạt lở hư hỏng không an toàn đi lại 	Trung bình

	, Kiến Long)	Phú nhi 446 hộ)	<p>ra.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiện khu vực có 2 bến đò (Đò Nhon và đò Thạch Giã) hoạt động kém hiệu quả và đã có 1 bến dừng hoạt động. <p>*Tổ chức, xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguồn thu của các thôn không có, chủ yếu do phân bổ của xã nên không có khả năng sửa chữa nâng cấp đường giao thông bị hư hỏng xuống cấp sau thiên tai. - Công tác vận động nhân dân tham gia đóng góp xây dựng các công trình phúc lợi chưa được thường xuyên. <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc đóng góp xây dựng các công trình còn ít do đa số hộ dân của 3 thôn làm sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi nhỏ lẻ là chủ yếu nên có thu nhập thấp. - Các tuyến đường trong thôn bị hư hỏng do xe ô tô quá trọng tải chạy qua. - Người dân chưa có ý thức trồng cây xanh 2 bên đường. 	<p>2,43 km) và 8 km giao thông nội đồng đã được kiên cố (Kiến long 3,4 km; Mỹ thịnh 2,1 km; Phú Nhi 2,5 km)</p> <ul style="list-style-type: none"> - 3 thôn đều có nhà văn hóa kiên cố có thể làm nơi sơ tán - Có 3 trường đóng trên địa bàn thôn Mỹ thịnh (Trường Mầm non, Trường Tiểu học 1 và Trường THCS) đều đã kiên cố. <p>*Tổ chức, Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hàng năm chính quyền có bố trí nguồn kinh phí để tu sửa, nâng cấp một số công trình bị xuống cấp. - Một số tuyến đường liên thôn được huyện hỗ trợ 100% kinh phí(thôn Phú nhi và Kiến Long) <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân có ý thức tham gia xây dựng các công trình trên tinh thần "nhà nước và nhân dân cùng làm". 	khi có thiên tai /BĐKH	
Cụm 3 (Thôn Yên Hòa, Phú Lương g	895 (Yên Hòa 246, Phú Lương 649)	<p>*Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Trường tiểu học II có 8 phòng học xuống cấp không đảm bảo an toàn khi có thiên tai xảy ra. - Một số tuyến đường nội đồng chưa được bê tông hóa không thuận tiện cho người dân đi lại khi có thiên tai xảy ra, đặc biệt trong quá trình sơ tán dân. - Nhà văn hóa thôn Phú Lương nhỏ hẹp chưa đảm bảo cho sinh hoạt cộng đồng. <p>*Tổ chức, xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguồn thu của thôn còn hạn hẹp, cơ bản là do phân bổ của xã nên không có khả năng sửa chữa nâng cấp đường khi bị sạt lở hư hỏng - Nguồn kinh phí, phân bổ chỉ tiêu làm đường giao thông hàng năm cho 2 thôn quá ít. <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần lớn các hộ dân của 2 thôn chủ yếu tham gia sản xuất trồng trọt và một bộ phận người dân khai thác thủy sản, có thu nhập thấp không ổn định nên việc đóng góp xây dựng các công trình còn hạn chế. - Chưa có các biển cấm các loại xe ô tô trở quá khổ quá tải lưu thông trên đường. - Một số người dân chưa có ý thức trồng cây 2 bên đường tạo môi 	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 100% cột điện được bê tông, kiên cố, 20,06 km dây điện đảm bảo đủ điện cho sinh hoạt (Yên Hòa 9,48, Phú Lương 10,58). - 4,43km đường liên xã, liên thôn (Yên Hòa 3,61, Phú Lương 0,82) và 4,69 km giao thông nội đồng (Yên Hòa 2,2, Phú Lương 2,49) đã được kiên cố hóa. - Có 2 nhà văn hóa thôn kiên cố - Có 1 trường THPT Hậu Lộc 4 được xây dựng kiên cố. - Đã nâng cấp đường bê tông 500m (Phú Lương) do nhân dân tự đóng góp. <p>* Tổ chức, xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thôn Yên Hòa đã được đầu tư một số công trình công cộng nên về đích nông thôn mới vào cuối năm 2017. - UBND xã hàng năm có bố trí nguồn kinh phí để tu bổ, nâng cấp một số công trình bị hư hỏng, xuống cấp. <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân tích cực tham gia đóng góp 50% kinh phí 	Nguy cơ 8 phòng học bị tốc mái, hư hỏng khi có thiên tai BĐKH xảy ra.	Thấp	

			trường xanh sạch đẹp.	để xây dựng các công trình trên tinh thần “nhà nước và dân cùng làm”		
<p>Ghi chú: Xã đang phấn đấu về đích Nông thôn mới cuối năm 2018, nên hạ tầng cơ sở từng bước được đầu tư nâng cấp. Tuy nhiên nằm trong khu vực thường xuyên bị ảnh hưởng của thiên tai nên có nguy cơ sạt lở và xuống cấp, hư hỏng.</p>						

3. Công trình thủy lợi

Loại hình Thiên tai/ BDKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/ BDKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão và ngập lụt	Cụm thôn 1 (Thôn Hưng Phú)	911	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> Thôn không có đất sản xuất nông nghiệp, công trình thủy lợi chủ yếu để phục vụ công tác tiêu thoát nước có 1,14 km kênh mương để tiêu thoát nước khu dân cư trong mùa mưa bão nhưng chưa được kiên cố hóa (0,83 km bán kiên cố và 0,31 km chưa kiên cố) Có 1 công tiêu để tiêu thoát nước ra biển do địa hình trũng nên rác thải ngoài biển thường đổ dồn về cống mỗi khi nước lên, sóng lớn. Do đó công tác tiêu thoát nước ra biển khó khăn do cống tiêu thường xuyên bị ách tắc <p>*Tổ chức, xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> Tuyên truyền về bảo vệ kênh mương còn hạn chế, chưa thành lập được tổ bảo vệ kênh mương để kiểm tra giám sát nạo vét kênh mương. <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> Thu nhập của người dân trong thôn thấp nên việc đóng góp để xây dựng hệ thống kênh mương còn chậm Nhân dân còn xả rác thải ra cống tiêu, gây khó khăn cho việc tiêu thoát nước. 	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> Có 0,83 km kênh mương bán kiên cố để tiêu thoát nước Có 01 cống thủy lợi được kiên cố Có 0,5 km đê biển được kiên cố <p>*Tổ chức, xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> Năm 2015, UBND xã hỗ trợ 50% kinh phí để nhân dân trong thôn xây dựng rãnh thoát nước mặt cho các tuyến đường giao thông trong thôn. UBND xã hàng năm có bố trí nguồn kinh phí để tu bổ, nâng cấp một số công trình bị hư hỏng, xuống cấp. <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> Đa số các hộ dân chủ động nạo vét, khơi thông rãnh thoát nước liên quan đến gia đình mình để công tác tiêu thoát nước khi có mưa lũ xảy ra được thu Đa số người dân tích cực tham gia đóng góp 50% kinh phí để xây dựng các công trình thủy lợi 	<ul style="list-style-type: none"> Kênh mương tiêu nước bị sạt lở hư hỏng khi có thiên tai/ BDKH. Nguy cơ vỡ đê khi có bão cấp 10 trở lên 	Trung bình
	Cụm thôn 2 (Thôn Phú Nhi, Mỹ Thịnh, Kiên Long)	1268 (Kiến Long 605 hộ, Mỹ Thịnh 217 hộ, Phú Nhi 446 hộ)	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> 4,8 km kênh mương chưa được kiên cố hóa (Kiến Long 1,39 km; Mỹ Thịnh 0,43 km; Phú Nhi 3,08km) Tuyến đê Trung ương đi qua địa bàn 3 thôn chưa được cứng hóa, tổng 2km (Kiến Long 0,8 km; Mỹ Thịnh 0,7 km; Phú Nhi 0,5 km). Thôn Kiến Long có cống Tứ dân cũ chưa được kiên cố. <p>*Tổ chức, xã hội</p>	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> Có 4,9 km kênh mương được kiên cố, cụ thể (Kiến Long 1,86 km; Mỹ Thịnh 1,96 km; Phú Nhi 1,08km) Có 5 cống thủy lợi được kiên cố (Kiến Long 2 cống, Mỹ Thịnh 2 cống, Phú Nhi 1 cống) Có 03 trạm bơm kiên cố - mỗi thôn có 1 trạm bơm. <p>*Tổ chức, xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> Thực hiện Chương trình xây dựng Nông thôn mới nên vẫn 	<ul style="list-style-type: none"> Kênh mương bị sạt lở bồi lấp không đảm bảo tưới tiêu khi có thiên tai/ 	Cao

			<ul style="list-style-type: none"> - Nguồn kinh phí để kiên cố hóa kênh mương còn hạn hẹp, chưa đồng bộ. - Có một số đoạn mương tưới tiêu trong quá trình thi công chưa đảm bảo chất lượng công trình, nên dẫn đến hư hỏng chưa được khắc phục. <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ dân còn trông chờ vào hợp tác xã, chưa phối hợp để nạo vét kênh mương. - Một số hộ dân lợi dụng hành lang của mương để trồng cây nên nhiều đoạn mương bị xuống cấp và hư hỏng. - Hệ thống cống rãnh trên tuyến mương (thôn Phú Nhi) chưa được thông thoáng làm ách tắc dòng chảy dẫn đến công tác sản xuất trồng trọt bị ngập úng. 	<p>đề đầu tư xây dựng và nâng cấp các công trình được quan tâm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có Hợp tác xã quản lý kênh mương để nạo vét và điều tiết nước tưới tiêu. - Tổ thủy nông điều tiết nước đảm bảo phục vụ sản xuất. - Hàng năm các thôn đều tổ chức phát động nhân dân nạo vét kênh mương đảm bảo cho công tác tưới tiêu. <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ chủ động nạo vét kênh mương, có trách nhiệm trong việc bảo vệ hệ thống kênh mương nội đồng. - Đa số nhân dân đều có ý thức và trách nhiệm trong việc bảo vệ hệ thống kênh mương. 	BĐKH -Nguy cơ vỡ đê khi có bão cấp 10 trở lên	
	Cụm 3 (Thôn Yên Hòa, Phú Lương)	895 (Yên Hòa: 246, Phú Lương: 649)	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - 3,73 km kênh mương chưa được kiên cố hóa (Yên Hòa: 0,83 Km, Phú Lương: 2,9 Km) <p>*Tổ chức, xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguồn thu của thôn hạn hẹp nên chưa quan tâm bố trí nguồn kinh phí để kiên cố hóa kênh mương. - Hoạt động của tổ thủy nông điều tiết nước chưa hiệu quả. <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sự phối hợp giữa các thôn với Hợp tác xã Nông nghiệp trong việc nạo vét kênh mương chưa đồng bộ và chưa hiệu quả. - Nhiều đoạn mương bị xuống cấp do một số người dân còn xả rác và không được nạo vét thường xuyên. 	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 2,65 km kênh mương được kiên cố. (Yên Hòa: 2,32 Km, Phú Lương: 0,33 Km) <p>*Tổ chức, xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc điều tiết nước tưới tiêu có Hợp tác xã nông nghiệp điều hành và đem lại hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp. - Truyền truyền vận động nhân dân đóng kinh phí để nạo vét kênh mương hàng năm . <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân trong thôn đã chủ động đóng góp kinh phí và ngày công để nạo vét kênh mương, khơi thông dòng chảy 	- Kênh mương bị sạt lở bồi lấp không đảm bảo tưới tiêu khi có thiên tai/BĐKH	Trung bình

Ghi chú: Bằng nguồn vốn của địa phương và cấp trên, đã đầu tư xây dựng nhiều tuyến mương kiên cố nhưng cũng chưa đáp ứng được yêu cầu hiện tại. Do đó, số kênh mương chưa được cứng hóa khi có thiên tai thường xuyên bị sạt lở và bị vùi lấp.

4. Nhà ở

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão và ngập lụt	Cụm thôn 1 (Thôn Hưng Phú)	911	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thôn có 20% nhà thiếu kiên cố có nguy cơ ngập lụt sâu. - Có 35% nhà bán kiên cố do người dân làm nghề khai thác thủy sản, phụ thuộc nhiều vào thiên tai, thu nhập không ổn định nên không có kinh phí xây dựng nhà. 	<p>*Vật chất</p> <p>Có 45% nhà kiên cố trong đó có 5% nhà cao tầng có thể làm điểm để sơ tán tại chỗ cho những hộ sống ở vùng nguy cơ cao và các nhà thiếu kiên cố.</p> <p>*Tổ chức, xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xã làm tốt công tác vận động 	- Nhà ở có nguy cơ bị ngập, sập đổ, tốc mái,	Cao

		<ul style="list-style-type: none"> - Cần hỗ trợ hộ xây dựng 13 nhà ở thiếu kiên cố của các hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn (có danh sách kèm theo) *Tổ chức, xã hội - Chưa tuyên truyền phổ biến rộng rãi cho người dân về xây dựng nhà tránh trú bão - Đội xung kích thường xuyên thay đổi do đi làm ăn xa, thiếu trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn, chưa được tập huấn nên thiếu nhân lực hỗ trợ cho các hộ neo đơn *Nhận thức, kinh nghiệm - Một số hộ dân còn chủ quan, chưa chủ động chằng chống nhà cửa trước mùa mưa bão - Nhiều người dân chủ quan cho rằng đê biển đã được đầu tư xây dựng kiên cố nên không có ý thức trong PCTT 	<ul style="list-style-type: none"> kêu gọi các tổ chức chính trị xã hội, trên địa bàn thôn quan tâm, hỗ trợ về nhà ở cho các hộ khó khăn trong thôn để hoàn thành tiêu chí số 9 về nhà ở. - Có phân công đội xung kích xuống giúp đỡ chằng chống nhà cho các hộ có hoàn cảnh khó khăn, phụ nữ đơn thân. - Một số tổ chức chính trị - xã hội như ủy ban mặt trận tổ quốc xã, hội CTĐ, hội phụ nữ đã vận động xây dựng nhà cho gia đình neo đơn. - Có 3 hộ nghèo trong thôn đã được hỗ trợ xây dựng nhà ở theo Quyết định 48 chính phủ *Nhận thức, kinh nghiệm - Người dân trong thôn có ý thức tương trợ lẫn nhau trong cộng đồng dân cư khi bị TT 	<ul style="list-style-type: none"> hư hỏng khi có thiên tai / BDKH 	
<p>Cụm thôn 2 (Thôn Phú Nhi, Mỹ Thịnh, Kiên Long)</p>	<p>1268 (Kiến long 605 hộ, Mỹ Thịnh 217 hộ, Phú nhi 446 hộ)</p>	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 53 nhà thiếu kiên cố lại ở vùng trũng thấp nguy cơ ngập lụt sâu, cụ thể (Kiến long 15 nhà, Mỹ thịnh 36 nhà, Phú nhi 2 nhà). - Có 362 nhà bán kiên cố người dân làm nông nghiệp thu nhập thấp không có kinh phí xây dựng nhà, cụ thể (Kiến long 155 nhà, Mỹ thịnh 106, Phú nhi 101 nhà). - Cần hỗ trợ 22 hộ có nhà ở thiếu kiên cố (Kiến long 16 hộ, Mỹ Thịnh 3 hộ, Phú nhi 3 hộ). <p>*Tổ chức, xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa tuyên truyền phổ biến cho người dân về xây dựng nhà chống bão lũ - Trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn còn thiếu, đội xung kích chưa được tập huấn thường xuyên về PCTT và thường xuyên đi làm ăn xa nên thiếu nhân lực hỗ trợ cho các hộ già cả neo đơn. <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ chưa chằng chống nhà cửa trước mùa thiên tai, đã được nhắc nhở nhưng vẫn còn chủ quan. - Có 65% hộ dân thường làm nhà theo kiểu truyền thống, chưa có ý thức xây dựng theo thiết kế nhà chống bão lũ. - Sống ở vùng trũng gần sông nhưng người dân chưa làm nhà có gác lửng để đưa đồ đạc lên cao khi có lụt. 	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 929 nhà kiên cố (Kiến long 435 nhà, Mỹ thịnh 147 nhà, Phú nhi 347 nhà) trong đó có một số nhà cao tầng có thể làm điểm để sơ tán tại chỗ cho những hộ sống ở vùng nguy cơ cao và các nhà thiếu kiên cố. <p>*Tổ chức, xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xã đang phân đầu cuối năm 2018 về đích xây dựng Nông thôn mới nên rất quan tâm đến việc đầu tư về nhà ở cho các hộ khó khăn. - Thôn có phân công các tổ, đội xung kích xuống chằng chống nhà cửa cho các hộ có hoàn cảnh khó khăn, phụ nữ đơn thân, người già neo đơn, người khuyết tật. - Có 22 hộ nghèo được hỗ trợ xây dựng nhà ở theo Quyết định 48 của Chính Phủ. <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân trong 3 thôn đều có ý thức tương trợ lẫn nhau trong cộng đồng dân cư khi có thiên tai xảy ra. - 60% hộ dân đã có ý thức tu sửa, chằng chống nhà cửa trước mùa thiên tai. - 35% hộ dân xây dựng nhà ở theo thiết kế nhà chống bão lũ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà ở có nguy cơ bị ngập, sập đổ, tóc mái, hư hỏng khi có thiên tai / BDKH 	Cao

<p>Cụm 3 (Thôn Yên Hòa, Phú Lương)</p>	<p>895 (Yên Hòa 246, Phú Lương 649)</p>	<p>*Vật chất - Có 12 nhà thiếu kiên cố lại có nguy cơ ngập lụt sâu (Yên Hòa 5, Phú Lương 7) - Có 231 nhà bán kiên cố người dân làm nông nghiệp thu nhập thấp không có kinh phí xây dựng nhà kiên cố (Yên Hòa 55, Phú Lương 176) *Tổ chức, xã hội - Công tác tuyên truyền về xây dựng nhà chống bão lũ cho người dân chưa phổ biến rộng rãi. - Địa hình của thôn tương đối rộng và phức tạp nên thiếu nhân lực để hỗ trợ bà con chằng chống nhà cửa. - Lực lượng xung kích chủ yếu là nam thanh niên, thường đi làm ăn xa, không được trang bị đầy đủ trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn, nên không đủ nhân lực để hỗ trợ cho các hộ già cả, hộ neo đơn. *Nhận thức, kinh nghiệm - Đa số các hộ dân thường làm nhà theo kiểu truyền thống, chưa có ý thức xây dựng theo thiết kế nhà chống bão lũ. - Đa số hộ dân chưa làm nhà gác lửng để đưa đồ đạc lên cao khi có bão lũ.</p>	<p>*Vật chất - Có 660 nhà kiên cố (Yên Hòa 196, Phú Lương 464) trong đó có một số nhà cao tầng có thể làm điểm để sơ tán tại chỗ cho những hộ sống ở vùng nguy cơ cao và các nhà thiếu kiên cố. *Tổ chức, xã hội - Cuối năm 2018 xã đang phân đầu về đích xây dựng Nông thôn mới nên tập trung mọi nguồn lực đầu tư về nhà ở cho các hộ khó khăn. - Trước khi có bão lũ, thôn có phân công đội xung kích xuống chằng chống nhà cho các hộ có hoàn cảnh đặc biệt, hộ già neo đơn. - có 7 hộ hộ nghèo trong thôn đã được hỗ trợ xây dựng nhà ở theo Quyết định 48 chính phủ *Nhận thức, kinh nghiệm - Người dân trong thôn luôn đoàn kết, tương trợ giúp đỡ lẫn nhau khi có thiên tai xảy ra. -70% hộ dân đã có ý thức tu sửa, chằng chống nhà cửa trước mùa thiên tai.</p>	<p>Nguy cơ nhà ở bị sập đổ tốc mái, hư hỏng khi có thiên tai /BĐK H xảy ra</p>	<p>Trung bình</p>
---	--	--	--	--	--------------------------

Ghi chú: Địa hình thường xuyên bị thiên tai, số hộ có hoàn cảnh khó khăn, phụ nữ đơn thân, thu nhập thấp nên việc đầu tư xây dựng nhà ở đảm bảo an toàn gặp khó khăn, đề nghị các cấp, các ngành quan tâm.

5. Nước sạch, vệ sinh và môi trường

Loại hình Thiên tai/ BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/ BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão và ngập lụt	Cụm thôn 1 (Thôn Hưng Phú)	911	<p>*Vật chất - Có 5% hộ gia đình trong thôn chưa được sử dụng nước sạch tập trung và không có máy lọc nước - Các hộ chế biến hải sản còn xả nước trực tiếp ra môi trường. - Có 25 hộ chưa có nhà vệ sinh - Thùng rác tại các nơi công cộng chưa có nhiều. - Ngập lụt ngâm lâu ngày gây ra ô nhiễm môi trường. *Tổ chức, xã hội - Trong quy ước, hương ước làng chưa có hình thức xử phạt đối với các hộ vi phạm gây ô nhiễm môi trường, chỉ dừng lại ở mức nhắc nhở trong công tác vệ sinh môi</p>	<p>*Vật chất - 95% hộ dân trong thôn sử dụng nước sạch được cấp tập trung từ nhà máy nước Minh lộc - Nhà vệ sinh tự hoại và bán tự hoại đạt 85%. - Nhà văn hóa thôn có thùng rác công cộng *Tổ chức, xã hội - Công tác tuyên truyền về vệ sinh môi trường có sự phối hợp giữa các tổ chức chính trị xã hội, các ban ngành đoàn thể - Có đội ngũ thu gom rác thải của thôn thu gom 2 ngày 1</p>	- Ô nhiễm môi trường diện rộng khi có thiên tai/ BĐKH	Cao

		<p>trường.</p> <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ chế biến hải sản ý thức về vệ sinh môi trường chưa cao còn xả nước thải trực tiếp ra môi trường do diện tích đất ở nhỏ hẹp, mật độ dân số cao, không có diện tích để thiết kế hệ thống thoát nước ngay tại gia đình. - Một số hộ dân còn vứt rác bừa bãi xuống kênh mương ap hồ 	<p>lần</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ban thôn thường xuyên tuyên truyền vận động các hộ dân tham gia thu gom rác thải và đóng phí thu gom rác thải cơ bản đầy đủ. <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - 95% hộ dân chấp hành tốt việc thu gom rác thải sinh hoạt. - Một số hộ đã tự giác khơi thông cống rãnh thoát nước bảo vệ vệ sinh môi trường. 		
<p>Cụm thôn 2 (Thôn Phú Nhi, Mỹ Thịnh, Kiến Long)</p>	<p>1268 (Kiến Long 605 hộ, Mỹ Thịnh 217 hộ, Phú Nhi 446 hộ)</p>	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các hộ chăn nuôi còn thải nước bẩn trực tiếp ra môi trường. - Có 317 hộ nhà vệ sinh còn tạm thời (Kiến Long 152 hộ, Mỹ Thịnh 54 hộ, Phú Nhi 111 hộ). - Chưa có thùng rác ở các nơi công cộng ở các khu dân cư. - Khi mưa lụt xảy ra nhiều ngày hệ thống tiêu thoát nước ách tắc gây ra ô nhiễm môi trường <p>*Tổ chức, Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công tác tuyên truyền về vệ sinh môi trường còn chưa được thường xuyên. - Chưa có chế tài xử phạt cụ thể chỉ nhắc nhở các trường hợp vi phạm về vệ sinh môi trường. - Chưa bố trí nguồn kinh phí để xây dựng bể nước sạch. <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ ý thức về vệ sinh môi trường chưa cao, vứt rác bừa bãi ra đường hoặc xuống kênh mương, ao hồ. - Một số người dân tự ý vứt bao bì thuốc bảo vệ thực vật xuống lòng kênh, mương sông ngòi. - Một số hộ chăn nuôi nhỏ lẻ chưa có hầm bi ôgas còn thải chất thải trực tiếp ra môi trường. - Một số hộ dân phun thuốc diệt cỏ chưa đúng quy trình hướng dẫn của nhà sản xuất làm ảnh hưởng trực tiếp đến người dân và môi trường xung quanh. 	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 1261 hộ dùng nước máy (Kiến Long 602 hộ, Mỹ Thịnh 215 hộ, Phú Nhi 444 hộ). - Nhà vệ sinh tự hoại và bán tự hoại 851 hộ (Kiến Long 453 hộ, Mỹ Thịnh 163 hộ, Phú Nhi 335). <p>*Tổ chức, xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có đội ngũ thu gom rác thải của xã thu gom mỗi tuần 3 lần. - Hàng tháng các thôn có phân tổ dọn vệ sinh đường làng ngõ xóm trong khu dân cư. - Ban chỉ huy thôn thường xuyên tuyên truyền và vận động nhân dân tham gia thu gom rác thải và đóng phí môi trường. - Đã tuyên truyền qua hệ thống truyền thanh về vệ sinh môi trường. - Hàng tháng phát động toàn dân tổng vệ sinh môi trường. <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - 98% hộ dân chấp hành tốt việc thu gom rác thải. - Các gia đình có trang trại và nhiều hộ chăn nuôi nhỏ lẻ đã thực hiện xây dựng chuồng trại theo đúng quy trình và hợp vệ sinh. - Một số hộ đã tự giác khơi thông cống rãnh bảo vệ vệ sinh môi trường, trồng hoa dọc đường đi. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ô nhiễm môi trường diện rộng khi có thiên tai/ BDKH 	<p>Trung bình</p>
<p>Cụm 3 (Thôn Yên Hòa, Phú Lương)</p>	<p>895 (Yên Hòa 246, Phú Lương)</p>	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các hộ chăn nuôi còn thải nước bẩn trực tiếp ra môi trường. - Có 13 hộ chưa có nhà vệ sinh - Thiếu thùng rác ở các nơi công cộng. 	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 873 hộ dùng nước máy (Yên Hòa 246, Phú Lương 627) - Nhà vệ sinh tự hoại và bán tự hoại 695 hộ (Yên Hòa 209, 	<ul style="list-style-type: none"> - Ô nhiễm môi trường diện rộng khi có 	<p>Trung bình</p>

		g 649)	<p>*Tổ chức, xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công tác tuyên truyền về vệ sinh môi trường còn hạn chế, chưa được thường xuyên, chưa có sự phối hợp giữa các ban ngành - Chưa có hình thức xử phạt chỉ dừng lại ở mức nhắc nhở về vi phạm vệ sinh môi trường. <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ dân còn vứt rác bừa bãi ra đường hoặc xuống kênh mương. - Một số người dân tự ý vứt bao bì thuốc bảo vệ thực vật xuống lòng kênh, mương. - Một số hộ dân còn phun thuốc diệt cỏ ảnh hưởng đến người dân và môi trường. 	Phú Lương 486)	<p>*Tổ chức, xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, các đoàn thể từ xã đến thôn tích cực tuyên truyền vận động vệ sinh môi trường - Có đội ngũ thu gom rác thải của xã thu gom mỗi tuần 3 lần - Đã tuyên truyền qua hệ thống truyền thanh về vệ sinh môi trường. <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ chăn nuôi đã làm hầm bioga. - Một số hộ đã tự giác khơi thông cống rãnh bảo vệ vệ sinh môi trường. 	thiên tai/ BĐKH	
--	--	-----------	---	----------------	--	--------------------	--

Ghi chú: Hiện tại người dân của xã đã được sử dụng nước máy tập trung, đã hợp đồng với Công ty thu gom rác một tuần 2 lần thu gom. Tuy nhiên, địa phương không có vị trí để quy hoạch nhà máy hay lò đốt xử lý rác thải. Do vậy, người dân phải nộp phí xử lý rác thải sinh hoạt cao.

6. Y tế và quản lý dịch bệnh

Loại hình Thiên tai/ BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/ BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão và ngập lụt	Cụm thôn 1 (Thôn Hưng Phú)	911	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi bị ngập lụt lâu ngày rác thải, nước thải sinh hoạt của các hộ gia đình trong thôn chưa được thu gom kịp thời và tiêu thoát do vậy dễ xảy ra các loại dịch bệnh: Sốt xuất huyết, đường ruột, mắt đỏ, viêm da - Thiếu thuốc dự phòng và hóa chất xử lý nước trong thiên tai - Thiếu trang thiết bị, máy móc phục vụ khám chữa bệnh. - Cơ sở thuốc tại trạm y tế chưa đủ để phục vụ cho người dân. <p>*Tổ chức, xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ y tế thôn, xã trình độ chuyên môn chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. - Tuyên truyền về vệ sinh phòng bệnh còn hạn chế - Chưa quản lý tốt công tác vệ sinh môi trường. - Tổ chức phun thuốc khử trùng tiêu độc sau lũ lụt chưa kịp thời do thôn có địa hình rộng, phức tạp, mật độ dân số cao 2.175 người/km² <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân thiếu kiên thức về an toàn thực phẩm 	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 1 y tế thôn . - Một số hộ có tủ thuốc gia đình. - 100% hộ dân tham gia bảo hiểm y tế theo chính sách xã bãi ngang ven biển đặc biệt khó khăn. - Có một số cơ sở thuốc dự phòng cho thiên tai. <p>*Tổ chức, xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số người dân đã đến khám bệnh tại trạm y tế - Tiêm phòng vacxin và cho trẻ uống vitamin A định kỳ đạt 98%. - Tổ chức ra quân dọn dẹp vệ sinh môi trường sau thiên tai. - Tuyên truyền về chăm sóc sức khỏe vệ sinh môi trường. - Công tác kiểm tra an toàn thực phẩm được quan tâm hơn. - Phun thuốc tiêu độc khử trùng và thuốc diệt muỗi sau thiên tai 	- Nguy cơ Dịch bệnh ở người sau thiên tai/ BĐKH	Trung bình

		<ul style="list-style-type: none"> - Chưa mua thuốc theo đơn của Bác sĩ, tự ý mua thuốc, tự điều trị - Chưa đi khám bệnh định kỳ, khi có bị đau mới đi khám. - Người dân chưa tin tưởng vào trình độ, năng lực khám chữa bệnh của bác sỹ trạm y tế. - Đa số các hộ dân chưa có tủ thuốc gia đình. 	<p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số người dân có ý thức tham gia dọn dẹp vệ sinh môi trường nơi công cộng sau thiên tai. - Một số người dân đi khám bệnh định kỳ theo sổ bảo hiểm y tế. - nhiều người dân đã quan tâm hạn sử dụng của các loại thuốc và hàng tiêu dùng. 		
<p>Cụm thôn 2 (Thôn Phú Nhi, Mỹ Thịnh, Kiến Long)</p>	<p>1268 (Kiến Long 605 hộ, Mỹ Thịnh 217 hộ, Phú Nhi 446 hộ)</p>	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - 3 thôn ở gần sông khi có lụt xác súc vật chết, trôi nổi gây ô nhiễm môi trường, gây ra dịch bệnh, nên sau thiên tai thường xảy ra dịch bệnh như: Sốt xuất huyết, viêm đường hô hấp, mắt đỏ, ngoài da. - Thiếu thuốc dự phòng và hóa chất xử lý nước trong thiên tai - Thiếu trang thiết bị, máy móc phục vụ khám chữa bệnh. - Cơ sở thuốc tại trạm y tế chưa đủ để phục vụ cho người dân. <p>*Tổ chức, xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ y tế thôn trình độ chuyên môn chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. - Tuyên truyền về vệ sinh phòng bệnh còn hạn chế. - Tổ chức phun thuốc khử trùng tiêu độc sau lũ lụt chưa kịp thời. <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân thiếu kiên thức về an toàn.thực phẩm - Chưa mua thuốc theo đơn của Bác sĩ, tự ý mua thuốc, tự điều trị - Chưa đi khám bệnh định kỳ, khi có bị đau mới đi khám. - Đa số các hộ dân chưa có tủ thuốc gia đình. 	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 3 y tế thôn (mỗi thôn 1 người). - 100% hộ dân tham gia bảo hiểm y tế (có hỗ trợ bảo hiểm y tế đối với xã sống ở vùng bãi ngang ven biển đặc biệt khó khăn). <p>*Tổ chức, xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số người dân đã đến khám bệnh tại trạm y tế. - Tiêm phòng vacxin và cho trẻ uống vitamin A định kỳ. - Tổ chức ra quân dọn dẹp vệ sinh môi trường sau thiên tai. - Tuyên truyền về chăm sóc sức khỏe vệ sinh môi trường. - Phun thuốc khử trùng và thuốc diệt muỗi sau thiên tai. <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số người dân có ý thức tham gia dọn dẹp vệ sinh môi trường nơi công cộng sau thiên tai. - Một số người dân đi khám bệnh kỳ theo sổ bảo hiểm y tế. - Người dân đã quan tâm về chất lượng của các sản phẩm hàng hóa, xuất xứ hàng hóa. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ Dịch bệnh ở người sau thiên tai/ BDKH 	<p>Trung bình</p>
<p>Cụm 3 (Thôn Yên Hòa, Phú Lương g)</p>	<p>895 (Yên Hòa 246, Phú Lương 649)</p>	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiếu thuốc dự phòng và hóa chất xử lý nước trong thiên tai - Thiếu trang thiết bị, máy móc phục vụ khám chữa bệnh. - Cơ sở thuốc tại trạm y tế chưa đủ để phục vụ cho người dân. <p>*Tổ chức, xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ y tế thôn trình độ chuyên môn chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. - Tuyên truyền về vệ sinh phòng 	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 2 cán bộ y tá thôn . - Một số hộ có tủ thuốc gia đình. - 100% hộ dân tham gia bảo hiểm y tế. <p>*Tổ chức, xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số người dân đã đến khám bệnh tại trạm y tế - Tiêm phòng vacxin và cho trẻ uống vitamin A định kỳ. - Tổ chức ra quân dọn dẹp 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ Dịch bệnh ở người sau thiên tai/ BDKH 	<p>Trung bình</p>

		bệnh còn hạn chế - Phun thuốc khử trùng sau thiên tai chưa kịp thời. - Chưa quản lý tốt công tác vệ sinh môi trường. - Tổ chức phun thuốc khử trùng tiêu độc sau lũ lụt chưa kịp thời. *Nhận thức, kinh nghiệm - Người dân thiếu kiên thức về an toàn thực phẩm - Chưa mua thuốc theo đơn của Bác sĩ, tự ý mua thuốc, tự điều trị - Chưa đi khám bệnh định kỳ, khi có bị đau mới đi khám. - Đa số các hộ dân chưa có tủ thuốc gia đình.	vệ sinh môi trường sau thiên tai. - Tuyên truyền về chăm sóc sức khỏe vệ sinh môi trường. - Phun thuốc khử trùng và thuốc diệt muỗi sau thiên tai *Nhận thức, kinh nghiệm - Đa số người dân có ý thức tham gia dọn dẹp vệ sinh môi trường nơi công cộng sau thiên tai. - Một số người dân đi khám bệnh kỳ theo sổ bảo hiểm y tế. - Gần đây một số người trẻ đã quan tâm đến hạn sử dụng và chất lượng sản phẩm hàng hóa.		
--	--	--	---	--	--

Ghi chú: Địa bàn xã nằm ở cuối nguồn sông Lèn nên khi lũ về mang theo rác thải và xác động vật chết, nên nguy cơ xảy ra dịch bệnh sau thiên tai cao: sốt xuất huyết, đau mắt đỏ, tiêu chảy...

7. Giáo dục

Loại hình Thiên tai/ BDKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/ BDKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão và ngập lụt	Cụm thôn 1 (Thôn Hưng Phú)	911	*Vật chất - Thôn nằm trong vùng trũng nên khi có những trận lụt bão kéo dài sẽ làm 100% các tuyến đường giao thông trong thôn bị ngập cho nên học sinh phải nghỉ học dài ngày. - Học sinh chưa biết bơi 85%, nhà trường thiếu phương tiện cứu nạn, cứu hộ khi có thiên tai xảy ra. *Tổ chức, xã hội - Chưa tổ chức tập huấn về kỹ năng PCTT/BDKH cho học sinh. - Nhà trường còn thiếu trang thiết bị PCTT như áo phao, dụng cụ sơ cấp cứu ban đầu - Chưa có hồ bơi và dạy bơi trong trường học. *Nhận thức, kinh nghiệm - Đa số phụ huynh chưa có ý thức cho con em học bơi. - Trẻ em thiếu kiến thức kỹ nhưng hiếu động hay đến những nơi nguy hiểm để chơi dễ xảy ra rủi ro	*Vật chất - Trường học kiên cố đảm bảo cho học sinh học tại trường hàng ngày *Tổ chức, Xã hội: - Thầy cô đã quan tâm hỗ trợ học sinh khi có thiên tai/BDKH - Trường học đã thông báo kịp thời cho học sinh nghỉ học khi có thiên tai. - Trường tiểu học đã tuyên truyền về PCTT/BDKH cho học sinh. Các buổi sinh hoạt tập thể như chào cờ, sinh hoạt lớp có nhắc nhở về PCTT/BDKH. *Nhận thức, kinh nghiệm - Thường xuyên sống trong vùng bão, lụt nên một số em được bố mẹ quan tâm hướng dẫn kiến thức PCTT/BDKH. - Một số phụ huynh đã quan tâm đến việc dạy bơi cho trẻ em.	Nguy cơ trẻ em bị đuối nước và nghỉ học dài ngày khi có thiên tai/ BDKH	Cao
	Cụm thôn 2 (Thôn Phú)	1268 (Kiến long 605 hộ,	*Vật chất - Nhà trường thiếu phương tiện cứu nạn, cứu hộ nên khi có thiên tai xảy ra chưa chủ động ứng phó. - Trường học chưa xây dựng được	*Vật chất - Có 3 trường học đóng trên địa bàn thôn Mỹ thịnh (Trường Mầm non, trường tiểu học 1 và trường THCS) kiên cố.	Nguy cơ trẻ em bị đuối nước	Trung bình

Nhi, Mỹ Thịnh, Kiên Long)	Mỹ thịnh 217 hộ, Phú nhi 446 hộ)	<p>bể bơi để tập bơi cho các cháu học sinh.</p> <p>*Tổ chức, xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa tổ chức tập huấn về kỹ năng PCTT/BĐKH cho học sinh. - Nhà trường chưa có trang thiết bị PCTT như áo phao, dụng cụ sơ cấp cứu ban đầu. - Chưa có hồ bơi và dạy bơi trong trường học. - Học sinh chưa biết bơi 75% <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số phụ huynh chưa có ý thức cho con em học bơi. - Học sinh thiếu kiến thức nhưng hiếu động hay đến những nơi nguy hiểm để chơi dễ xảy ra rủi ro. 	<p>*Tổ chức, xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các Trường học đã thông báo kịp thời cho học sinh nghỉ học khi có thiên tai. - Trường tiểu học 1 và Trường THCS đã truyền truyền về PCTT/BĐKH cho học sinh. Các buổi sinh hoạt tập thể như chào cờ, sinh hoạt lớp có nhắc nhở về PCTT/BĐKH. <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thường xuyên sống trong vùng bão, lụt nên một số em được bố mẹ quan tâm hướng dẫn kiến thức PCTT/BĐKH. - Một số phụ huynh đã quan tâm đến việc dạy bơi cho trẻ em. 	khi có thiên tai/ BĐKH	
Cụm 3 (Thôn Yên Hòa, Phú Lương g	895 (Yên Hòa 246, Phú Lương 649)	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa xây dựng được bể bơi cho các em học sinh để tập bơi nên có nguy cơ bị đuối nước cao. <p>*Tổ chức, xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa tổ chức thường xuyên tập huấn về kỹ năng phòng, chống thiên tai/BĐKH cho học sinh. - Nhà trường còn thiếu trang thiết bị PCTT như áo phao, dụng cụ sơ cấp cứu ban đầu - Học sinh chưa biết bơi 90%, - Chưa có hồ bơi và dạy bơi trong trường học. <p>* Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số phụ huynh chưa có ý thức cho con em học bơi. - Học sinh thiếu kiến thức nhưng hiếu động hay đến những nơi nguy hiểm để chơi dễ xảy ra rủi ro 	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có một điểm trường tiểu học và 01 điểm trường THPT kiên cố. <p>*Tổ chức, Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường học đã thông báo kịp thời cho học sinh nghỉ học khi có thiên tai. - Trường tiểu học đã truyền truyền về PCTT/BĐKH cho học sinh. Các buổi sinh hoạt tập thể như chào cờ, sinh hoạt lớp có nhắc nhở về PCTT/BĐKH. <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thường xuyên sống trong vùng bão, lụt nên một số em được bố mẹ quan tâm hướng dẫn kiến thức PCTT/BĐKH. - Một số phụ huynh đã quan tâm đến việc dạy bơi cho trẻ em. 	Nguy cơ trẻ em bị đuối nước khi có thiên tai/ BĐKH	Trung bình

Ghi chú: Do nguồn nước ở biển, sông, ao hồ bị ô nhiễm trẻ em không tập bơi được nên tỷ lệ trẻ em không biết bơi cao, khi học sinh nghỉ học dài ngày do thiếu kiến thức, hiếu động, bố mẹ lo làm ăn nên có nguy cơ xảy ra đuối nước cao.

8. Rừng trồng: Không có

Loại hình Thiên tai/ BĐKH	Tên	Diện tích	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/ BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

9. Trồng trọt

Loại hình Thiên tai/ BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/ BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

Bão và ngập lụt	Cụm thôn 2 (Thôn Phú Nhi, Mỹ Thịnh, Kiên Long)	1268 (Kiến Long 605 hộ, Mỹ Thịnh 217 hộ, Phú Nhi 446 hộ)	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - 3 thôn nằm ở vùng trũng thấp bị bao bọc bởi các sông Lèn nên có 70% số diện tích hoa màu và diện tích lúa thường xuyên bị ngập úng hư dễ bị hỏng không cho thu hoạch (Kiến Long 54,4 ha; Mỹ Thịnh 20,08 ha; Phú Nhi 46,27 ha). - Năng suất cây trồng thấp, do BĐKH thời tiết thất thường, lúc mưa lúc nắng, có những đợt sau ngập lụt thì nắng nóng gay gắt cây trồng không phát triển được, bị dịch bệnh sâu hại trên cây trồng. <p>*Tổ chức, xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công tác chuyển đổi cây trồng chưa mang lại hiệu quả kinh tế cao, chưa có tính bền vững. - Thuốc bảo vệ thực vật, phân bón trôi nổi không được quản lý nên người dân mua nhầm thuốc giả, kém chất lượng. - Tập huấn chuyển giao KHKT chưa được nhiều. - Hợp tác xã chưa bao tiêu được sản phẩm đầu ra. Chủ yếu người dân tự cung, tự cấp. - Cơ cấu cây trồng không đồng bộ, sử dụng thuốc trừ sâu chưa theo lịch thời vụ và hướng dẫn của HTX nông nghiệp. <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ dân phun thuốc sâu không có bảo hộ lao động - Một số hộ dân chưa thực hiện đúng theo lịch thời vụ. - Một số hộ dân trồng rau màu sử dụng thuốc bảo vệ thực vật làm ảnh hưởng đến sức khỏe người dân. 	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - 172,49 ha diện tích đất trồng lúa (Kiến Long 77,7 ha, Mỹ Thịnh, Phú Nhi 66,1ha) với 614 hộ tham gia (Kiến Long 381 hộ, Mỹ Thịnh 137 hộ, Phú Nhi 284 hộ) trong đó tỷ lệ nữ chiếm 70%. - Đã xây dựng được hệ thống kênh mương nước ngọt, chủ động trong việc tưới tiêu, phục vụ sản xuất nông nghiệp. - Tiềm năng phát triển của 3 thôn trọng tâm là cây hoa màu hàng hóa. - Đa số kênh mương được bê tông hóa, đường nội đồng được kiên cố nên việc vận chuyển hàng sản phẩm nông sản của nhân dân được thuận lợi. <p>*Tổ chức, xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hợp tác xã cung ứng phân bón trả chậm cho nhân dân, quản lý các khâu dịch vụ nước tưới cây trồng tốt. - Đã tổ chức tập huấn hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt. - HTX thường xuyên khuyến cáo người dân trong công tác chăm sóc bảo vệ cây hoa màu, chuyển đổi đất lúa không có năng suất cao sang cây màu. <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân đã biết chuyển đổi cây lúa kém năng suất sang trồng cây màu có đầu ra bền vững. - Đa số hộ dân có kinh nghiệm trong trồng trọt. 	- Lúa và hoa màu mất mùa, giảm năng suất khi có thiên tai/ BĐKH	Cao
	Cụm 3 (Thôn Yên Hòa, Phú Lương)	895 (Yên Hòa 246, Phú Lương 649)	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 10,75 ha lúa, hoa màu (Yên Hòa: 4,75, Phú Lương 06) thường xuyên bị ngập úng, không cho thu hoạch. - Năng suất cây trồng thấp, do BĐKH thời tiết thất thường, lúc mưa lúc nắng, có những đợt sau ngập lụt thì nắng nóng gay gắt cây trồng không phát triển được, bị dịch bệnh sâu hại trên cây trồng - Hệ thống kênh mương nội đồng chưa đảm bảo nước tưới cho lúa và hoa màu (3,0 km Kênh bằng đất) nên trồng trọt phụ thuộc hoàn toàn vào thiên nhiên. <p>*Tổ chức, xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công tác chuyển đổi cây trồng chưa mang lại hiệu quả kinh tế 	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - 63,64 ha diện tích đất trồng lúa và hoa màu với 559 hộ tham gia sản xuất trong đó tỷ lệ nữ chiếm 70% - Kênh đã được bê tông hóa, đường nội đồng được kiên cố nên việc vận chuyển hàng nông sản của nhân dân được thuận lợi. <p>*Tổ chức, xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hợp tác xã cung ứng phân bón cho nhân dân, quản lý các khâu dịch vụ nước tưới cây trồng tốt. - Đã tổ chức tập huấn hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt nhưng chủ yếu nữ tham gia. - Khuyến cáo người dân 	- Lúa và hoa màu mất mùa, giảm năng suất khi có thiên tai/ BĐKH	Cao

		<p>cao, chưa có tính bền vững.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn chuyển giao KHKT chưa được nhiều. Hợp tác xã chưa bao tiêu được sản phẩm đầu ra. <p>Chủ yếu người dân tự cung, tự cấp.</p> <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ dân phun thuốc sâu không có bảo hộ lao động - Một số hộ dân chưa thực hiện đúng theo lịch thời vụ - Một số hộ dân trồng rau màu sử dụng thuốc bảo vệ thực vật làm ảnh hưởng đến sức khỏe người dân. 	<p>chuyển đổi đất lúa không có năng suất cao sang cây màu.</p> <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân đã biết chuyển đổi cây lúa kém năng suất sang trồng cây màu có đầu ra bền vững. - Người dân làm nghề nông nghiệp lâu đời nên có kinh nghiệm trong trồng trọt. - Người dân đã nghiên cứu học hỏi để chuyển đổi cây lúa sang trồng cây hàng hóa có đầu ra bền vững như: cây ngô ngọt, ớt, khoai tây,... 		
Rét hại	5/6 thôn	<p>*Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Toàn xã có 185 ha diện tích lúa vụ chiêm xuân mới cấy vào tháng 1- tháng 2. - Diện tích gieo mạ không có ni lông che phủ. - Diện tích trồng lạc là 47 ha mới trồng. <p>*Tổ chức, xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công tác tuyên truyền phòng chống rét còn hạn chế. - Hỗ trợ giống gieo trồng cho nhân dân chưa kịp thời. <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một bộ phận người dân còn chủ quan, không tuân thủ theo lịch thời vụ và quy hoạch các vùng giống chưa đồng bộ. 	<p>*Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tùng bước kiên cố hóa kênh mương phục vụ nước tưới chống rét cho cây trồng. <p>*Tổ chức, xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tuyên truyền cho nhân dân che phủ ni lông cho các diện tích mạ. - Lựa chọn các loại giống phù hợp với chất đất và chịu rét. <p>*Nhận thức, kinh nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số người dân đã tiếp cận các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong gieo trồng và tuân thủ lịch thời vụ 	- Lúa và hoa màu mất mùa, giảm năng suất khi có thiên tai/ BĐKH	Cao

Ghi chú: Diện tích lúa và hoa màu nằm ở vùng trũng, hệ thống kênh mương tiêu chưa đảm bảo phục vụ tiêu úng nên khi có thiên tai xảy ra có nguy cơ mất mùa và giảm năng suất.

10. Chăn nuôi

Loại hình Thiên tai/ BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/ BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão và ngập lụt	Cụm thôn 2 (Thôn Phú Nhi, Mỹ Thịnh, Kiến Long)	1268 (Kiến Long 605 hộ, Mỹ Thịnh 217 hộ, Phú Nhi 446 hộ)	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - 20% hộ chăn nuôi có chuồng trại chưa kiên cố, chưa đảm bảo vệ sinh môi trường. - 40% hộ chăn nuôi mảnh mún, nhỏ lẻ chưa quan tâm chăm sóc. - Do BĐKH thời tiết diễn biến thất thường nên dịch bệnh lở mông, long móng, H5N1 trên gia súc tăng cao. <p>*Tổ chức, xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ tiêm phòng vắc xin trên 	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cả 3 thôn có 330 hộ tham gia chăn nuôi (Kiến Long 177 hộ, Mỹ Thịnh 63 hộ, Phú Nhi 92 hộ) với 329 con gia súc, 122.004 con gia cầm, - 3 thôn 24 trang trại (Kiến Long 13 trang trại, Mỹ Thịnh 5 trang trại, Phú Nhi 6 trang trại) chủ yếu gia cầm. - Trong 3 thôn có 3 cộng tác viên thú y có thẻ tiêm phòng và điều trị bệnh cho gia súc, 	- Gia súc gia cầm bị chết bị dịch bệnh khi có thiên tai/ BĐKH	Cao

		<p>đàn gia súc, gia cầm thấp, chưa có biện pháp cụ thể.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năng lực của một số cộng tác viên thú ý còn hạn chế. - Một số hộ chăn nuôi chưa được tập huấn kỹ thuật chăn nuôi và vệ sinh môi trường. - Giá cả không ổn định nên người dân không yên tâm chăn nuôi. <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các hộ chăn nuôi chưa có ý thức tiêm phòng cho gia cầm chỉ quan tâm tiêm phòng gia súc. - 60% Phụ nữ tham gia chăn nuôi nhưng thiếu kiên thức, ít tham gia tập huấn chăn nuôi. - Vì chăn nuôi chủ yếu là tận dụng thức ăn có sẵn nên người dân chưa có ý thức trong vệ sinh chuồng trại - Đa số hộ chăn nuôi thiếu kiên thức khoa học, chưa tham gia thực hiện thú y trọn gói. 	<p>gia cầm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 80% hộ chăn nuôi có chuồng trại kiên cố. <p>*Tổ chức, xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đã tổ chức tiêm phòng cho gia súc gia cầm theo định kỳ. - Truyền truyền truyền qua hệ thống truyền thanh về vệ sinh phòng bệnh cho gia súc gia cầm, nhất là khi có dịch bệnh xảy ra. - Nhiều hộ dân đã làm hầm biogas để đảm bảo vệ sinh môi trường <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ biết tận dụng nguồn thức ăn sẵn có, và lao động nông nhàn trong gia đình để chăn nuôi tăng thu nhập cho gia đình. - Một số hộ dân thường xuyên chăn nuôi nên có kinh nghiệm trong chăn nuôi và phòng trừ dịch bệnh có hiệu quả. 		
Cụm 3 (Thôn Yên Hòa, Phú Lương	895 (Yên Hòa 246, Phú Lương 649)	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - 70% hộ chăn nuôi có chuồng trại chưa kiên cố, chưa đảm bảo vệ sinh môi trường. - 95 % hộ chăn nuôi mảnh mún, nhỏ lẻ chưa quan tâm chăm sóc. - Trong thôn chưa có trang trại, chủ yếu gia cầm chăn nuôi thả rông. <p>*Tổ chức, xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ tiêm phòng vắc xin trên đàn gia súc, gia cầm thấp, chưa có biện pháp cụ thể. - Một số hộ chăn nuôi chưa được tập huấn kỹ thuật chăn nuôi và vệ sinh môi trường. - Năng lực CB thú ý còn hạn chế - Một số hộ chăn nuôi chưa được tập huấn kỹ thuật chăn nuôi và vệ sinh môi trường. - Giá cả không ổn định nên người dân không yên tâm chăn nuôi hiện nay đang giảm đàn. <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - 60% Phụ nữ tham gia chăn nuôi nhưng thiếu kiên thức, ít tham gia tập huấn chăn nuôi. - Vì chăn nuôi chủ yếu là tận dụng thức ăn có sẵn nên người dân chưa có ý thức trong vệ sinh chuồng trại 	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 50 hộ tham gia chăn nuôi với 173 con gia súc, 1344 con gia cầm, trong đó 25% hộ chăn nuôi gia súc có chuồng kiên cố.. - 25% hộ chăn nuôi có chuồng trại tương đối đảm bảo <p>*Tổ chức, xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đã tổ chức tiêm phòng cho gia súc gia cầm theo định kỳ - Tuyên truyền qua hệ thống truyền thanh về vệ sinh phòng bệnh cho gia súc gia cầm, nhất là khi có dịch - Một số hộ đã làm hầm biogas để đảm bảo vệ sinh môi trường. - Hội nông dân có tập huấn kiến thức chăn nuôi <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ biết tận dụng nguồn thức ăn sẵn có, và lao động nhàn rỗi trong gia đình để chăn nuôi tăng thu nhập cho gia đình. - Một số hộ dân thường xuyên chăn nuôi nên có kinh nghiệm trong chăn nuôi và phòng trừ dịch bệnh có hiệu quả. 	- Gia súc gia cầm bị chết bị dịch bệnh khi có thiên tai/ BDKH	Trung bình

Rét hại	6/6 thôn		<p>*Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các gia trại chuồng chưa được kiên cố. - Con giống và thức ăn trôi nổi, chưa được kiểm định. <p>*Tổ chức, xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công tác tuyên truyền phòng chống dịch bệnh và vệ sinh chuồng trại chưa thường xuyên. <p>*Nhận thức, kinh nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một bộ phận nhân dân chăn nuôi nhỏ lẻ chưa tuân thủ công tác tiêm phòng dịch bệnh và xử lý chất thải chăn nuôi theo quy định. 	<p>*Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Toàn xã có 24 trang trại chăn nuôi gia cầm chưa kiên cố. - Con giống và thức ăn gia cầm của các trang trại đã được kiểm định. <p>*Tổ chức, xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công tác tập huấn hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi và phòng chống bệnh dịch cho các trang trại được các <p>*Nhận thức, kinh nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số hộ dân và các chủ trang trại chấp hành tốt công tác tiêm phòng và xử lý chất thải chăn nuôi đảm bảo quy trình. 	Nguy cơ gia súc, gia cầm bị chết hoặc dịch bệnh.	Cao
----------------	-----------------	--	---	---	--	------------

Ghi chú: Trên địa bàn xã có 24 trang trại chăn nuôi gia cầm. Tuy nhiên các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ chuồng trại chưa được kiên cố; Công tác vệ sinh chuồng trại chưa được chú trọng; Xử lý chất thải trong chăn nuôi chưa chặt chẽ và đảm bảo đúng quy trình; Quản lý chất lượng con giống và thức ăn trong chăn nuôi còn buông lỏng. Nên rủi ro dịch bệnh đối với gia súc gia cầm ở mức độ cao.

11. Thủy Sản:

Loại hình Thiên tai/ BDKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/ BDKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão và ngập lụt	Cụm thôn 2 (Thôn Phú Nhi, Mỹ Thịnh, Kiến Long)	1268 (Kiến Long 605 hộ, Mỹ Thịnh 217 hộ, Phú Nhi 446 hộ)	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diện tích nuôi trồng thủy sản sát sông lèn, thấp trũng thường bị ngập lụt có khi mất trắng, mất vốn. - Nuôi trồng thủy sản nhỏ lẻ, cơ sở vật chất còn hạn chế chưa áp dụng KHKT . - Nuôi trồng thủy sản nhỏ lẻ chủ yếu là hình thức nuôi bán thâm canh và quảng canh chưa có quy mô lớn. <p>*Tổ chức, xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa quản lý tốt thuốc bảo vệ thực vật nên các hộ nuôi sử dụng thuốc chưa đúng liều lượng. - Giống trôi nổi, chưa qua kiểm dịch. - Chưa tạo đầu ra ổn định, giá cả bấp bênh, phụ thuộc vào thương lái. - Nghề nuôi trồng thủy sản cần vốn lớn nhưng các hộ khó khăn về vay vốn, vì chưa được bảo lãnh, không có tài sản để thế chấp 	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 34,3 ha diện tích nuôi trồng thủy sản (Kiến Long 26 ha, Mỹ Thịnh 1,8 ha , Phú Nhi 6,5 ha) với 262 hộ tham gia nuôi (trong đó: Kiến Long 252 hộ, Mỹ Thịnh 2 hộ, Phú Nhi 8 hộ). Chủ yếu các hộ nuôi tôm sú và tôm thẻ chân trắng. - Một số hộ đã đầu tư nâng cấp, gia cố ao ruộng kiên cố. - Có hệ thống đê ngăn mặn 4,9 km và diện nuôi trồng gần sông nên đảm bảo nguồn nước cho nuôi trồng thủy sản. - Một số hộ nuôi trồng đều có hệ thống nước sạch phục vụ cho nuôi tôm. <p>*Tổ chức, xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khuyến cáo người dân thu hoạch trước mùa mưa lũ. - Thức ăn được các công ty cung ứng. - Giống đã được qua kiểm định. 	-Thủy sản giảm năng suất, giảm sản lượng khi có thiên tai/ BDKH	Trung bình

			<p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ yếu các hộ nuôi trồng thủy sản theo kinh nghiệm, áp dụng khoa học kỹ thuật còn hạn chế. - Một số hộ dân thả giống tôm chưa đúng theo lịch. 	<p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có ý thức vệ sinh ao hồ trước khi thả giống. - Gia cố cống trước khi thả giống. 		
	Cụm 3 (Thôn Phú Lương)	649	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nuôi trồng thủy sản nhỏ lẻ chủ yếu là hình thức nuôi bán thâm canh và quảng canh chưa có quy mô lớn, cơ sở vật chất còn hạn chế chưa áp dụng KHKT. <p>*Tổ chức, xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa quản lý tốt thuốc kháng sinh phòng bệnh nên các hộ nuôi trồng sử dụng thuốc chưa đúng liều lượng. - Giống trôi nổi, chưa qua kiểm dịch. - Chưa tạo đầu ra ổn định, giá cả bấp bênh, phụ thuộc vào thương lái <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ yếu các hộ nuôi trồng thủy sản theo kinh nghiệm, áp dụng khoa học kỹ thuật còn hạn chế. - Một số hộ dân thả giống tôm chưa đúng theo lịch. 	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 4,2 ha diện tích nuôi trồng thủy sản, chủ yếu là nuôi tôm thẻ và các loại cá nước ngọt với 84 hộ tham gia nuôi. <p>*Tổ chức, xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đã tập huấn nuôi trồng thủy sản cho một số hộ - Khuyến cáo người dân thu hoạch trước mùa mưa lũ. - Thức ăn được các công ty cung ứng. - Một số hộ mua giống đã được qua kiểm định. <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có ý thức vệ sinh ao hồ trước khi thả giống. - Gia cố cống trước khi thả giống. 	Thủy sản giảm năng suất, giảm sản lượng khi có thiên tai/ BĐKH	Trung bình
Rét hại	4 thôn (Phú Lương, Phú Nhi, Kiên Long, Mỹ Thịnh)		<p>*Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 45 ha diện tích nuôi trồng thủy sản theo hình thức quảng canh. - Bờ bao ao đầm chưa kiên cố - 50% hộ nuôi trồng thủy sản chưa có máy xúc khí. <p>*Tổ chức, xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công tác tập huấn kỹ thuật nuôi trồng thủy sản chưa được thường xuyên, đặc biệt là với cá nước ngọt. - Người dân chưa được tiếp cận các nguồn vốn ưu đãi. - Chưa có doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm đầu ra cho người dân. - Con giống, thức ăn và thuốc kháng sinh chưa được quản lý và kiểm soát chặt chẽ. <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhân dân còn chủ quan trong công tác phòng chống rét cho thủy sản như: đảm bảo mực nước trong ao đầm, che chắn. 	<p>*Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong xã đã có một số hộ đầu tư nuôi trồng theo hướng thâm canh công nghệ sinh học trên bề mặt tông và bề khung sắt bịt bạt. - Đã có 50% số hộ nuôi trồng đầu tư máy xúc khí. <p>*Tổ chức, xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với các hộ nuôi tôm sú và tôm thẻ chân trắng thường xuyên được huyện và các doanh nghiệp cung cấp giống và thức ăn và tập huấn kỹ thuật nuôi trồng. <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường công tác tuyên truyền tập huấn kỹ thuật nuôi trồng thủy sản cho các hộ nuôi trồng. - Khuyến khích các hộ đầu tư và kêu gọi đầu tư nuôi trồng theo hướng thâm canh công nghệ cao. 	Giảm sản lượng, có khi mất trắng	Trung bình
<p>Ghi chú: Xã chưa quy hoạch được vùng nuôi tập trung, Bờ bao ao, hồ, đầm chưa được kiên cố, Áp dụng các tiến bộ KHKT vào nuôi trồng còn hạn chế, Chưa có đầu ra ổn định, giá cả bấp bênh, Chất lượng giống vào thức ăn chưa được</p>						

12. Du lịch: Không có

Loại hình Thiên tai/ BDKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/ BDKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

13. Buôn bán và dịch vụ khác

Loại hình Thiên tai/ BDKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/ BDKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão và ngập lụt	Cụm thôn 1 (Thôn Hưng Phú)	911	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ kinh doanh buôn bán tại thôn chủ yếu là buôn bán nhỏ lẻ, lều quán tạm bợ: - 65% là dịch vụ kinh doanh buôn bán nhỏ tại nhà ở nên chật chội trong sinh hoạt gia đình, một số hộ dựng lều che chắn tạm bợ. - 15% hộ gia đình kinh doanh hàng tạp hóa và dịch vụ nấu ăn cho thuê dụng cụ, phục vụ cưới hỏi đều không kiên cố, nằm ở vùng trũng thấp gần vào nhà ở của các gia đình - Hàng hóa bị ẩm mốc khi lụt kéo dài và gián đoạn việc buôn bán do ngập lụt. - Vùng trũng vận chuyển hàng chưa kịp thời nên giá cả tăng cao gây khó khăn cho người dân. <p>*Tổ chức, xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa quan tâm hỗ trợ phát triển dịch vụ buôn bán chủ yếu người dân buôn bán tự phát, thiếu vốn đầu tư. - Chất lượng hàng hóa chưa được kiểm soát, cơ quan quản lý thị trường mới chỉ tập trung kiểm tra tại các cửa hàng lớn - Chưa thường xuyên kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm. <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người làm kinh doanh, buôn bán tại thôn nhất là các mặt hàng thực phẩm, tiêu dùng chưa có ý thức cao trong việc bảo vệ sức khỏe cộng đồng, còn bán mặt hàng kém chất lượng, quá hạn sử dụng - Kinh tế người dân khó khăn nên còn mua hàng chịu dẫn đến người bán hàng khó khăn trong việc quay vòng 	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số các hộ gia đình kinh doanh buôn bán dọc tuyến đường tỉnh lộ 526 nên thuận lợi về vận chuyển, lưu thông hàng hóa. - Hộ làm dịch vụ, buôn bán tạp hóa, ăn uống giải khát chủ yếu là phụ nữ tham gia với tỷ lệ khoảng 68% - Có vốn để đầu tư buôn bán, có thu nhập hàng ngày. <p>*Tổ chức, xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chính quyền tạo điều kiện về hành lang pháp lý để các hộ gia đình được tiếp cận với các nguồn vốn vay ưu đãi, phát triển việc kinh doanh buôn bán của gia đình. - Có chính sách miễn giảm thuế khi có thiệt hại xảy ra. - Thông tin kịp thời để cất giữ hàng hóa khi có thiên tai/BDKH. <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ buôn bán đã mạnh dạn đầu tư kinh doanh lớn. - Có mối quan hệ với khách hàng tốt nên buôn bán phát triển thu nhập cao - Đa số các hộ biết đầu tư và chủ động nâng cao năng lực về kinh doanh 	<ul style="list-style-type: none"> - Lều quán sập đổ hư hỏng khi có thiên tai/ BDKH. - Mất nguồn vốn có khi phá sản khi có thiên tai/ BDKH 	Trung bình

			vốn, có khi mất vốn			
Cụm thôn 2 (Thôn Phú Nhi, Mỹ Thịnh, Kiên Long)	1268 (Kiến Long 605 hộ, Mỹ Thịnh 217 hộ, Phú Nhi 446 hộ)	*Vật chất - Buôn bán dịch vụ tại 3 thôn chủ yếu buôn bán nhỏ lẻ, lều quán tạm bợ: - 5% là quán ăn uống, giải khát tận dụng nhà ở để dựng lều che chắn tạm bợ. - Hàng hóa bị ẩm mốc khi kéo dài và gián đoạn việc buôn bán do đường ngập lụt khi mưa lũ xảy ra. *Tổ chức, xã hội - Chưa quan tâm hỗ trợ phát triển dịch vụ buôn bán chủ yếu người dân buôn bán tự phát, thiếu vốn đầu tư. - Chất lượng hàng hóa chưa được kiểm định (hàng nhái, hàng giả,...) - Chưa thường xuyên kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm. *Nhận thức, kinh nghiệm - Kinh tế người dân khó khăn nên còn mua hàng chịu dẫn đến người bán hàng khó khăn trong việc quay vòng vốn, có khi mất vốn	*Vật chất - Có 257 hộ làm dịch vụ, buôn bán tạp hóa, ăn uống giải khát, dọc theo đường trục chính (Kiến Long 103 hộ, Mỹ thịnh 41 hộ, Phú nhi 113 hộ) , chủ yếu là phụ nữ tham gia buôn bán chiếm tỷ lệ 70% - Có vốn để đầu tư buôn bán, có thu nhập hàng ngày. *Tổ chức, xã hội - Có chính sách hỗ trợ vốn vay cho các hộ kinh doanh khi có thiệt hại xảy ra. - Có sự quan tâm của chính quyền địa phương, đảm bảo thông tin kịp thời để cất giữ hàng hóa khi có thiên tai/BĐKH. *Nhận thức, kinh nghiệm - Đa số các hộ biết đầu tư và chủ động nâng cao năng lực về kinh doanh.	- Lều quán sập đổ hư hỏng khi có thiên tai/BĐKH. - Mất nguồn vốn có khi phá sản khi có thiên tai/BĐKH	Trung bình	
Cụm 3 (Thôn Yên Hòa, Phú Lương)	895 (Yên Hòa 246, Phú Lương 649)	*Vật chất - Buôn bán dịch vụ tại thôn chủ yếu là buôn bán nhỏ lẻ, bán lẻ hàng tạp hóa *Tổ chức, xã hội - Chưa quan tâm hỗ trợ phát triển dịch vụ buôn bán chủ yếu người dân buôn bán tự phát, thiếu vốn đầu tư. - Chất lượng hàng hóa chưa được kiểm soát. - Chưa kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm. *Nhận thức, kinh nghiệm - Người dân còn mua chịu bị nợ đọng có khi mất vốn. - Nhiều hộ dân chưa đủ vốn để đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh.	*Vật chất - Có 164 hộ làm dịch vụ, buôn bán tạp hóa, ăn uống giải khát, dọc theo đường trục chính chủ yếu là phụ nữ tham gia buôn bán tỷ lệ 65% *Tổ chức, xã hội - Chính quyền tạo điều kiện về thủ tục, về vay vốn. - Có chế độ miễn giảm thuế khi có thiệt hại xảy ra. - Thông tin kịp thời để cất giữ hàng hóa khi có thiên tai/BĐKH. *Nhận thức, kinh nghiệm - Đa số các hộ biết đầu tư và chủ động nâng cao năng lực về kinh doanh	- Lều quán sập đổ hư hỏng khi có thiên tai/BĐKH. - Mất nguồn vốn có khi phá sản khi có thiên tai/BĐKH	Trung bình	

Ghi chú: Hiện tại địa phương chưa có nhiều doanh nghiệp lớn thu hút lao động tại chỗ, nên thương mại dịch vụ mang tính nhỏ lẻ, người dân chưa mạnh dạn đầu tư kinh doanh lớn do thiếu vốn nên doanh thu thấp.

14. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão, ngập lụt, rét	Cụm thôn 1 (Thôn	911	*Vật chất - 5% hộ gia đình còn khó khăn, không có ti vi và radio - Thôn nằm xa khu vực trung tâm,	*Vật chất - 95% người dân sử dụng ti vi và radio - 85% hộ gia đình có điện	Hệ thống truyền thanh xuống	cao

hại	Hưng Phú)	<p>hệ thống dây truyền thanh bị xuống cấp do đầu tư từ sớm do vậy việc nghe thông tin dự báo cảnh báo về thiên tai từ xã xuống thôn gặp khó khăn, người dân không tiếp cận được kịp thời thông tin</p> <ul style="list-style-type: none"> - 75% hộ dân không được tiếp cận Internet - Chưa có cụm loa di động tại thôn. - Thiếu phương tiện cảnh báo sớm <p>*Tổ chức, xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tuyên truyền về PCTT/BĐKH chưa thường xuyên, thường chỉ tuyên truyền khi có thông báo về thiên tai. - Chưa lồng ghép được nội dung PCTT/BĐKH vào các buổi họp dân - Chưa có các biển cảnh báo vùng nguy hiểm - Công tác phối hợp của các ban ngành về tuyên truyền PCTT /BĐKH cho nhân dân còn hạn chế. <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số dân còn thờ ơ chưa quan tâm theo dõi thông tin về thiên tai nên xảy ra một số trường hợp bị thương. - Nhiều hộ dân thiếu kiến thức về PCTT/BĐKH 	<p>thoại để liên lạc và nghe thông tin.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 97% người dân tiếp cận thông tin qua hệ thống loa truyền thanh của xã - 25% hộ gia đình tiếp cận được với Internet. - 80% người dân tiếp cận được với thông tin PCTT. <p>*Tổ chức, xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hàng năm có sửa chữa , khắc phục và nâng cấp hệ thống loa truyền thanh trên địa bàn thôn. - Đã tuyên truyền qua hệ thống truyền thanh về PCTT/BĐKH tuy nhiên chưa được nhiều, nhất là về BĐKH - Có 01 cán bộ làm công tác truyền thanh <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số người dân có ý thức chằng chống nhà cửa khi có bão, lụt xảy ra. - 80% người dân quan tâm đến thông tin PCTT, BĐKH. - Đa số người dân tích cực tham dự tập huấn và quan tâm đến thông tin PCTT/BĐKH 	<p>cấp không đảm bảo thông tin liên lạc dự báo cảnh báo khi có thiên tai/ BĐKH</p>	
Cụm thôn 2 (Thôn Phú Nhi, Mỹ Thịnh, Kiến Long)	1268 (Kiến Long 605 hộ, Mỹ Thịnh 217 hộ, Phú Nhi 446 hộ)	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1,2% người già không có ti vi và radio - Hệ thống tuyến truyền thanh cụm loa bị hư hỏng, xuống cấp không đảm bảo thông tin liên lạc dự báo cảnh báo trong mùa mưa bão - 85% hộ dân không tiếp cận được dịch vụ Internet. - Thiếu phương tiện cảnh báo sớm <p>*Tổ chức, xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tuyên truyền về PCTT/BĐKH chưa thường xuyên, thường truyền khi có thông báo về thiên tai. - Chưa lồng ghép nội dung PCTT/ BĐKH vào các buổi họp dân - Chưa có các biển cảnh báo vùng nguy hiểm. - Công tác phối hợp của các ban ngành về tuyên truyền PCTT /BĐKH cho nhân dân còn hạn chế. <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số dân còn thờ ơ chưa quan tâm theo dõi thông tin của diễn biến thiên tai nên xảy ra một số trường hợp bị thương. 	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - 98,8% người dân sử dụng ti vi, 72% có điện thoại để liên lạc và nghe thông tin. - 95% người dân tiếp cận thông tin qua hệ thống loa truyền thanh của xã. - 15% tiếp cận được với Internet. - 90% người dân tiếp cận được với thông tin PCTT. <p>*Tổ chức, xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hàng năm có sửa chữa , khắc phục và nâng cấp hệ thống loa truyền thanh trên địa bàn thôn, xã. - Đã truyền truyền qua hệ thống truyền thanh về PCTT/BĐKH tuy nhiên chưa được nhiều, nhất là về BĐKH. - Có 01 cán bộ làm công tác truyền thanh. <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số người dân có ý thức chằng chống nhà cửa khi có bão, lụt xảy ra. - 90% người dân quan tâm đến 	<p>Hệ thống truyền thanh hư hỏng không đảm bảo thông tin liên lạc dự báo cảnh báo khi có thiên tai/ BĐKH</p>	Cao

			<ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ dân thiếu kiến thức về PCTT/BĐKH - Đa số là phụ nữ ít quan tâm đến thông tin về PCTT/BĐKH - ít tham gia các cuộc họp. 	<ul style="list-style-type: none"> thông tin PCTT, BĐKH. - Đa số nam tham dự tập huấn và quan tâm đến thông tin PCTT/BĐKH 		
Cụm 3 (Thôn Yên Hòa, Phú Lương)	895 (Yên Hòa 246, Phú Lương 649)	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - 3% người già không có ti vi và radio - 40% hộ dân không tiếp cận được Internet - Chưa có cụm loa di động tại thôn. - Thiếu phương tiện cảnh báo sớm <p>*Tổ chức, xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tuyên truyền về PCTT/BĐKH chưa thường xuyên, thường xuyên tuyên truyền khi có thông báo về thiên tai. - Chưa lồng ghép nội dung PCTT/BĐKH vào các buổi họp dân - Cán bộ truyền thanh kiêm nhiệm nên đầu tư thời gian còn hạn hẹp - Công tác phối hợp của các ban ngành về tuyên truyền PCTT/BĐKH cho nhân dân còn hạn chế. <p>*Nhận thức, kinh nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ dân thiếu kiến thức về PCTT/BĐKH - Đa số là phụ nữ ít quan tâm đến thông tin về PCTT/BĐKH - ít tham gia các cuộc họp. 	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - 97% người dân sử dụng ti vi, 97% có điện thoại để liên lạc và nghe thông tin. - 100% người dân tiếp cận thông tin qua hệ thống loa truyền thanh của xã - 60% tiếp cận được với Internet. - 97% người dân tiếp cận được với thông tin PCTT. <p>*Tổ chức, xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hàng năm có sửa chữa, khắc phục và nâng cấp hệ thống loa truyền thanh trên địa bàn thôn. <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số người dân có ý thức chằng chống nhà cửa khi có bão, lụt xảy ra. - 75% người dân quan tâm đến thông tin PCTT, BĐKH. - Đa số nam tham dự tập huấn và quan tâm đến thông tin PCTT/BĐKH 	Hệ thống truyền thanh hư hỏng không đảm bảo thông tin liên lạc dự báo cảnh báo khi có thiên tai/BĐKH	Trung Bình	

Ghi chú: Hệ thống truyền thanh có dây của xã được đầu tư từ năm 2006 đến nay đã xuống cấp và hư hỏng nặng. Cụm loa chưa đủ công suất, chất lượng âm thanh chưa đảm bảo nên các thôn ở xa người dân chưa tiếp nhận được thông tin, một số tuyến chưa nghe rõ nên ảnh hưởng đến công tác truyền truyền, dự báo, cảnh báo khi có thiên tai/BĐKH.

15. Phòng chống thiên tai/TU'BĐKH

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TU'BĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão, ngập lụt, Rét hại	Cụm thôn 1 (Thôn Hưng Phú)	911	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa hình vùng trũng khi có bão lụt thường bị chia cắt nhưng trang thiết bị phục vụ cho PCTT còn thiếu, chưa đảm bảo cho công tác chỉ đạo và cứu hộ cứu nạn: Phao cứu sinh, áo phao, đèn pin, ủng đi mưa, ghe, thuyền, máy phát điện, máy cưa... - Thiếu lực lượng trẻ, có sức khỏe và biết bơi lội để điều động 	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 45% nhà ở được kiên cố trong đó có 5% nhà cao tầng có thể làm nơi sơ tán cho người dân. - Trên địa bàn xã có 5 trường học và trụ sở UBND xã là nơi sơ tán người dân khi có thiên tai xảy ra <p>*Tổ chức, xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ban PCTT thôn được kiện toàn hàng năm gồm 10 đồng 	Tiểu ban PCTT và đội xung kích của thôn có nguy cơ bị tai nạn khi đi làm nhiệm vụ	Trung bình

		<p>cứu vớt người và tài sản khi có thiên tai xảy ra. Đội xung kích thường xuyên biến động do đi làm ăn xa.</p> <p>*Tổ chức, xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ổ thôn chưa xây dựng kế hoạch PCTT (chủ yếu thực hiện theo KH PCTT của xã);nhưng chưa có sự tham gia của người dân. - Đội xung kích thường xuyên thay đổi, một số chưa được đào tạo kiến thức kỹ năng PCTT, chưa được trang bị bảo hộ lao động để đi làm nhiệm vụ. - Nguồn kinh phí bố trí cho PCTT còn hạn chế. - Chưa có quy chế hoạt động của ban PCTT - Chưa lồng ghép giới vào công tác PCTT <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số người dân còn chủ quan trông chờ vào nhà nước - Một số hộ dân sợ mất tài sản nên không chịu di dời. 	<p>chí, đội xung kích gồm 32 đồng chí và đội canh đê gồm 15 đồng chí</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xã lập kế hoạch PCTT hàng năm được phân công cụ thể và thường xuyên phối hợp các ban ngành lồng ghép để tuyên truyền PCTT. Có xây dựng phương án ứng phó cho từng địa bàn khu dân cư thực hiện phương châm 4 tại chỗ. - Đã có phương án sơ tán những người dễ bị tổn thương đến nơi an toàn. <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - 90% người dân biết dự trữ lương thực, thực phẩm khi mùa mưa bão đến trong thời gian 5 ngày. - Đoàn kết tương trợ lẫn nhau trong cộng đồng - Người dân biết được các điểm sơ tán di dời tại các nhà kiên cố vùng an toàn 		
<p>Cụm thôn 2 (Thôn Phú Nhi, Mỹ Thịnh, Kiên Long)</p>	<p>1268 (Kiên Long 605 hộ, Mỹ thịnh 217 hộ, Phú nhi 446 hộ)</p>	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa bàn vùng đồng giáp đê sông khi bão lụt thường bị chia cắt, trang thiết bị phục vụ cho PCTT còn thiếu, chưa đảm bảo cho công tác chỉ đạo và cứu hộ cứu nạn: Phao cứu sinh, áo phao, đèn pin, ủng đi mưa, ghe, thuyền, máy phát điện, máy cưa... - Thiếu lực lượng trẻ để điều động ứng phó thiên tai kịp thời . <p>Đội xung kích thường xuyên biến động do đi làm ăn xa.</p> <p>*Tổ chức, xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lực lượng xung kích hoạt động chưa hiệu quả - Đội XK thường xuyên thay đổi, một số chưa được đào tạo kiến thức kỹ năng PCTT, chưa được trang bị bảo hộ lao động để đi làm nhiệm vụ. - Nguồn kinh phí bố trí cho PCTT chưa có. - Chưa có quy chế hoạt động của ban PCTT - Chưa lồng ghép giới vào công tác PCTT <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số người dân còn chủ quan trông chờ vào nhà nước hỗ trợ. - Một số hộ dân sợ mất tài sản 	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 35% nhà ở kiên cố trong đó có một số nhà cao tầng có thể làm nơi sơ tán cho người dân. - Có một 3 trường học đóng trên địa bàn thôn Mỹ thịnh (trường Mầm non, Trường tiểu học 1, Trường THCS) cao tầng là nơi có thể sơ tán khi có thiên tai xảy ra. <p>*Tổ chức, xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có ban PCTT của 3 thôn 45 người (mỗi thôn 15 người) - Các thôn thành lập các tổ canh đê, tổ bảo nông, tổ cứu vớt tài sản khi có tình huống xấu xảy ra. - Đã tổ chức họp tuyên truyền cho người dân về PCTT, nâng cao hiểu biết về BDKH. - Xã lập kế hoạch PCTT hàng năm được phân công cụ thể - Có xây dựng phương án ứng phó cho từng địa bàn khu dân cư thực hiện phương châm 4 tại chỗ. - Xây dựng phương án sơ tán những người yếu thế đến nơi an toàn. <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - 92% người dân biết dự trữ 	<p>-Ban PCTT và đội xung kích có nguy cơ bị tai nạn khi đi làm nhiệm vụ</p>	<p>Trung Bình</p>

			nên không chịu di dời.	lương thực, thực phẩm khi mùa mưa bão đến trong vòng 5 ngày		
Cụm 3 (Thôn Yên Hòa, Phú Lương	895 (Yên Hòa 246, Phú Lương 649)	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trang thiết bị phục vụ cho PCTT còn thiếu, chưa đảm bảo cho công tác chỉ đạo và cứu hộ cứu nạn: Phao cứu sinh, áo phao, đèn pin, ủng đi mưa, ghe, thuyền, máy phát điện, máy cưa... - Thiếu lực lượng trẻ để điều động ứng phó thiên tai kịp thời . <p>Đội xung kích thường xuyên biến động do đi làm ăn xa.</p> <p>*Tổ chức, xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ở thôn đã xây dựng KH PCTT (thực hiện theo KH PCTT của xã);nhưng chưa có sự tham gia của người dân. - Đội xung kích thường xuyên thay đổi, một số chưa được đào tạo kiến thức kỹ năng PCTT, chưa được trang bị bảo hộ lao động để đi làm nhiệm vụ. - Nguồn kinh phí bố trí cho PCTT chưa đảm bảo. - Chưa có quy chế hoạt động của ban PCTT - Chưa lồng ghép giới vào công tác PCTT <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số người dân còn chủ quan trông chờ vào nhà nước - Một số hộ dân sợ mất tài sản nên không chịu di dời. 	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có một số nhà ở kiên cố trong đó có một số nhà cao tầng có thể làm nơi sơ tán cho người dân. - Có một trường tiểu học và một trường THPT Hậu Lộc 4 được xây dựng cao tầng là nơi có thể sơ tán nhân dân khi có thiên tai xảy ra. <p>*Tổ chức, xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ban PCTT thôn được củng cố kiện toàn hàng năm. - Xã lập kế hoạch PCTT hàng năm được phân công cụ thể và thường xuyên phối hợp các ban ngành lồng ghép để tuyên truyền PCTT. Có xây dựng phương án ứng phó cho từng địa bàn khu dân cư thực hiện phương châm 4 tại chỗ. - Đã có phương án sơ tán những người yếu thế đến nơi an toàn. <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - 90% người dân biết dự trữ lương thực, thực phẩm khi mùa mưa bão đến. - Đoàn kết tương trợ lẫn nhau trong cộng đồng - Người dân biết được các điểm sơ tán di dời tại các nhà kiên cố vùng an toàn 	Ban PCTT và đội xung kích có nguy cơ bị tai nạn khi đi làm nhiệm vụ	Trung Bình	

Ghi chú: Hàng năm chỉ xây dựng Kế hoạch PCTT có triển khai đến các ban ngành, đoàn thể và các thôn. Tuy nhiên, việc lập kế hoạch chưa có sự tham gia của người dân theo như đề án 1002 CP.

16. Giới trong PCTT và BDKH

Loại hình Thiên tai/ BDKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/ BDKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão, ngập lụt, rét hại	Cụm thôn 1 (Thôn Hưng Phú)	911	<ul style="list-style-type: none"> - Có 136 Phụ nữ đơn thân làm chủ hộ nên khi có dự báo về thiên tai phải tự chủ động chằng chống nhà cửa kê kích vật dụng và đưa gia súc gia cầm lên cao. - Có 90% phụ nữ không biết bơi nhà ở gần biển, khi nước dâng cao lụt lớn, địa hình chia 	<ul style="list-style-type: none"> - Đa số chị em phụ nữ chủ hộ tự khắc phục khó khăn, không ỷ lại sự hỗ trợ người khác. - Đa số nam giới tích cực tham gia công tác PCTT, đã hỗ trợ giúp đỡ gia đình neo đơn. - Địa bàn thấp trũng khi có 	<ul style="list-style-type: none"> - Phụ nữ có nguy cơ bị đuối nước và bị tai nạn khi chằng chống 	Cao

		<p>cắt dễ gặp rủi ro cao.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phụ nữ ít được tập huấn về PCTT/BĐKH và ít tham gia trong các hoạt động PCTT nên thiếu kỹ năng trong ứng phó. - Một số nam giới đi làm ăn xa thiếu lực lượng PCTT, phụ nữ phải lo lắng công việc nặng nhọc trong gia đình. - Nữ giới là người cao tuổi nhiều - Cả nam và nữ đều thiếu kiến thức về PCTT/BĐKH, nữ ít tham dự tập huấn hơn nam. 	<p>thiên tai bị chia cắt nên trước thiên tai phụ nữ thường được phân công tuyên truyền động viên các hộ vùng nguy cơ cao đi sơ tán và chuẩn bị hậu cần.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nam giới chằng chống nhà cửa, tham gia cứu hộ cứu nạn - Trong gia đình nam giới thường giao quyền quản lý tiền và chi tiêu cho phụ nữ, - Cả hai đều tham gia sản xuất phát triển kinh tế 	<p>nhà cửa,</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nam giới bị tai nạn lao động khi có thiên tai/BĐKH. 	
<p>Cụm thôn 2 (Thôn Phú Nhi, Mỹ Thịnh, Kiên Long)</p>	<p>1268 (Kiên Long 605 hộ, Mỹ Mỹ 217 hộ, Phú Nhi 446 hộ)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Có 151 hộ Phụ nữ làm chủ hộ (trong đó Kiên Long 65 hộ chiếm 10,7%, Mỹ Mỹ 37 hộ chiếm 17,1%, Phú Nhi 49 hộ chiếm 11%), chủ yếu là phụ nữ đơn thân nên khi có thiên tai phải tự chủ động chằng chống nhà cửa kê kích vật dụng và đưa gia súc gia cầm lên cao. - Có 75% phụ nữ không biết bơi nhà ở gần sông, khi nước dâng cao lụt lớn, địa hình chia cắt dễ gặp rủi ro cao. - Phụ nữ ít được tập huấn về PCTT/BĐKH và ít tham gia trong các hoạt động PCTT nên thiếu kỹ năng trong ứng phó thiên tai. - Một số nam giới đi làm ăn xa thiếu lực lượng PCTT, phụ nữ phải lo lắng công việc nặng nhọc trong gia đình. - Nữ giới là người cao tuổi chiếm tỷ lệ cao. - Cả nam và nữ đều thiếu kiến thức về PCTT/BĐKH, nữ ít tham dự tập huấn hơn nam - Nam không tham gia các buổi tư vấn chăm sóc sức khỏe 	<ul style="list-style-type: none"> - Đa số chị em phụ nữ chủ hộ tự khắc phục khó khăn, không ý lại sự hỗ trợ người khác. - Đa số nam giới tích cực tham gia công tác PCTT, đã hỗ trợ giúp đỡ gia đình neo đơn. - Địa bàn thấp trũng khi có lụt bị chia cắt nên trước thiên tai phụ nữ thường được phân công tuyên truyền động viên các hộ vùng nguy cơ cao đi sơ tán đi sơ tán và chuẩn bị hậu cần. Nam giới chằng chống nhà cửa, tham gia cứu hộ cứu nạn - Trong gia đình nam giao quyền quản lý tiền và chi tiêu cho phụ nữ, khi mua sắm lớn nhất là các hoạt động ứng phó với thiên tai được bàn bạc thống nhất. - Cả hai đều tham gia sản xuất phát triển kinh tế 	<ul style="list-style-type: none"> - Phụ nữ có nguy cơ bị đuối nước và bị tai nạn khi chằng chống nhà cửa, Nam giới bị tai nạn lao động khi có thiên tai/BĐKH. 	<p>Cao</p>
<p>Cụm 3 (Thôn Yên Hòa, Phú Lương)</p>	<p>895 (Yên Hòa 246, Phú Lương 649)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Có 19% Phụ nữ làm chủ hộ, 15% phụ nữ đơn thân nên khi có thiên tai phải tự chủ động chằng chống nhà cửa kê kích vật dụng và đưa gia súc gia cầm lên cao. - Có 95% phụ nữ không biết bơi, khi nước dâng cao lụt lớn dễ gặp rủi ro cao. - Phụ nữ ít được tập huấn về PCTT/BĐKH và ít tham gia trong các hoạt động PCTT nên thiếu kỹ năng trong ứng phó. - Một số nam giới đi làm ăn xa thiếu lực lượng PCTT, phụ nữ phải lo lắng công việc nặng nhọc 	<ul style="list-style-type: none"> - Đa số chị em phụ nữ chủ hộ tự khắc phục khó khăn, không ý lại sự hỗ trợ người khác. - Đa số nam giới tích cực tham gia công tác PCTT, đã hỗ trợ giúp đỡ gia đình neo đơn. - Trong gia đình nam giao quyền quản lý tiền và chi tiêu cho phụ nữ, khi mua sắm lớn nhất là các hoạt động ứng phó với thiên tai được bàn bạc thống nhất. - Cả hai đều tham gia sản 	<ul style="list-style-type: none"> - Phụ nữ có nguy cơ bị đuối nước và bị tai nạn khi chằng chống nhà cửa, - Nam giới bị tai nạn lao động khi có thiên tai/ 	<p>Trung bình</p>

		trong gia đình. - Nữ giới là người cao tuổi nhiều - Cả nam và nữ đều thiếu kiến thức về PCTT/BĐKH, nữ ít tham dự tập huấn hơn nam - Nam không tham gia các buổi tư vấn chăm sóc sức khỏe	xuất phát triển kinh tế	BĐKH.	
--	--	---	-------------------------	-------	--

Ghi chú: Tỷ lệ nữ làm trụ cột gia đình cao, toàn xã có 427 người, chiếm 14%. Nữ giới ít tham gia các hoạt động xã hội và tham dự các cuộc họp hơn nam. Còn các buổi tư vấn sức khỏe nam giới ít tham gia hơn nữ giới. Mọi việc trong gia đình được vợ chồng bàn bạc thống nhất.

17. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác (Không)

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

D. Tổng hợp kết quả đánh giá và đề xuất giải pháp

1. Tổng hợp Kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BĐKH

T	Rủi ro thiên tai	TTDBTT	Nguyên nhân	Giải pháp
1	Nhà ở bị sập đổ, tốc mái hư hỏng khi có bão xảy ra.	- Có 922 nhà bán kiên cố, tập trung ở khu vực sát đê biển, đê sông. - Có 2 nhà đơn sơ và 247 nhà thiếu kiên cố của các hộ nghèo, hộ cận nghèo hoàn cảnh khó khăn. - Đôi xung kích thiếu trang thiết bị, thiếu kỹ năng để hỗ trợ giúp đỡ các hộ gia đình chống chọi nhà của. - Người dân còn chủ quan, chưa chấp hành nghiêm túc việc sơ tán khi có lệnh	- Do thiếu việc làm, thu nhập thấp không có tiền để làm nhà kiên cố - Nam giới chủ yếu đi khai thác trên biển hay gặp rủi ro (Bị chết) nên có nhiều phụ nữ đơn thân không có điều kiện để làm nhà kiên cố. - Trên địa bàn xã các doanh nghiệp ít và nhỏ lẻ không thu hút nhiều lao động nên người dân thiếu việc làm không có thu nhập. - Đối tượng hưởng trợ cấp xã hội theo Nghị định 136 nhiều.	- Hỗ trợ xây dựng nhà ở cho các hộ nghèo hộ khó khăn. - Tạo công ăn, việc làm cho các đối tượng thu nhập thấp đặc biệt là chị em phụ nữ. - Tổ chức tập huấn, đào tạo nghề và giới thiệu việc làm cho chị em phụ nữ. - Sơ tán di dời các hộ dân có nguy cơ cao và các hộ có nhà thiếu kiên cố đến nơi an toàn. - Mua sắm trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn và tập huấn kỹ năng cho đội xung kích.
2	Hệ thống truyền thanh bị hư hỏng xuống cấp không đảm bảo thông tin liên lạc, dự báo, cảnh báo	- Hệ thống truyền thanh của xã đến các thôn đã xuống cấp. - Có 120 cụm loa bị hư hỏng - Hệ thống dây cũ, chấp nối - Hệ thống tăng âm không đủ công suất. - Các thôn chưa có bộ âm ly di động để tuyên truyền khi có thiên tai.	- Hệ thống truyền thanh xây dựng từ năm 2006 đã hư hỏng - Địa bàn dân cư của xã rộng đường dây truyền tải xa nhau thường bị hư hỏng. - Khí hậu vùng biển nên hệ thống loa và dây nhanh hỏng. - Chưa có kinh phí để đầu tư sửa chữa nâng cấp kịp thời. - Ý thức của người dân còn hạn chế trong việc bảo vệ hệ thống loa truyền thanh	- Xây dựng mới hệ thống truyền thanh có dây từ xã đến các thôn. - Mua sắm bộ âm ly di động để tuyên truyền lưu động khi có thiên tai. - Mua sắm máy phát điện để thông tin cảnh báo trên hệ thống truyền thanh khi mất điện

3	<p>Nguy cơ vỡ đê khi có bão cấp 10 trở lên, khi nước biển dâng cao</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xã có 450 m đê biển và 4.900 m đê sông. - Đê sát bên sông và đang nền đất, có nhiều đoạn bị sạt lở sát chân đê. - Khu vực ngoại đê sông có 21 hộ đang trực tiếp tham gia nuôi trồng thủy sản. - Ý thức của người dân trong việc chấp hành luật đê điều còn hạn chế. 	<ul style="list-style-type: none"> - Khu vực đê biển địa phương chưa được trồng rừng chắn sóng . - Tình trạng nước biển dâng cao và mạnh do nằm ở khu vực bão ngang sóng lớn. - Đê sông chưa đủ cao trình và chưa được cứng hóa. - Đê trung ương quản lý nguồn vốn đầu ra chưa được phân bổ để nâng cao trình và kiên cố. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trồng rừng ngập mặn khu vực đê biển. - Lập tờ trình đề nghị bố trí nguồn vốn để nâng cao trình và cứng hóa mặt đê. - Tăng cường công tác quản lý nhà nước và xử lý kịp thời các vi phạm hành lang bảo vệ đê. - Tuyên truyền nâng cao ý thức cho người dân trong công tác bảo vệ đê điều.
4	<p>Diện tích lúa, hoa màu giảm năng suất, có khi mất trắng khi có thiên tai xảy ra.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 185 ha lúa và 65,73 ha hoa màu nằm ở gần đê sông vùng trũng thường xuyên bị ngập lụt. - Hệ thống mương tiêu thường xuyên bị bồi lấp, sạt lở. - Đường giao thông nội đồng bị sạt lở chia cắt, không có đường đi sơ tán khi có thông báo thiên tai 	<ul style="list-style-type: none"> - Do hệ thống mương tiêu chưa được cứng hóa (50% mương đất). - Người dân chưa chấp hành nghiêm lịch gieo trồng thời vụ. - Quy hoạch vùng sản xuất chưa tập trung, ruộng còn manh mún nhỏ lẻ. - Sản lượng lúa chủ yếu là tự cung, tự cấp tại chỗ chưa phát triển hàng hóa. - Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật chưa theo quy trình. 	<ul style="list-style-type: none"> - Huy động nguồn lực để kiên cố hóa mương tiêu. - Tuyên truyền cho nhân dân chấp hành nghiêm túc lịch thời vụ. - Tuyên truyền cho nhân dân sử dụng thuốc bảo vệ thực vật theo nguyên tắc bốn đúng (đúng thuốc, đúng liều lượng, đúng kỹ thuật, đúng thời gian). - Đấu mối với các doanh nghiệp có uy tín bao tiêu sản phẩm đầu ra cho nhân dân được ổn định.
5	<p>Sản lượng thủy sản bị giảm, có khi mất trắng khi có thiên tai</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Có 45 ha nuôi trồng thủy sản trong đó nuôi trồng nước lợ ngoại đê là 9, 26 ha. Bờ bao ao hồ, bờ đầm chưa được kiên cố. - Hình thức nuôi trồng quảng canh, chưa được đầu tư 	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu vốn để đầu tư nâng cấp bờ bao. - Nuôi quảng canh nên áp dụng các tiến bộ KHKT vào nuôi trồng còn hạn chế. - Chưa có đầu ra ổn định, giá cả bấp bênh. - Chất lượng giống vào thức ăn chưa được kiểm soát chặt chẽ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tập trung quy hoạch thành vùng chuyên canh Nuôi trồng thủy sản. - Kiên cố hóa bờ bao - Kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư vào nuôi trồng theo hướng thâm canh công nghệ cao. - Tăng cường công tác quản lý nhà nước về giống và chất lượng thức ăn.
6	<p>Hư hỏng tàu thuyền, mất ngư lưới cụ khi có áp thấp nhiệt đới và bão</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Có 73 phương tiện tham gia đánh bắt và khai thác trên biển, trong đó có 55 thuyền vỏ thân gỗ và 18 bè mảng nên không an toàn khi đánh bắt - Công suất máy của tàu thuyền còn nhỏ, ngư lưới cụ còn lạc hậu. - Trang thiết bị thông tin liên lạc chưa đầy đủ. - Thiếu phao cứu sinh và các trang thiết bị 	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu vốn đầu tư đóng tàu lớn và mua sắm ngư lưới cụ hiện đại. - Trình độ năng lực khai thác đánh bắt của nhân dân còn hạn chế, chủ yếu bằng kinh nghiệm. - 50% số phương tiện chưa tham gia mua bảo hiểm vỏ thân tàu và bảo hiểm thuyền viên. - Đa số ngư dân còn chủ quan, thiếu ý thức khi tham gia khai thác 	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ nguồn vốn, tạo điều kiện về hành lang pháp lý để ngư dân tiếp cận được với vốn ưu đãi để đóng tàu lớn đánh bắt xa bờ. - Tập huấn cho ngư dân, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong đánh bắt khai thác trên biển. - Tuyên truyền vận động người dân trong việc mua bảo hiểm vỏ thân tàu và bảo hiểm thuyền viên.
7	<p>Gia súc, gia cầm bị</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Có 24 trang trại chăn nuôi gia cầm và các gia 	<ul style="list-style-type: none"> - Đa số nuôi nhỏ lẻ nên không đầu tư xây dựng 	<ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn các hộ chăn nuôi tập trung kiên cố hóa

	chết, dịch bệnh khi có thiên tai	trại nhỏ lẻ trong khu dân cư với 3463 con gia súc và 426.750 con gia cầm chuồng trại chưa đảm bảo - Số hộ chăn nuôi nhỏ lẻ chưa chấp hành nghiêm túc trong việc tiêm phòng dịch bệnh cho đàn vật nuôi, chủ yếu tiêm phòng cho gia súc không tiêm phòng cho gia cầm	chuồng trại kiên cố. - Công tác vệ sinh chuồng trại chưa được chú trọng. - Xử lý chất thải trong chăn nuôi chưa chặt chẽ và chưa đảm bảo đúng quy trình. Đa số hộ còn thải chất thải trực tiếp ra môi trường. - Quản lý chất lượng con giống và thức ăn trong chăn nuôi còn buông lỏng. - Thiếu đầu ra cho chăn nuôi nên đang giảm đàn.	chuồng trại. - Làm tốt công tác vệ sinh chuồng trại và phòng chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm. - Tập huấn để các hộ chăn nuôi áp dụng các tiến bộ KHKT vào chăn nuôi gia súc, gia cầm. - Hỗ trợ xây dựng bể khí sinh học, sử dụng đệm lót sinh học trong chăn nuôi gia cầm.
8	Ô nhiễm môi trường diện rộng khi có thiên tai xảy ra	- Tại xã chưa có hệ thống xử lý rác thải. - Rác thải được thu gom còn thực hiện chôn lấp nên chưa đảm bảo vệ sinh môi trường. - Là vùng hạ lưu sông Lèn nên khi lũ lụt rác thải, xác động vật chết trôi theo nguồn nước về nhiều gây ô nhiễm môi trường. - Người dân còn vứt rác bừa bãi, chưa phân loại rác thải.	- Không có địa điểm để quy hoạch để xây dựng hệ thống xử lý rác thải hoặc lò đốt rác thải sinh hoạt. - 30% người dân thiếu kiến thức về bảo vệ môi trường, ý thức của một bộ phận nhân dân trong công tác bảo vệ môi trường còn kém. - Việc chấp hành đóng phí và lệ phí thu gom rác thải chưa nghiêm túc. - Công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực môi trường còn hạn chế, xử phạt vi phạm chưa nghiêm.	- Tuyên truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng trong việc bảo vệ môi trường. - Lựa chọn doanh nghiệp có uy tín trong việc xử lý môi trường để hợp đồng thu gom và đưa rác thải về khu xử lý. - Tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện tốt công tác nộp phí thu gom rác thải. - Tăng cường công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực môi trường và xử phạt nghiêm các trường hợp vi phạm về môi trường.

2. Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BĐKH

Nhóm ngành /lĩnh vực (*)	Các giải pháp đề xuất (**)	Địa điểm và đối tượng hưởng lợi	Hoạt động cụ thể để thực hiện giải pháp	Thời gian dự kiến		Nguồn ngân sách dự kiến (%)		
				Ngắn hạn (thời thực hiện dưới 2 năm)	Dài hạn (thời gian thực hiện trên 2 năm)	Nhà nước (%)	Người dân (%)	Hỗ trợ bên ngoài (%)
An toàn với người dân và cộng đồng	Sơ tán di dời người dân ở vùng nguy cơ nhà cao và các hệ thống nhà trường kiên cố đến nơi an toàn khi có thông báo của cấp trên	Người dân vùng nguy cơ cao và các nhà đơn sơ, thiếu kiên cố	1. Hỗ trợ sơ tán cho đối tượng DBTT	x		100		
			2. Tổ chức sơ tán các hộ dân vùng nguy cơ cao	x		100		
			3. Hỗ trợ mỳ tôm nước uống nơi sơ tán	x		50	50	
			4. Vệ sinh môi trường sau thiên tai	x		50	50	
Hạ tầng công cộng	Kiến nghị cấp trên bố trí nguồn vốn để nâng cao trình và cứng hóa mặt đê sông		1. Lập tờ trình	x		100		
			2. Truyền truyền vận động nhân dân bảo vệ hệ thống đê sông	x	x	100		
Công trình thủy lợi	Kiên cố hệ thống kênh mương để đảm bảo tưới tiêu cho lúa và hoa màu	Người dân toàn xã	1. Tuyên truyền vận động người dân đóng góp	x		100		
			2. Từng bước kiên cố hóa hệ thống giao thông nội đồng		x		50	50
	Mở rộng và cứng hóa 2 km đường giao thông phục vụ	Người dân toàn xã	1. Vận động nguồn lực	x		100		
			2. Tiến hành xây dựng 2 km đường cứu hộ cứu nạn		x	10	20	70

	sơ tán dân tại thôn (Hung phú, Phú lương)		3. Kiểm tra giám sát	x		100		
Nhà ở	Hỗ trợ , nâng cấp xây dựng nhà ở kiên cố cho hộ nghèo và phụ nữ đơn thân có hoàn cảnh khó khăn	hộ dân khó khăn được xây nhà	1. Vận động nguồn lực hỗ trợ xây nhà	x		100		
			2.Tiến hành xây dựng nhà kiên cố	x		10	20	70
			3. Kiểm tra giám sát	x		100		
Nước sạch, vệ sinh và môi trường	Thu gom xử lý rác thải, quản lý và xử phạt nghiêm minh các trường hợp vi phạm vệ sinh môi trường	Người dân toàn xã	1.Tuyên truyền vận động người dân thu gom rác đúng nơi quy định	x	x	100		
			2. quản lý và xử phạt nghiêm minh các trường hợp vi phạm vệ sinh môi trường	x	x	100		
			3.Kiểm tra giám sát thực hiện VSMT	x	x	100		
Rừng	Trồng rừng ngập mặn ở khu vực đê biển	Người dân toàn xã	1.Trồng rừng ngập mặn ở vùng đê biển		x			100
			2.Củng cố, kiên toàn và tập huấn cho đội bảo vệ rừng	x		100		
			3.Mua sắm trang thiết bị cho đội bảo vệ rừng	x		50		50
Trồng trọt	Tuyên truyền người dân chấp hành đúng lịch thời vụ và sử dụng thuốc BVTV theo 4 đúng	Nông dân tham gia trồng trọt	1. Tuyên truyền để người dân chấp hành đúng lịch thời vụ	x	x	100		
			2.Hướng dẫn người dân sử dụng thuốc BVTV theo 4 đúng	x		100		
			3.Kiểm tra giám sát việc thực hiện	x	x	100		
	Liên kết với các doanh nghiệp có uy tín để bao tiêu sản phẩm lúa, hoa màu, thủy sản cho người dân	Người dân toàn xã	1. Tham quan học hỏi các mô hình liên kết 4 nhà tạo đầu ra cho sản phẩm nông nghiệp, thủy sản	x		50	50	
			2.Liên hệ tìm đầu ra cho sản phẩm lúa, hoa màu, thủy sản	x	x	50	50	
			3.Phối hợp với các doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm	x	x	50	50	
Chăn nuôi	Kiên cố hóa chuồng trại chăn nuôi, xây dựng bể khí sinh học, sử dụng đệm lót sinh học cho chăn nuôi gia súc, gia cầm	Người dân toàn xã	1.tuyên truyền vận động người dân kiên cố hóa chuồng trại chăn nuôi	x	x	100		
			2. Xây dựng bể khí sinh học, sử dụng đệm lót sinh học cho chăn nuôi gia súc, gia cầm	x	x		50	50
			3.Kiểm tra giám sát	x		100		
Thủy sản	Quy hoạch vùng chuyên canh thủy sản, kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư vào nuôi trồng thủy sản theo hướng thâm canh nông nghiệp cao	Người dân nuôi trồng thủy sản	1.Quy hoạch vùng chuyên canh thủy sản	x		100		
			2.Lập đề án phát triển nuôi trồng thủy sản	x		100		
			3.kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư vào nuôi trồng thủy sản theo hướng thâm canh nông nghiệp cao	x	x		50	50

	Tập huấn cho ngư dân, hỗ trợ vốn để đầu tư thuyền lớn đánh bắt xa bờ và vận động mua bảo hiểm thân tàu và thuyền viên	Ngư dân toàn xã	1. Tập huấn kiến thức kiến thức, kỹ năng cho ngư dân	x	x	50	50	
			2. Tuyên truyền vận động mua bảo hiểm thân tàu và thuyền viên	x		100		
			3. Hỗ trợ vốn đóng tàu lớn đánh bắt xa bờ	x	x	50	50	
			3. Kiểm tra giám sát thực hiện	x	x	100		
Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân về PCTT, BDKH, VSMT, CSSK	Người dân toàn xã	1. Tuyên truyền qua hệ thống loa truyền thanh	x	x	100		
			2. Tuyên truyền qua các hoạt động của cộng đồng và ban, ngành, đoàn thể	x	x	100		
			3. Tuyên truyền bằng Pano, áp phích	x	x			100
			4. Diễn tập PCTT	x	x	30	20	50
			5. Lồng ghép qua các hoạt động văn hóa văn nghệ	x	x	50	50	
			6. Tập huấn PCTT/BDKH cho người dân và học sinh các trường học	x	x	30	20	50
Đầu tư xây dựng hệ thống truyền thanh có dây từ xã xuống các thôn để đảm bảo thông tin liên lạc dự báo cảnh báo khi có thiên tai	Người dân toàn xã	1. Đầu tư xây dựng hệ thống truyền thanh có dây từ xã đến 6 thôn	x			25		75
		2. Mua sắm máy phát điện để sử dụng cho truyền thanh dự báo cảnh báo khi mất điện.	x					100
		3. Mua 6 bộ âm ly di động cho 13 thôn để tổ chức truyền thanh lưu động, dự báo cảnh báo khi có thiên tai	x					100
Phòng chống thiên tai và TUBĐ KH	Hỗ trợ trang thiết bị cho đội cứu hộ cứu nạn, tập huấn kỹ năng cho đội xung kích để làm nhiệm vụ	Đội xung kích xã và các thôn	1. Cùng cố kiện toàn đội xung kích của xã/thôn	x		100		
			1. Mua sắm trang thiết bị cứu hộ cứu nạn, sơ cấp cứu cho đội xung kích	x		50		50
			2. Tập huấn kỹ năng cho đội xung kích thôn/xã để làm nhiệm vụ	x		100		
Lĩnh vực Bình đẳng Giới (***)	Tổ chức tập huấn đào tạo nghề, tạo công ăn việc làm cho người lao động, đặc biệt là chị em phụ nữ	Chị em phụ nữ toàn xã	1. Tập huấn đào tạo các ngành nghề cho phụ nữ	x		50		50
			2. Giới thiệu việc làm	x		100		
			3. Hỗ trợ tạo nghề phụ tại chỗ cho chị em phụ nữ để tăng thu nhập	x	x	30		70

4. Một số ý kiến tham vấn của các cơ quan ban ngành trong xã:

(Ông Vũ Văn Liêm - phó bí thư thường trực - chủ tịch HĐND xã)

- Nhất trí với báo cáo của nhóm HTKT đã trình bày, chỉ có 8 ngày mà nhóm HTKT với sự hỗ trợ của giảng viên, đã thu thập được đầy đủ thông tin để xây dựng được một bản báo cáo đánh giá, thể hiện được bức tranh tổng thể về rủi ro thiên tai của xã, rất đầy đủ, rất chi tiết đúng với thực trạng của địa phương.

- Lớp tập huấn và đánh giá tổ chức vào thời điểm này địa phương quá nhiều công việc, vì vào tháng cuối năm, lại đang đang chuẩn bị cho chấm điểm nông thôn mới nên cán bộ khó tập trung dài ngày, nhưng tôi rất ghi nhận sự nỗ lực của các cán bộ xã là thành viên nhóm HTKT

và các trường thôn rất nỗ lực, tâm huyết, cùng với sự hướng dẫn của các giảng viên đã tổ chức thành công lớp tập huấn đánh giá có được sản phẩm tốt. Mong rằng dự án GCF quan tâm hỗ trợ tiếp tục cho xã Hưng Lộc.

5. Một số ý kiến kết luận của đại diện UBND xã

(Ông Nguyễn Văn Biền – Phó bí thư – Chủ tịch UBND xã)

- Xã Hưng Lộc vừa giáp Biền vừa gần Sông, có hệ thống Đê Biền, Đê Sông bao quanh nên khi thiên tai bão, lụt xảy ra chịu rất nhiều rủi ro. Trong báo cáo đã đưa ra 14 rủi ro thiên tai rất đúng với thực tế của địa phương, ngoài ra với ảnh hưởng của BĐKH như hiện nay thì xã Hưng Lộc có thể có nhiều rủi ro tiềm ẩn khác, nên với 16 giải pháp đã được thảo luận với người dân, địa phương sẽ huy động mọi nguồn lực để thực hiện. Tuy nhiên cần có sự hỗ trợ của cấp trên và các dự án mới thực hiện được tất cả các giải pháp đó.
- Báo cáo đánh giá theo mẫu của dự án mà nhóm hỗ trợ kỹ thuật hoàn thành, số liệu rất đầy đủ, tổng hợp được tất cả các thông tin của các lĩnh vực kinh tế- Xã hội của xã, giúp cho xã không những lập kế hoạch PCTT mà nhiều hoạt động khác nữa, quả thật rất thuận lợi cho địa phương cập nhật/tra cứu sau này.

**Xác nhận tiếp nhận kết quả đánh giá rủi ro thiên tai của xã
TM UBND Xã
(đã ký)**

**Mai Văn Bền
Phó chủ tịch UBND xã trưởng nhóm HTKT**

E. Phụ lục

Phụ lục 1: Danh sách người tham gia đánh giá

TT	Họ và tên	Nữ	Nam	Chức danh	Số điện thoại
1	Mai Văn Bền		x	Phó chủ tịch	0989564811
2	Mai Thanh Tuyền	x		VP thống kê	0975653987
3	Nguyễn Thị Tuyết	x		Địa chính xây dựng	0973448986
4	Lưu Minh Hiếu	x		Chủ tịch phụ nữ	0985287350
5	Tăng Minh Tuấn		x	Cán bộ VH	0989804885
6	Trần Đức Nhân		x	Bí thư đoàn TN	0904998196
7	Lê Thị Din	x		CB chính sách	0932368515
8	Lê Văn Kền		x	Chủ tịch CTĐ	0972294273
9	Trần Thị Hà	x		CB tài chính kế hoạch	0931385300
10	Vũ Thị Thảo	x		Văn phòng ủy ban	0989792464
	Tổng cộng	6 nữ	4 nam		

Phụ lục 2: Các bảng biểu, bản đồ lập ra trong quá trình đánh giá theo hướng dẫn

**KẾ HOẠCH THỰC ĐỊA ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI - LẬP KẾ HOẠCH PCTT
Xã Hưng Lộc, Hậu Lộc, Thanh Hóa. Từ ngày 20/11 đến 23/11 năm 2018**

Ngày thứ nhất : 20/11/2018 Thu thập thông tin (công cụ thông tin sẵn có thực hiện trước và trong khi đánh giá)**Buổi sáng: Từ 7: 30 đến 11:00 tổ chức họp dân ở 2 cụm thôn**

- Cụm thôn 1 gồm 3 thôn: **Hưng Phú; Yên Hòa;Phú Lương** Địa điểm họp tại nhà văn hóa **thôn Phú Lương**

- Cụm thôn 2 gồm 3 thôn: **Kiên Long; Mỹ Thịnh; Phú Nhi** Địa điểm họp tại nhà văn hóa **thôn Mỹ Thịnh**

***Thành phần mời:**

- Cụm thôn 1: 30 người trong đó mỗi thôn mời 10 người là đại diện các thành phần kinh tế, người sống lâu trong địa phương và đại diện nhóm dễ bị tổn thương (Thôn Hưng Phú mời 1 phụ nữ làm chủ hộ và 1 người nghèo. Thôn Yên Hòa mời 1 phụ nữ đơn thân, 1 người cao tuổi, Thôn Phú Lương mời 1 người cao tuổi, một người khuyết tật) Các thôn mời người dân phải đảm bảo có ít nhất 50% phụ nữ tham gia.

- Cụm thôn 2: 30 người: mỗi thôn mời 10 người là đại diện các thành phần kinh tế, người sống lâu trong địa phương và đại diện nhóm dễ bị tổn thương (Thôn Mỹ Thịnh mời 1 người cao tuổi; 1 người khuyết tật. Thôn Kiên Long mời 1 người phụ nữ làm chủ hộ, 1 người Nghèo; Thôn Phú Nhi mời 1 phụ nữ đơn thân, 1 người cao tuổi) Các thôn mời người dân phải đảm bảo có ít nhất 50% phụ nữ tham gia

***Công việc thực hiện:**(Sau phần giới thiệu chia nhóm thực hiện các công cụ và chia nhóm theo cụm thôn để thu thập thông tin phần C của báo cáo)

TT	Hoạt động	Người chịu trách nhiệm		Kết quả mong đợi
		Cụm 1	Cụm 2	
1	Giới thiệu thành phần, mục đích yêu cầu và chương trình làm việc của nhóm đánh giá tại thôn	A.Bền	A.Tuấn	Người dân hiểu được mục đích yêu cầu và chương trình làm việc
2	Thu thập thông tin bổ sung cho công cụ lịch sử thiên tai, lịch theo mùa của xã.	A.Kền; C.Tuyên	A.Nhâm. C.Hiếu	Công cụ lịch sử thiên tai, lịch theo mùa được bổ sung nhiều thông tin
4	Kiểm chứng vùng nguy cơ cao của các loại hình thiên tai và khu vực an toàn trên sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai của xã.	C.Tuyết C.Thảo	C.Dìn C.Hà	Sơ họa bản đồ RRTT, bảng tổng hợp thông tin sơ họa bản đồ được bổ sung đầy đủ thông tin
5	Chia 2 nhóm thu thập thông tin (bổ sung thông tin vào phần C của cụm thôn theo báo cáo đánh giá của dự án GCF)	Toàn nhóm (Mỗi nhóm có 2 người phụ trách)	Toàn nhóm (Mỗi nhóm có 2 người phụ trách)	Phần C báo cáo đánh giá của cụm thôn được bổ sung đầy đủ thông tin

Buổi chiều: Từ 14: 00 đến 17:00 Nhóm đánh giá làm việc tại hội trường UBND xã Hưng Lộc để chuẩn bị nội dung cho họp dân lần 2

- Tổng hợp, rà soát lại thông tin phần C của các thôn

- Tổng hợp RRTT/RRBĐKH của từng thôn, của xã và chuẩn bị bảng xếp hạng RRTT/RRBĐKH (Công cụ 7) của xã.

- Kê bảng phân tích nguyên nhân, bảng xếp hạng giải pháp PCTT /TUBĐKH (Công cụ 8).

- Kê bảng phân tích kịch bản BDKH để thảo luận với người dân

- Kê bảng phân tích Giới để thảo luận với người dân

- Dự thảo báo cáo đánh giá theo mẫu của dự án

Ngày thứ hai: 21/11/2018 Họp dân lần thứ 2 để xếp hạng, phân tích nguyên nhân, xác định giải pháp PCTT/TUBĐKH

Buổi sáng: Từ 7:30 đến 11:00 - Họp dân lần thứ 2 để xếp hạng RRTT/RRBĐKH, phân tích nguyên nhân, xác định giải pháp PCTT/TUBĐKH và xếp hạng giải pháp. Địa điểm: Hội trường UBND xã Hưng Lộc

Thành phần mời: Mời đại diện **30 người dân** của **6 thôn(mỗi thôn 5 người)** là những người đại diện ban mặt trận xã và các thành phần kinh tế, sống lâu trong địa phương; những người đã tham gia cung cấp thông tin ở lần họp thứ nhất. Có ít nhất 50% phụ nữ tham gia.

Công việc thực hiện:

TT	Hoạt động	Người chịu trách nhiệm	Kết quả mong đợi
1	Thảo luận kịch bản BDKH và phân tích giới với người dân	A.Nhâm; C.Hiếu	Bảng thảo luận kịch bản BDKH và phân tích giới với người dân được hoàn thành
2	Thông qua bảng tổng hợp RRTT/RRBĐKH và xếp hạng RRTT/RRBĐKH (Công cụ 7)	A.Kền; C.Hà	Bảng xếp hạng RRTT/RRBĐKH hoàn thành

3	Lựa chọn 5 - 7 RRTT/RRBĐKH ưu tiên để thảo luận phân tích nguyên nhân, Xác định giải pháp PCTT /TUBĐKH (Công cụ 8)	A.Bền; A Tuấn	Bảng phân tích nguyên nhân hoàn thành
4	Xếp hạng giải pháp PCTT/TUBĐKH	C.Tuyết ; C.Thảo	Bảng xếp hạng các giải pháp PCTT/TUBĐKH hoàn thành
5	Tiếp tục bổ sung thông tin vào dự thảo báo cáo đánh giá RRTT/RRBĐKH -DVCD theo mẫu của dự án	C.Din; C.Tuyền	Hình thành khung báo cáo đánh giá RRTT-DVCD nhập đủ thông tin phần A và B và sơ lược phần C

Buổi chiều: Từ 14:00 đến 17:00 - Nhóm đánh giá tập trung tại hội trường UBND xã để tổng hợp thông tin của thôn/ xã và chuẩn bị cho họp dân lần 3 kiểm chứng thông tin gồm các bảng sau:

- Tổng hợp thông tin vào các công cụ đánh giá và tổng hợp thông tin vào phần C của báo cáo cho các cụm thôn
- Kê bảng xếp hạng RRTT/BĐKH (Công cụ 7) của xã để xếp hạng ở buổi kiểm chứng
- Bổ sung thông tin vào bảng phân tích nguyên nhân (Công cụ 8) của xã để kiểm chứng
- Kê bảng xếp hạng giải pháp PCTT của xã để xếp hạng ở buổi kiểm chứng
- Xác định các hoạt thực hiện giải pháp PCTT (công cụ 9) để kiểm chứng
- Tiếp tục bổ sung thông tin vào dự thảo báo cáo đánh giá RRTT/RRBĐKH -DVCD theo mẫu của dự án

Ngày thứ ba: 22 /11/2018 kiểm chứng thông tin

Buổi Sáng: Từ 7:30 đến 11:00 Họp kiểm chứng thông tin tại hội trường UBND xã Hưng Lộc

Thành phần mời: 30 người dân của 6 thôn Mỗi thôn 5 người (Đại diện hộ dân vùng nguy cơ cao, các hộ ở các ngành nghề khác nhau và đại diện đối tượng DBTT (hộ nghèo, người khuyết tật, người cao tuổi, phụ nữ đơn thân) Đảm bảo có 50% phụ nữ của các thôn. **Lưu ý:** Đại diện hộ dân là những người chưa tham gia các lần họp trước.

TT	Hoạt động	Người chịu trách nhiệm	Kết quả mong đợi
1	Kiểm chứng kịch bản BĐKH và phân tích giới với người dân	A.Nhâm; C.Hiếu	Kịch bản BĐKH và phân tích giới với người dân Được bổ sung thông tin
2	Kiểm chứng và xếp hạng các RRTT/RRBĐKH	A.Kền; C.Hà	Bảng tổng hợp xếp hạng RRTT/RRBĐKH của xã được hoàn thành
3	Kiểm chứng phân tích nguyên nhân RRTT/RRBĐKH và bổ sung thông tin về phân tích nguyên nhân.	A.Bền; A Tuấn	Bảng tổng hợp phân tích nguyên nhân của xã được hoàn thành và bổ sung nhiều thông tin
4	Xếp hạng các giải pháp PCTT/TUBĐKH và Kiểm chứng các hoạt động thực hiện giải pháp ưu tiên để đưa vào kế hoạch	C.Tuyết ; C.Thảo	Bảng xếp hạng giải pháp PCTT/TUBĐKH của xã được hoàn thành và bảng tổng hợp hoạt động thực hiện giải pháp PCTT/TUBĐKH (công cụ 9) được hoàn thành
5	Chia nhóm theo cụm thôn bổ sung thông tin về phần C của báo cáo đánh giá	Toàn nhóm :Chia 2 cụm thôn để kiểm chứng phần C của báo cáo	Phần C của 2 thôn được bổ sung nhiều thông tin
6	Tiếp tục bổ sung thông tin vào dự thảo báo cáo đánh giá RRTT/RRBĐKH - DVCD	C.Din; C.Tuyền	Hoàn thành dự thảo phần C của báo cáo cho từng thôn

Buổi chiều: Nhóm HTKT tập trung tại hội trường UBND xã Hưng Lộc

- Dựa vào kết quả họp thôn để rà soát, chỉnh sửa, bổ sung vào báo cáo đánh giá. Hoàn thiện báo cáo đánh giá và thông qua nhóm HTKT để toàn nhóm bổ sung hoàn chỉnh báo cáo. (gửi trước dự thảo báo cáo cho lãnh đạo)
- Chuẩn bị nội dung cho cuộc họp thông qua lãnh đạo: Đảng ủy, HĐND, UBND, và các ban ngành đoàn thể của xã

Ngày thứ tư: 23/11/2018 Họp với lãnh đạo và ban ngành đoàn thể của xã

Buổi sáng: Từ 7:30- 11:30 họp tại hội trường UBND xã Hưng Lộc

Thành phần mời: Lãnh đạo UBND xã và đại diện các ban ngành đoàn thể của xã

Công việc thực hiện:

TT	Hoạt động	Người chịu trách nhiệm	Kết quả mong đợi
1	Giới thiệu thành phần và mục đích yêu cầu	Anh Bền PCT UBND trường nhóm HTKT	Đại biểu hiểu được mục đích yêu cầu của buổi họp
2	Báo cáo kết quả lớp tập huấn và quy trình đánh giá tại các thôn	Giảng viên	Đại biểu biết được kết quả lớp tập huấn và quy trình đánh giá RRTT-

			DVCD để có được báo cáo đánh giá
3	Trình bày tóm tắt báo cáo đánh giá RRTT-DVCD theo mẫu của dự án GCF	Anh Bền PCT UBND trưởng nhóm HTKT	Đại biểu nắm được nội dung chính của báo cáo đánh giá
4	Lãnh đạo xã và các thành phần tham dự đóng góp ý kiến vào báo cáo đánh giá	Lãnh đạo và đại diện các ban ngành đoàn thể	Lãnh đạo và các đại biểu đóng góp nhiều ý kiến bổ sung cho báo cáo và thông qua báo cáo
5	Phát biểu kết luận của lãnh đạo xã	Đại diện lãnh đạo xã	Ý kiến kết luận được đưa vào báo cáo đánh giá
Buổi chiều: Nhóm đánh giá căn cứ góp ý của lãnh đạo và các ban ngành đoàn thể để rà soát, chỉnh sửa, bổ sung vào báo cáo đánh giá, và bộ công cụ thực hiện đánh giá.			

**PHỤ LỤC KÈM THEO BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ
RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG XÃ HUNG LỘC**

Công cụ 2: Lịch sử thiên tai xã Hưng lộc :

Tháng năm	Loại hình thiên tai	Đặc điểm/xu hướng	Khu vực chịu thiệt hại	Thiệt hại gì/Mức độ thiệt hại (ANCD, SXKD, SKVSMT)	Tại sao bị thiệt hại (Nguyên nhân về VC, TCXH, NT,KN,TĐ,ĐC)	Đã làm gì để PCTT
9/2005	Bão	- Gió giật cấp 11, cấp 12 kèm theo mưa to và triều cường dâng cao làm vỡ đê.	Toàn xã	1. ATCD - 521 nhà bị tốc mái - 450 m đê biển vỡ. - 2 km đường giao thông hư hỏng nặng . 2. SX – KD - 285 đất sản xuất nông nghiệp bị mất và nhiễm mặn. - 45 ha đất nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại. - 12 km kênh mương tưới, tiêu bị vùi lấp. - 2500 con gia súc, gia cầm bị chết và cuốn trôi. - 50 Tàu thuyền hư hỏng 3, Vệ sinh môi trường -Môi trường bị ô nhiễm nặng (nước, không khí ...) * Tổng thiệt hại ước tính: 82,5 tỷ đồng	1. Vật chất - Nhà thiếu kiên cố - Đê vỡ do xuống cấp, chiều cao chưa đảm bảo, kích thước và kết cấu chưa đảm bảo. - Nhiều tuyến đường nội thôn, nội đồng bị hư hỏng nặng. 2. Nhận thức kinh nghiệm Một số hộ dân ý thức chưa cao, còn chủ quan	- Tích cực tuyên truyền cho người dân chủ động phòng chống bão lụt. - Huy động nhân lực, vật lực để di dời người và tài sản. - Quy hoạch đầu tư xây dựng phù hợp.
T2/2008 T1/2015	Rét đậm, rét hại Rét đậm, rét hại	- Rét kéo dài, rét càng nhiều nhiệt độ xuống thấp dưới 10 ⁰	Toàn xã Toàn xã	- Lúa đã cấy bên rẫy hồi xanh đã chết 90% (252 ha). - Vật nuôi, gia súc, gia cầm chết (2300 con – 30% lợn , gà, vịt) - Nuôi trồng thủy sản chết 90% - Hoa màu chết 95% (87 ha) - Lúa - mạ - hoa màu – vật nuôi bị chết 90 -95% (252ha) gia cầm, gia súc 2500 con = 35%. - Người già, trẻ em mắc bệnh đường hô hấp, ô nhiễm môi trường. - Tổng thiệt hại ước tính 2,5 tỷ đồng	- Do công tác tuyên truyền phòng chống rét còn hạn chế. - Đa số người dân còn chủ quan. - Người cao tuổi, trẻ em sức đề kháng yếu dễ mắc bệnh.	-Tuyên truyền cho người dân hiểu để phòng chống rét. - Đốt củ sưởi ấm - Bơm nước cao, sử dụng bèo để chống rét cho nuôi trồng thủy sản.

9/20 07	Ngập lụt	Mưa to, ngập lụt diện rộng,thư ờng xuyên sây ra mực nước cao hơn diện tích rộng, thời gian kéo dài	Toàn xã	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 215 hộ có nhà bị ngập nước từ 5 thôn (Thôn Kiên long, Phú Lương khu vực bãi) - Có 125 nhà ngập sâu đến 1m làm hư hỏng tài sản và vật nuôi cây trồng bị chết ở khu vực bãi - Các tuyến đưng bị sạt lở 16 km. <p>* Sản xuất kinh doanh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trồng trọt cây lúa 150 ha bị thiệt hại 85%. - Cây hoa màu 57 ha bị thiệt hại ước tính bị thiệt hại 70% - Thủy sản ngập thiệt hại 95% sản lượng. - Kênh mương bị hư hỏng 4,7 km. - Thiệt hạ 92 cơ sở sản xuất kinh doanh <p>* Sức khỏe vệ sinh môi trường</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các giếng khoan đào bị ngập, giếng khoan bị hư hỏng hoàn toàn. - Nguồn nước bị ô nhiễm, các dịch bệnh xảy ra sau lũ lụt như dịch tả, sốt xuất huyết. <p>Ước tính thiệt hại 13 tỷ đồng</p>	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Do vỡ đê sông mã nước lũ khu vực: Kiên long, Yên Mỹ, Phú nhi đổ về vùng bãi gây ra ngập úng kéo dài. - Diện tích cây hoa màu chưa kịp thu hoạch. - Diện tích lúa của các vùng trũng bị ngập thu hoạch không kịp thời. <p>* Tổ chức xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công tác truyền truyền chưa rộng rãi, chưa đến kịp người dân. <p>* Nhận thức kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức của một số bộ phận nhân dân còn hạn chế. - Người dân còn chủ quan, chưa đắp bờ bao dẫn đến bị thiệt hại nặng nề về thủy sản. - Người dân chưa chủ động đi sơ tán. 	<ul style="list-style-type: none"> - Làm tốt công tác nhân lực, vật lực. Tổ chức công tác PCTT - Chuẩn bị bể dự trữ nước uống khi có lũ lụt xảy ra. - Chuẩn bị tốt phương châm bốn tại chỗ trong công tác PCTT. - Vận động người dân di dời đến nơi trú ẩn an toàn. - Khuyến cáo thu hoạch diện tích lúa, hoa màu đến thời kỳ thu hoạch. - Xử lý nguồn nước khơi thông công rãnh - Tuyên truyền cho người dân tích cực tham gia xử dụng nguồn nước sạch.
------------	-------------	---	---------	--	--	--

Công cụ 3: Lịch theo mùa xã Hưng lộc:

Thiên tai	Tháng (Dương lịch)												Xu hướng của thiên tai		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12			
Bão													Diễn ra bất thường và cường độ ngày càng mạnh		
Lụt													Diễn biến bất thường và cường độ ngày càng nhiều hơn		
Rét đậm, rét hại													Nhiệt độ xuống thấp dưới 10 ⁰ c, kéo dài hơn		
Hoạt động KT- XH	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Ảnh hưởng của thiên tai	Tại sao ? (đánh giá TTDBTT)	Kinh nghiệm PCTT (NLPCTT)
Nông nghiệp: - Trồng lúa 2 vụ, phụ nữ Tham gia 70%. Tổng diện tích 187 ha													- Vụ xuân: gặp rét chết mạ và lúa mới cấy. - Vụ mùa: gặp bão, lụt bị giảm năng suất và mất mùa	- Diện tích đất trồng lúa nằm ở vùng trũng, manh mún không tập trung. - Công tác chăm sóc chưa đồng bộ. - Sản xuất lúa tự cung tự cấp, chưa sản xuất hàng hóa.	- Hệ thống kênh mương tưới tiêu kiên cố. - Tập huấn chuyên gia KHKT, thực hiện theo lịch thời vụ. - Người dân có kinh nghiệm thâm canh cây lúa
Trồng màu: tổng diện tích 65,79 ha. Nữ 70% - nam													- Rét đậm, rét hại chết cây màu, không cho thu nhập	- Diện tích sản xuất manh mún, xen canh, xen cư.	- Diện tích trồng màu 70% sản xuất hàng hóa (

	-Không có bảo hộ lao động cho nam, nữ, ảnh hưởng sức khỏe cho cả nam và nữ	kinh tế lên các hộ chăn nuôi giảm dần và chuyển sang các ngành nghề khác	- Hỗ trợ thuốc khử trùng , hệ thống tiêu nước thải, con giống phù hợp đối với các hộ chăn nuôi	- Tạo đầu ra cho chăn nuôi Tập huấn kỹ thuật chăn nuôi cho chị em phụ nữ
Nuôi trồng và đánh bắt thủy sản tham gia SX Nam 70%, nữ 30% . nam, nữ cùng quyết định sản phẩm	- Nguy cơ xảy ra tai nạn đối với nam giới là chủ yếu, do có thiên tai nam phải canh giữ đầm. - Thiệt hại kinh tế làm cho phụ nữ ảnh hưởng tinh thần như lo lắng... - Ảnh hưởng sức khỏe nam, nữ do con nuôi chết, sử dụng thuốc BVTV	Nam nữ phải đi làm ăn xa để trả nợ , có kinh phí trang trải cho gia đình. Nam nữ phải đi làm thuê kiếm sống.	- Tạo chế độ chính sách ưu đãi vay vốn lãi suất thấp để cải tạo lại ao đầm, tái sản xuất. - Tuyên truyền phổ biến tập huấn cho nam nữ trước và sau thiên tai xảy ra phải sơ tán tránh rủi ro	- Định hướng điều chỉnh quy hoạch nuôi trồng thủy sản - Đầu tư nâng cấp cầu cống, nạo vét mương - Tạo đầu ra ổn định cho nuôi trồng thủy sản - Hỗ trợ giống chất lượng
Thương mại Dịch vụ Nữ 75%, nam 25%	Chủ yếu kinh doanh hộ gia đình nhỏ lẻ, phải có vốn nhưng do người dân thu nhập không ổn định, mua chịu nợ đọng nên có khi mất vốn, ảnh hưởng đến kinh tế, tinh thần cho cả nam và nữ	Khi thiên hư hồng lều quán, mất hàng hóa, giảm thu nhập của phụ nữ	Phải đi làm ăn xa, làm việc khác, đi làm thuê để tạo ra tiền để đảm bảo duy trì sinh hoạt cho gia đình	- Nhà nước hỗ trợ vay vốn - Địa phương có nhiều chính sách ưu đãi cho phụ nữ

Công cụ 4 : Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai xã Hưng lộc (ở trên)

Công cụ 6 : Tổng hợp đánh giá rủi ro thiên tai xã Hưng lộc

Thiên tai	Xu hướng của thiên tai	Tình trạng dễ bị tổn thương	Năng lực PCTT	Rủi ro thiên tai
Bão Lụt	Xảy ra nhanh Khó dự đoán Không theo quy luật Cường độ càng ngày càng mạnh	1.An toàn cộng đồng * Vật chất: -750 hộ ở 4 thôn nguy cơ cao chủ yếu là nhà cấp 4 và thiếu kiên cố với 3800 nhân khẩu sống trong vùng nguy cơ cao - Cụm loa 9/6 độ sản xuất bị hư hỏng hoàn toàn - 2 km đường sơ tán còn lại là đường đất (thôn Yên hòa đến thôn Kiến Long). -1,5 km đường bê tông đã xuống cấp - 2 km đường điện hạ thế dây trần không đảm bảo, một số cây cột điện không đảm bảo cung ứng điện cho người dân, trong mùa mưa bão . -Trường Tiểu học 2 có 4 phòng học cấp 4 và 4 phòng học mái bằng đã xuống cấp trầm trọng không đảm bảo cho việc người dân và học sinh tránh trú bão. -Thiếu phương tiện vận chuyển (ô tô. Tàu, Thuyền ...) -25% hộ gia đình không có phương tiện xe máy -90% hộ gia đình không có thiết bị cứu nạn -75% người dân không biết bơi -Trường tiểu học, THCS có công trình vệ sinh xuống cấp -Trường mầm non thiếu nhà vệ sinh cho giáo viên - Toàn bộ hệ thống truyền thanh từ xã đến	1.An toàn cộng đồng * Vật chất: - 35% nhà ở kiên cố và đảm bảo khi có thiên tai xảy ra - 4 trường (Trường THCS, Trường tiểu học I, Tiểu học II, Trường mầm non đảm bảo kiên cố. Chuẩn bị sẵn sàng để hỗ trợ đón dân sơ tán khi có tình huống xấu xảy ra. -Trụ sở UBND xã kiên cố đảm bảo để nhân dân đến sơ tán tránh trú bão. -Đường giao thông liên xã được cứng hóa -Đường liên thôn 95% đã cứng hóa - 100% hộ gia đình sử dụng điện lưới -Phương tiện: + Xe máy : 75 % hộ gia đình + 95% các hộ gia đình có ti vi, điện thoại - 25% số dân cư biết bơi - Đa số người dân có ý thức dự trữ lương thực, thực phẩm. 95% số hộ - 5% hộ gia đình có máy phát điện	1. An toàn cộng đồng - Nhà ở có nguy cơ tốc mái sập đổ khi có thiên tai. - Tính mạng người dân sống trong vùng nguy cơ cao đe dọa khi có thiên tai - Người dân thiếu thông tin, không kịp thời khi có thiên tai xảy ra. -2 km đường sơ tán cứu nạn , cứu hộ không đảm bảo cho việc di dời của người dân khi có thiên tai - Đội ngũ cứu nạn thiếu phương tiện thiết bị , trang phục thiết bị phục vụ cho

	<p>thôn chưa được nâng cấp, do máy phát sử dụng lâu năm, công suất nhỏ, các cụm loa bị hỏng hoàn toàn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở y tế còn thiếu phòng khám chữa bệnh cho nhân dân, chưa có hệ thống xử lý rác thải y tế. - 700 m đường liên xã đã xuống cấp. <p>*Tổ chức, Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trưởng thôn là thành viên trong ban PCTT của xã chưa được thường xuyên về kỹ năng tìm kiếm cứu nạn. - Đội xung kích mỗi thôn là 25 người, một số thành viên trong đội thường xuyên đi làm ăn xa, thiếu trang thiết bị cứu hộ cứu nạn - Các tổ chức đoàn thể tại các thôn phối hợp chưa chặt chẽ trong công tác PCTT. - Công tác tuyên truyền triển khai phòng chống bão lũ còn hạn chế. - Người dân được tập huấn kỹ năng phòng chống bão lũ, PCTT, TKCN chưa thường xuyên. <p>* Nhận thức, kinh nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân còn thiếu ý thức và chủ quan trong phòng chống thiên tai - 15% hộ dân chưa chấp hành lệnh đi sơ tán - Người dân ít được tập huấn tham gia diễn tập phòng chống thiên tai. 	<ul style="list-style-type: none"> - 15% các hộ gia đình có thiết bị cứu hộ, cứu nạn. <p>*Tổ chức xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các thành viên đã được tập huấn PCTT, có kế hoạch và nhiệm vụ phân công cụ thể cho các tổ chức đoàn thể cùng các cơ sở thôn xóm. - Các tổ chức đoàn thể có sự phối hợp trong công tác PCTT. - Hàng năm kế hoạch PCTT được xây dựng và phân công nhiệm vụ cụ thể đến từng thành viên. - Ban PCTT có 42 người (trong đó 30 nam, 12 nữ) <p>*Nhận thức kinh nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có tinh thần đoàn kết giúp đỡ nhau khi có hoạn nạn - 85% hộ dân có ý thức chấp hành lệnh khi sơ tán - 100% người dân tự nguyện đóng góp vật tư, vật liệu phòng chống thiên tai khi có thiên tai xảy ra. 	<p>việc ứng phó khi có thiên tai.</p>
	<p>2.Sản xuất, kinh doanh</p> <p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống kênh mương chưa kiên cố dẫn đến chưa đảm bảo trong điều tiết nước cho sản xuất. - Thiếu kinh phí đầu tư - Do chuồng trại đơn sơ, thiếu vốn đầu tư - Nguyên nhân hệ thống nước thải chưa đảm bảo - Do cùng đất trũng, đất nhiễm phèn, tỷ lệ đưa máy móc vào sản xuất còn thấp (do đồng đất trũng sâu) - Diện tích đất đồng trũng chiếm 34,4% - Hệ thống tưới tiêu phụ thuộc vào thủy triều - Chất lượng giống còn kém - Thức ăn chưa chủ động, còn phụ thuộc và không được kiểm soát về chất lượng, phụ thuộc vào nhà đầu tư. - Bờ ao, đầm chưa được kiên cố, con giống, thức ăn, sản phẩm đầu ra không có thị trường ổn định. <p>*Tổ chức, xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cung ứng vật tư cho xã viên còn hạn chế - Công tác dự báo, dự thính chưa kịp thời. - HTX chưa bao tiêu được sản phẩm cho nông dân - Chưa kiểm soát được nguồn gốc và chất lượng thuốc BVTV - Hệ thống máy cày bừa còn ít - Nạo vét mương chưa thường xuyên. - Vốn ưu đãi đầu tư mua máy móc phụ vụ 	<p>2. Sản xuất, kinh doanh</p> <p>*Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng hệ thống Bioga thường xuyên làm vệ sinh chuồng trại. - Xây dựng nhà xưởng theo đúng tiêu chuẩn khép kín. - Hệ thống xử lý nước thải có hệ thống đúng tiêu chuẩn - Có kế hoạch cụ thể xây dựng thành khu sản xuất kinh doanh. - Đầu tư vốn để xây dựng nhà xưởng kiên cố - Về chăn nuôi có vùng quy hoạch có mô hình trang trại tập trung. - Về nuôi trồng thủy sản có 346 hộ nuôi trồng thủy sản diện tích 44,95 ha - Hệ thống kênh mương đã có quy hoạch xây dựng cánh đồng mẫu lớn. - HTX cung ứng vật tư về vật tư sản xuất, chăn nuôi hộ gia đình - Đã có hệ thống cầu công tưới tiêu phục vụ sản xuất. - Đã có 100% đường bê tông nội đồng - Tận dụng nguồn lực sẵn có tại địa phương. <p>*Tổ chức, xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - HTX đã xây dựng kế hoạch 	<p>2. Sản xuất, kinh doanh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngành trồng trọt có nguy cơ mất mùa, giảm năng suất khi có thiên tai. - Ngành chăn nuôi có nguy cơ bị thiệt hại, giảm thu nhập khi có thiên tai. - Ngành nuôi trồng thủy sản có nguy cơ ngập lụt, mất sản lượng khi có thiên tai, lũ lụt. - Các ngành nghề khác của xã bị ảnh hưởng lớn khi bị thiên tai. - Cơ sở vật chất nhà trường, các công trình xây dựng bị ảnh hưởng nặng nề. - Hệ thống kênh mương, ao đầm bị sạt lở. - Quá trình sản

	<p>sản xuất còn hạn chế.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kinh phí tập huấn kỹ thuật cho các ngành nghề sản xuất kinh doanh còn hạn chế. - Nguồn cung ứng con giống chưa đảm bảo. <p>*Nhận thức, kinh nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân chủ quan không che chắn cho mạ đủ ẩm Thiếu cập nhật kiến thức chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản - Người dân còn chủ quan chưa phòng chống dịch bệnh cho đàn vật nuôi đúng định kỳ, vệ sinh chuồng trại ao đầm còn kém. - Phân bón chưa cân đối, sử dụng phân vô cơ nhiều. Sử dụng thuốc BVTV chưa đúng quy trình. - Người dân còn thiếu kiến thức về BDKH - Nhận thức huyện đổi giống cây trồng và vật nuôi để thích ứng thời tiết còn hạn chế. 	<p>cung ứng vật tư cho người dân.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hàng vụ HTX đã tổ chức tập huấn cho xã viên kỹ thuật trồng lúa, phun thuốc phòng trừ sâu bệnh. - Tạo điều kiện cho nhân dân tiếp cận với nguồn vốn đầu tư cho sản xuất – kinh doanh. - Hàng năm tổ chức tiêm phòng bệnh cho đàn gia súc, gia cầm theo mùa vụ. <p>*Nhận thức, kinh nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn cây và con giống mới phù hợp. - Có giống lúa dự phòng - Xây dựng chuồng trại theo mô hình chăn nuôi âm về mùa đông, mát về mùa hè. Học hỏi kinh nghiệm, chọn giống vật nuôi, giống con nuôi rõ nguồn gốc, địa chỉ 	<p>xuất kinh doanh, tham gia lao động bị ngừng chế.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống đường giao thông bị hư hỏng. - Chuồng trại chăn nuôi bị hư hỏng tốc mái. - Nuôi trồng thủy sản làm con nuôi chết, ô nhiễm nguồn nước
	<p>3.Sức khỏe vệ sinh môi trường:</p> <p>*Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Do cơ sở trạm y tế đã xuống cấp, thiếu trang thiết bị y tế dự phòng, khu vệ sinh chung với khu khám chữa bệnh, chưa có nơi xử lý rác thải y tế, nhà bếp, nhà kho bị hỏng chưa có. - Đã có nơi tập kết, thu gom rác thải cho 6 thôn, hợp đồng với công ty vận chuyển đi xử lý rác . -15% hộ gia đình chưa có nhà vệ sinh đạt tiêu chuẩn. <p>* Tổ chức, xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công tác tuyên truyền chưa thường xuyên, người dân chưa nhiệt tình tham gia ở các buổi tư vấn. - Một số hộ dân xả rác thải bừa bãi không đúng nơi quy định. - Chưa có biện pháp xử phạt những hành vi vi phạm trong lĩnh vực ô nhiễm môi trường. - Chưa có thùng rác nơi công cộng - Một số bà mẹ đang trong độ tuổi sinh sản và nuôi con nhỏ chưa có ý thức tiêm chủng đầy đủ theo quy định - Mạng lưới y tế cộng đồng chưa được đào tạo chuyên nghiệp. <p>* Nhận thức, kinh nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân thiếu hiểu biết về sức khỏe VSMT - Chưa có ý thức khám bệnh định kỳ và không mua thuốc theo đơn của bác sĩ. - Chưa quan tâm đến hạn sử dụng của lương thực, thực phẩm - Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật chưa đúng quy định, chưa có phòng hộ đảm bảo. - Chủ quan trong việc chăm sóc sức khỏe và vệ sinh môi trường . - Chưa có ý thức trong việc thu gom rác 	<p>3.Sức khỏe vệ sinh môi trường:</p> <p>*Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Đã có bãi thu gom rác thải - Đã hợp đồng với công ty môi trường thu gom rác thải một tuần 3 lần. -100% người dân sử dụng nước hợp vệ sinh. - 82% hộ gia đình có công trình vệ sinh đảm bảo <p>*Tổ chức, xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đã có công ty VSMT thu gom rác thải 03 lần/tuần vào thứ 2, thứ 4 và thứ 7 hàng tuần. - Các tổ chức, đoàn thể như: Đoàn thanh niên, hội phụ nữ, Hội Chữ thập đỏ tổ chức tổng dọn vệ sinh môi trường 01 tháng/01 lần. - Hội Chữ thập đỏ thường xuyên tuyên truyền phòng chống dịch bệnh, bảo vệ sức khỏe nhân dân - Trạm y tế: Tiêm chủng định kỳ cho bà mẹ mang thai và trẻ em trong độ tuổi khám sức khỏe định kỳ, tư vấn sức khỏe cho người cao tuổi, người có công với cách mạng. <p>* Nhận thức, kinh nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có kinh nghiệm chăm sóc sức khỏe sau thiên tai - Đa số người dân có ý thức bảo vệ môi trường - Có ý thức dự trữ lương thực, thực phẩm, thuốc trong mùa mưa bão -100% người dân bãi ngang được cấp thẻ BHYT 	<p>3.Sức khỏe vệ sinh môi trường:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sau thiên tai, bão lụt thường xuyên xảy ra các dịch bệnh như: tiêu chảy, sốt xuất huyết, đau mắt đỏ - Vấn đề môi trường bị ô nhiễm.

		thải, còn thải rác bừa bãi ra môi trường.		
Rét hại	Xu hướng ngày càng nhiều, nhiệt độ xuống thấp, kéo dài, xảy ra nhiều	<ul style="list-style-type: none"> - Chưa có nilông để che phủ cho diện tích gieo mạ - Chuồng trại chăn nuôi chưa đảm bảo chống rét cho gia súc, gia cầm (5.967 con gia cầm, 1.492 con gia súc) - Một số hộ nhà ở chưa đảm bảo chống rét - Tỷ lệ người già, trẻ em cao khi có rét kéo dài thì dễ bị mắc các bệnh về đường hô hấp 	<ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ đã biết che chắn chuồng trại khi có rét - Đã tiêm phòng định kỳ 1 năm 2 lần cho đàn gia súc, gia cầm - Không thả rông gia súc - Trang bị chống rét cá nhân đã đảm bảo - Trạm y tế đã tiêm phòng cho phụ nữ mang thai và trẻ em - 70% có BHYT 	<ul style="list-style-type: none"> - Mạ chết, lúa và hoa màu giảm năng suất - Thủy sản giảm năng suất, thu nhập thấp - Nguy cơ các bệnh về đường hô hấp của người già và trẻ em

Hiện trạng và các giải pháp thích ứng biến đổi khí hậu (Thảo luận với người dân) xã Hưng lộc

Biểu hiện của BĐKH	Kéo theo các hiện tượng thời tiết cực đoan/ các nguy cơ gì	C Các vùng bị ảnh hưởng	Các lĩnh vực khía cạnh bị ảnh hưởng (3 khía cạnh, 3 lĩnh vực)	Những rủi ro BĐKH gây ra	Giải pháp(*)	
					Giảm nhẹ RRTT và thích ứng	Việc giảm phát thải khí nhà kính (tiết kiệm năng lượng)
- Nhiệt độ tăng	-Nắng gắt kéo dài, kèm theo gió Lào, thời gian mỗi đợt từ 10-15 ngày Nhiệt độ cao điểm 40- 41 °c	13/13 xóm, đặc biệt là 6 xóm phía bắc xã	*SX -Nông nghiệp -Thủy sản - chăn nuôi * SK VSMT -Sức khỏe - Ô nhiễm môi trường	-Lúa chết do thiếu nước. -Tôm cá chết do nhiệt độ nước tăng Gia súc gia cầm chết, dịch bệnh Nguy cơ dịch bệnh nhiễm sang người	- Kiên cố hóa hệ thống kênh mương bờ ao đầm để đảm bảo tưới tiêu. - Vệ sinh môi trường, kiểm tra chăm sóc sức khỏe định kỳ Xây dựng trạm bơm tưới nước	Giảm sử dụng phân bón hóa học trong trồng lúa, màu. Giảm việc sử dụng thuốc BVTV Trồng cây xanh ven đường và trồng rừng ngập mặn
-Lượng mưa tăng vào mùa hè, giảm mùa đông xuân	Ngập lụt kéo dài Ngập úng	08/13 xóm Như xóm 4,6,8,9,,7,10,11,12	- mất trắng và giảm năng suất - lúa, thủy sản, chăn nuôi Hoa màu ,tài sản của các hộ gia đình	- Cây lúa mất trắng - Gia súc chết dịch bệnh - Ô nhiễm môi trường -Hệ thống thủy lợi sạt lở, hư hỏng	- Kiên cố hệ thống kênh mương, chuồng trại - Tập huấn KHKT -Từng bước xây dựng hệ thống tưới tiêu chủ động Xây dựng trạm bơm tưới nước	- Thu gom rác thải, vệ sinh môi trường - Tiết kiệm điện nước, chất đốt -Xây dựng bình Bioga
-Nước biển dâng	- nước mặn xâm nhập Ngập úng vùng trũng thấp	Toàn xã	- Nuôi trồng thủy sản -Lúa, hoa màu, chăn nuôi bị ảnh hưởng, phát triển kém.	-Thủy sản mất trắng. -Làm mất mùa giảm năng suất lúa, hoa màu Gia súc, gia cầm bị chết, Nguồn nước sinh hoạt bị ô nhiễm	-Kiên cố hóa hệ thống thủy lợi, đảm bảo tưới tiêu chủ động -Xây các trạm bơm nước	-trồng lúa đảm bảo đúng quy trình , kỹ thuật . -Nuôi trồng thủy sản theo mô hình việt góp Trồng các giống cây chịu hạn, chịu mặn

-Bão gia tăng không theo quy luật	- Tàn phá mạnh, mưa nhiều gây ngập úng Gió mạnh hơn, cấp 12, siêu bão	13/13 xóm đặc biệt là các thôn vùng trũng	-Nông nghiệp, thủy sản, tiêu thủ công nghiệp, Mất tài sản, chết người, chết gia súc gia cầm	-Lúa, hoa màu chết do ngập úng -Tôm cá chết do ngập úng, mặn xâm nhập. -Rừng ngập mặn bị đổ, giảm rừng. - Các sản phẩm làm ra bị ảm mốc, hue hỏng dẫn đến giảm thu nhập, - Chết cây rừng - Gia súc gia cầm bị chết, dịch bệnh - Gây ô nhiễm môi trường	-Kiến cố hóa hệ thống kênh mương tuwois tiêu. -Kiến cố hóa bờ ao đầm, tạo hệ thống cầu cống thoát nước -Hỗ trợ nhà xưởng, máy sấy cho sản phẩm -Trồng bổ xung rừng mới Hỗ trợ xây dựng nhà	-Giảm tỉ lệ sử dụng thuốc BVTV -Nuôi trồng theo Việt gop -Có hệ thống xử lý chất thải, nước thải -Trồng rừng ngập mặn
-----------------------------------	--	---	--	--	--	--

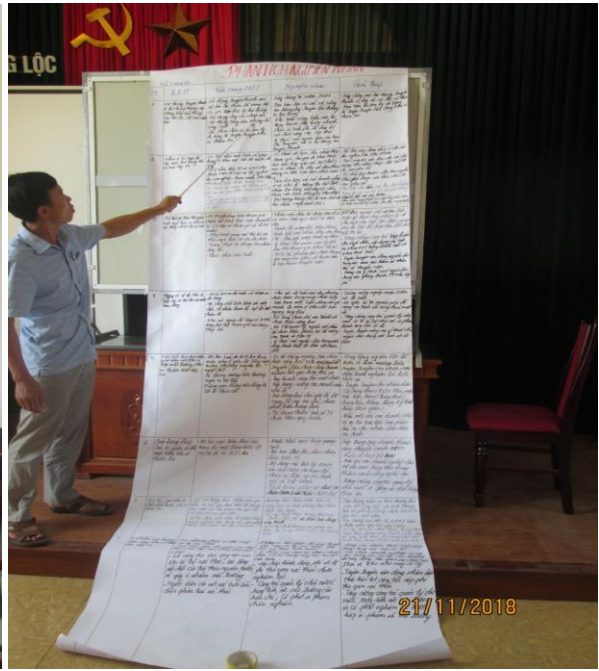
Công cụ 7: Xếp hạng rủi ro thiên tai xã Hưng lộc

Rủi ro thiên tai	Nhóm HTKT		Cụm thôn 1 và cụm thôn 2		Kiểm chứng		Tổng phiếu toàn xã		Xếp hạng toàn xã	
	Nam (12)	Nữ (03)	Nam (21)	Nữ (9)	Nam (13)	Nữ (11)	Nam (61)	Nữ (44)	Tổng	XH
Nguy cơ người chết, bị thương khi có thiên tai xảy ra	8	5	13	8	8	6	29	19	48	12
Ô nhiễm môi trường diện rộng khi có thiên tai, BDDKH xảy ra	4	4	17	10	13	7	34	21	55	8
Nguy cơ trẻ em bị đuối nước và nghỉ học dài ngày khi có thiên tai BDKH xảy ra	6	3	15	7	6	6	27	16	43	14
Gia súc, gia cầm bị chết, dịch bệnh khi có thiên tai, BDKH xảy ra	7	4	20	8	19	13	46	25	71	7
Phụ nữ có nguy cơ bị đuối nước và bị tai nạn khi chằng chống nhà cửa khi có thiên tai, BDKH xảy ra	8	5	15	8	11	6	34	19	53	9
Sản lượng thủy sản bị giảm hoặc mất trắng khi có thiên tai, BDKH xảy ra	5	4	52	7	6	4	63	15	78	5
Hệ thống truyền thanh hư hỏng không bảo đảm thông tin liên lạc, dự báo cảnh báo khi có thiên tai, BDKH xảy ra	26	8	14	7	36	29	76	44	120	2
Diện tích lúa và hoa màu mất mùa, giảm năng suất khi có thiên tai BDKH xảy ra	8	4	20	10	15	23	43	37	80	4
Ban phòng chống thiên tai và đội xung kích có nguy cơ bị tai nạn khi đi làm nhiệm vụ khi có thiên tai, BDKH xảy ra	7	5	15	8	6	4	28	17	45	13
Đường giao thông bị sạt lở hư hỏng, bị chia cắt khi có thiên tai, BDKH xảy ra	8	5	19	7	8	6	35	18	53	10
Nguy cơ vỡ đê khi có bão cấp 10 trở lên và nước biển dâng	10	5	39	17	13	8	62	30	92	3
Hư hỏng tàu thuyền, mất ngư lưới cụ khi có bão, áp thấp xảy ra.	15	5	18	7	17	11	50	23	73	6
Nhà ở bị sập đổ, hư hỏng khi có bão xảy ra	29	9	40	15	18	23	87	47	134	1
Nguy cơ bệnh dịch sau thiên tai: đau mắt đỏ, tiêu chảy, sốt xuất huyết	8	4	17	7	6	8	31	19	50	11
Tổng cộng	140	70	294	126	182	154	645	350		

Phụ lục 3: Ảnh chụp một số hoạt động đánh giá







12.

Giới thiệu Nội dung cơ bản trong đánh giá rủi ro thiên tai, khí hậu

A. Các loại hình thiên tai phổ biến và tần suất, cường độ



- Dạng và loại hình thiên tai, thời tiết cực đoan tại xã
- Các đặc điểm trong quá khứ, tần suất và cường độ thiên tai xảy ra
- Xu hướng biến đổi khí hậu và thiên tai trong tương lai của xã

B. Người dân, cơ sở vật chất và sinh kế trong các vùng thiên tai của xã (Exposures)



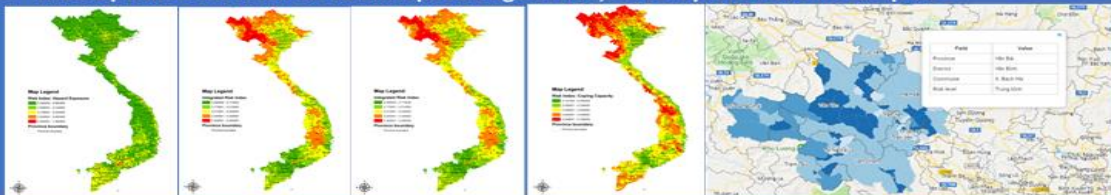
- Phân bố dân cư và cơ sở vật chất, sinh kế của xã theo không gian/địa bàn thiên tai

C. Tình trạng dễ tổn thương và năng lực của người dân, cơ sở vật chất và sinh kế



- Hiện trạng và đặc điểm dân cư, cơ sở vật chất và sinh kế
- Nguyên nhân, năng lực, điểm mạnh yếu của dân cư, cơ sở vật chất, và sinh kế tại các vùng thiên tai trong xã

D. Mức độ Rủi ro với thiên tai và khí hậu của người dân, cơ sở vật chất và sinh kế tại xã



- Đánh giá, phân lớp các rủi ro thiên tai khí hậu và mức độ rủi ro cho từng ngành/lĩnh vực theo nhu cầu
- Có thể bản đồ hóa các lớp thông tin đánh giá dựa trên kết quả của xã

Giới thiệu Nội dung cơ bản trong đánh giá rủi ro thiên tai, khí hậu

A. Các loại hình thiên tai phổ biến và tần suất, cường độ



- Dạng và loại hình thiên tai, thời tiết cực đoan tại xã
- Các đặc điểm trong quá khứ, tần suất và cường độ thiên tai xảy ra
- Xu hướng biến đổi khí hậu và thiên tai trong tương lai của xã

B. Người dân, cơ sở vật chất và sinh kế trong các vùng thiên tai của xã (Exposures)



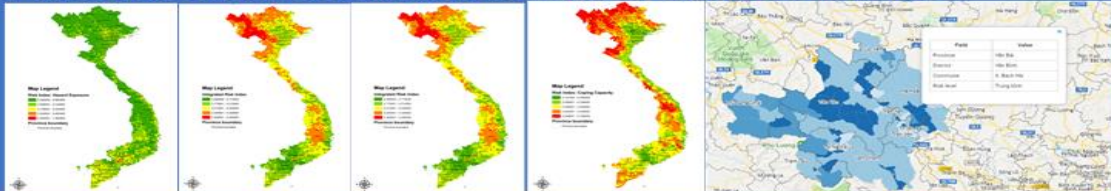
- Phân bố dân cư và cơ sở vật chất, sinh kế của xã theo không gian/địa bàn thiên tai

C. Tình trạng dễ tổn thương và năng lực của người dân, cơ sở vật chất và sinh kế



- Hiện trạng và đặc điểm dân cư, cơ sở vật chất và sinh kế
- Nguyên nhân, năng lực, điểm mạnh yếu của dân cư, cơ sở vật chất, và sinh kế tại các vùng thiên tai trong xã

D. Mức độ Rủi ro với thiên tai và khí hậu của người dân, cơ sở vật chất và sinh kế tại xã



- Đánh giá, phân lớp các rủi ro thiên tai khí hậu và mức độ rủi ro cho từng ngành/lĩnh vực theo nhu cầu
- Có thể bản đồ hóa các lớp thông tin đánh giá dựa trên kết quả của xã

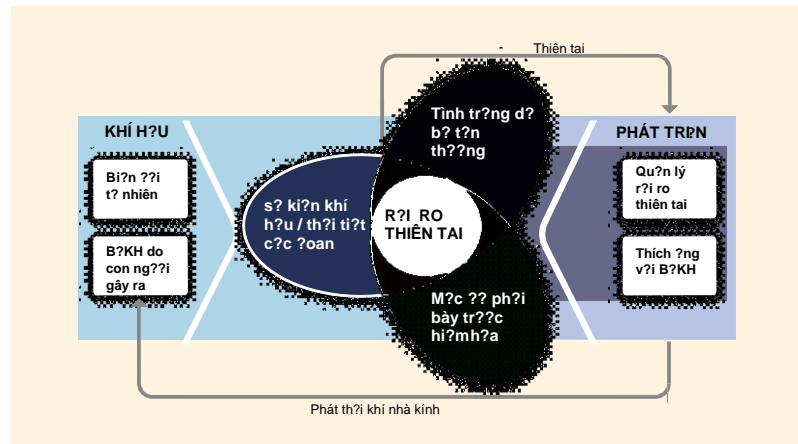
Việc đánh giá rủi ro thiên tai² bao gồm nhận định và phân tích các nội dung liên quan đến:

- nhận định đặc điểm của các hiện tượng thiên tai như vị trí, tần suất, cấp độ, cường độ và xác suất xảy ra;
- phân tích mức độ bị phơi bày của người và sự vật với các hiện tượng thiên tai;
- phân tích điều kiện dễ bị tổn thương của người và sự vật với các hiện tượng thiên tai đó ở mọi góc độ xã hội, y tế, kinh tế, môi trường;
- đánh giá hiệu quả năng lực sẵn có hoặc các năng lực thay thế (dự phòng) để có thể đối phó với các tình huống thiên tai khác nhau³ ;

²Các hoạt động này cũng còn được gọi là quá trình phân tích rủi ro (Dự thảo Sổ tay thuật ngữ về rủi ro thiên tai, 2016)

³Trong nhiều trường hợp, người ta coi năng lực là điều kiện đối ngược của tình trạng dễ bị tổn thương. Vì vậy, trên thực tế có nhiều phương pháp đánh giá không tách biệt đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương ra khỏi việc phân tích đánh giá năng lực.

Việc đưa ra định nghĩa hay khái niệm về đánh giá rủi ro thiên tai chỉ mang tính tương đối và còn chưa hoàn toàn nhất quán về cách tiếp cận và phương pháp⁴. Bản thân công tác quản lý rủi ro thiên tai cũng còn khá mới so với các lĩnh vực phát triển khác trên toàn cầu (khoảng từ đầu những năm 1990). Tại các quốc gia, việc quản lý rủi ro thiên tai trong những thập kỷ trước kia đa phần tập trung nhiều vào các công tác ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai hơn là coi đây là một mặt của vấn đề phát triển.



Đánh giá rủi ro thiên tai có thể được thực hiện ở các quy mô khác nhau (toàn cầu, quốc gia, tỉnh, thành phố/thị trấn, huyện, xã, thôn) và có thể được thực hiện cho các lĩnh vực khác nhau.

Nội dung đánh giá

Có bốn nội dung đánh giá rủi ro phải đề cập tới, đó là:

Đánh giá Thiên tai ⁵: nhận biết những thiên tai nào gây ảnh hưởng tới cộng đồng, một bản chất và diễn biến của mỗi thiên tai trên khía cạnh tần suất, cường độ, xu hướng theo mùa, vị trí, dấu hiệu cảnh báo, khả năng cảnh báo sớm và hiểu biết chủ ngữ của mọi người về thiên tai.

Về bản chất, thiên tai có thể chia làm hai loại: (i) các hiện tượng thiên tai tự nhiên như lũ, bão, hạn hán và động đất có khả năng gây ra các ảnh hưởng tiêu cực đến người và tài sản; và các hiện tượng thiên tai do các quy trình quá trình hoạt động sản xuất của con người gây ra như quá trình đô thị hóa, suy thoái môi trường, biến đổi khí hậu, v.v. Các quy trình/quá trình này hiện nay ngày càng diễn biến phức tạp và khó tách biệt về mặt bản chất của hiện tượng là do tự nhiên hay con người gây ra.

Thiên tai khác nhau về mức độ, quy mô, tần suất và thường được phân loại theo các nguyên nhân gây ra thiên tai khác nhau như địa lý, thủy văn, khí tượng và khí hậu.

Các kiến thức về thiên tai thường có thể thu thập từ các nguồn như:

- Các kinh nghiệm truyền thống, bản địa và kiến thức địa phương
- Các báo cáo nghiên cứu đánh giá khoa học kỹ thuật
- Các báo cáo theo dõi giám sát về dịch vụ khí tượng thủy văn
- Các mô hình khí tượng thủy văn, mô hình phân loại phân vùng thiên tai.

⁴Hiện nay UNISDR đang tiến hành tổng hợp số tay thuật ngữ mới trong công tác giảm rủi ro thiên tai (http://www.preventionweb.net/files/47136_workingtextonterminology.pdf). Việc đưa ra định nghĩa về đánh giá rủi ro thiên tai về bản chất chỉ mang tính tương đối. Dựa vào mục đích đánh giá khác nhau, việc đánh giá RRTT sẽ có cách tiếp cận và phương pháp khác nhau chứ không cố định ở một số quy tắc nhất định.

⁵Trong bài viết tác giả dùng từ Hiểm họa – Hazard, là một khái niệm dành cho các nhà nghiên cứu, để dễ hiểu và đồng nhất với các chương khác, ban biên tập chuyển thành thuật ngữ “Thiên tai”.

Đánh giá mức độ phơi bày trước thiên tai (Exposure): nhận biết mức độ hiện diện của con người và tài sản (như sinh kế, các dịch vụ môi trường và các nguồn tài nguyên, cơ sở hạ tầng, các tài sản kinh tế, xã hội và văn hóa v.v.) (chỉnh sửa từ SREX, Chương 2).

Các kiến thức về mức độ phơi bày thường có thể thu thập từ các kết quả điều tra dân số, ảnh vệ tinh, dữ liệu GIS, các báo cáo quy hoạch kế hoạch và các kinh nghiệm lịch sử về các sự kiện thiên tai. v.v. Các thông tin này thường được thể hiện dưới dạng bản đồ, bao gồm:

- Bản đồ phân bố theo không gian (địa phương, vùng v.v) và thời gian (ngày/tháng/năm) về người và cơ sở hạ tầng, ví dụ: bản đồ hệ sinh thái, cơ sở hạ tầng, bản đồ sử dụng đất, bản đồ hành chính và dân số, v.v.
- Bản đồ phân vùng thiên tai lũ, bão, hạn hán v.v. theo không gian và thời gian

Mức độ phơi bày trước thiên tai chỉ là một điều kiện cần nhưng không phải là đủ để quyết định khả năng chịu rủi ro thiên tai. Quy mô về tần suất, thời gian và không gian phơi bày trước thiên tai cũng rất quan trọng. Cùng sinh sống tại vùng lũ lụt, nhưng khả năng rủi ro với hộ dân ở vùng cao và vùng trũng là khác nhau hay nói cách khác, mức độ chịu ảnh hưởng của lũ lụt của hộ dân ở khu vực ở cùng trũng sẽ cao hơn hộ dân ở vùng cao. Nếu một người chỉ đến một nơi bị nào đó bị bão, mức độ phơi bày trước bão của người đó tăng lên. Nếu người đó phải liên tục di chuyển trong vùng lũ, họ sẽ có nguy cơ cao gặp nhiều rủi ro lũ lụt. Ngược lại, nếu được cảnh báo sớm và những người dân được sơ tán kịp thời, mức độ phơi bày trước thiên tai của họ giảm đi (IPCC, 2012 trang 237).

Ví dụ, để đối phó với cơn bão Damrey (cơn bão số 7 năm 2005), Huyện Hậu Lộc (tỉnh Thanh Hóa) đã di dời được 29.000 dân trong vòng 3 ngày trước bão (từ ngày 24 đến ngày 26/9/2005) lên các nhà kiên cố cao tầng trong thôn, trường học và khu hành chính ở trên thị trấn (JANI, 2011 trang 26). Tương tự như vậy, việc di dời 60.000 dân (khoảng 16.000 hộ gia đình) kịp thời ở tỉnh Quảng Nam trước cơn bão số 9 (bão Ketsana) cuối tháng 9 năm 2009 đã giảm thiểu mức thiệt hại về người và tài sản của nhân dân và chính quyền (JANI, 2011 trang 28).

Đánh giá Tình trạng dễ bị tổn thương (Vulnerability): là việc nhận biết các điều kiện tự nhiên, xã hội, kinh tế và môi trường hoặc các đặc điểm của các quá trình/quy trình hoạt động sản xuất của con người, mà vì các điều kiện/đặc điểm đó có khả năng làm tăng nguy cơ một cá nhân và/hoặc cộng đồng phải chịu tác động đến các thiên tai khác nhau (UNISDR, 2004; Dự thảo Thuật ngữ 2016).

Các nguồn thông tin kiến thức chủ yếu liên quan đến tình trạng dễ bị tổn thương thường được thu thập từ:

- Các kiến thức địa phương, kinh nghiệm bản địa
- Các chỉ số kinh tế xã hội của địa phương, chính quyền
- Các báo cáo đánh giá phân tích kinh tế, tài chính, báo cáo xã hội học (nhân chủng, dân tộc, văn hóa, hệ chính trị, v.v)

Việc đánh giá này nhằm nhận biết ai, cái gì chịu rủi ro đối với mỗi loại thiên tai và tại sao chúng có rủi ro (phân tích nguyên nhân căn bản). Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương sẽ giúp nhận biết được đâu là các cá nhân, hộ gia đình, các nhóm dân cư, tài sản và hoạt động sản xuất dễ chịu ảnh hưởng nhất từ thiên tai nào đó. Ví dụ: mặc dù cùng có nguy cơ thiên tai và mức độ phơi bày trước thiên tai như nhau, nhưng hộ nghèo thường sẽ dễ bị tác động tiêu cực của thiên tai hơn các hộ dân có điều kiện sống trung bình và khá giả.

Đánh giá tình trạng tổn thương là một trong hai điều kiện đủ để có thể xác định xem một cá nhân hay cộng đồng đang ở trên một địa bàn nhất định có bị tác động của thiên tai hay không. Ví dụ: Một hộ nông dân mà sinh kế chính của gia đình là nông nghiệp (dễ bị tổn thương với các điều kiện khí hậu, sinh kế phụ thuộc vào thời tiết), và sống ở vùng thường xuyên có lũ thì nhiều khả năng sẽ thường xuyên xảy ra mất mùa đói kém do lũ.

Trong thực tế, việc đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương là việc tập hợp nhiều điều kiện và đặc điểm có yếu tố bất lợi của một cá nhân hoặc một cộng đồng trong việc đối phó với thiên tai trên nhiều góc độ (tự nhiên, xã hội, kinh tế, môi trường, và quá trình/quy trình khác nhau). Một hộ dân càng có nhiều điều kiện dễ bị tổn thương thì sẽ càng dễ có nguy cơ bị tổn thất với các thiên tai.

Đánh giá Năng lực (Capacity): là khái niệm để chỉ quá trình nhận biết và xác định các nguồn lực và năng lực của con người hoặc của cộng đồng nhằm phòng

tránh, ứng phó và phục hồi từ những tác động của các thiên tai. Năng lực ở đây được hiểu bao gồm việc kiểm soát và quản lý các nguồn lực tài chính, tài nguyên thiên nhiên, các kiến thức, kinh nghiệm và chuyên môn trong việc quản lý tổ chức quy hoạch tại địa phương để quản lý, giảm nhẹ rủi ro thiên tai và tăng cường khả năng chống chịu.

Việc đánh giá năng lực cũng được hiểu là quá trình tổng hợp các nguồn lực, điểm mạnh và đặc tính sẵn có trong từng cá nhân, cộng đồng, xã hội và tổ chức có thể được sử dụng nhằm giảm các rủi ro do một thiên tai nhất định gây ra. Năng lực có tính động và thay đổi tùy theo hoàn cảnh cụ thể. Việc đánh giá năng lực cũng được coi là điều kiện đủ thứ hai để xác định mức độ rủi ro thiên tai của cá nhân hoặc cộng đồng.

Lưu ý: Trong đánh giá rủi ro thiên tai, năng lực là khái niệm trái ngược với điều kiện dễ bị tổn thương. Năng lực dùng để chỉ các điểm mạnh/đặc điểm tích cực của người dân có thể thực hiện để đối phó với thiên tai. Tình trạng dễ bị tổn thương dùng để chỉ các điểm yếu/các điểm hạn chế mà người dân tại địa phương đang gặp phải khiến họ không thể giải quyết được các tác động tiêu cực trong hoàn cảnh thiên tai. Với mỗi cá nhân và cộng đồng khác nhau, năng lực cũng như tình trạng dễ bị tổn thương của họ là khác nhau.

Như vậy, đánh giá mức độ rủi ro thiên tai (Risk) là quá trình tổng hợp các đánh giá về thiên tai, mức độ phơi bày, các điều kiện dễ bị tổn thương và năng lực của cá nhân hoặc cộng đồng để đưa ra các nhận định, ước lượng về mức độ nguy cơ tổn thất mà thiên tai có thể gây ra về mặt kinh tế, xã hội, tự nhiên hay môi trường.

Kết quả đánh giá rủi ro thiên tai là thước đo và phân loại các rủi ro thiên tai mà cá nhân, cộng đồng hay một hệ thống phải đối mặt. Đây là cơ sở cho kế hoạch giảm thiểu rủi ro của cộng đồng và các cơ quan nhà nước ở các cấp. Hiểu được rủi ro thiên tai, người ra có thể thiết lập thứ tự ưu tiên ở địa phương cho các hoạt động và phát triển cộng đồng sao cho các rủi ro và các chương trình khác phục hậu quả có thể được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên của người dân để nắm được kiến thức ở địa phương và đảm bảo rằng các kế hoạch QLRRTT phù hợp với các vấn đề ở địa phương.